

vấn-đề ấy. Cuộc chiến-đấu của dân tộc trên mọi bình diện, dưới những hình thức thích nghi, chính đó là cuộc Cách-mạng mà ta gọi là Cách-mạng toàn diện, tức là cuộc chiến-đấu chống Thực-dân, chống Phong-kiến, chống Cộng-sản, bắt đầu ngay ở trong bản thân mình.

Vì trung-thành với đường lối ấy mà Chánh-phủ do tôi lãnh-đạo đã bền-bì hoạt-động từ trước đến nay. Nếu có xảy ra những điều sai lệch ở một vài cơ-quan trong khi cấp công hành động, không ai có thể phủ nhận sự cương quyết của Chánh-phủ nghiêm-minh sửa phạt.

Một điều chắc-chắn là không một kế-hoạch đại quy mô nào nhằm nâng cao đời sống trong một nước kém mở-mang như nước Việt-Nam ta có thể đem lại kết quả mà không đòi hỏi những biện pháp can-đâm và những cố gắng lớn lao và liên-tục. Việc cần thiết là làm sao cho sự hy-sinh của mỗi người được giảm đến mức tối thiểu và số người được hưởng những lợi ích chung của kế-hoạch phải là tối đa.

Chúng ta sẽ tổng-kết những công cuộc đã thực hiện được trong năm nay vào lễ Quốc-Khánh. Nay mai, tôi sẽ nói chuyện đơn-giản và thân-mật với đồng bào về các vấn-đề, các khó khăn, các phương pháp hoạt-động của chúng ta.

Hôm nay, thông cảm và khen ngợi những cố gắng của đồng bào, tôi muốn xác nhận lòng trung thành của tôi, đối với lý tưởng Cộng hòa, là gây cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người để thăng tiến. Đồng thời, lưu ý đồng bào phải sáng suốt đối phó với mọi hình thức tuyên truyền xuyên tạc, nhất là tuyên truyền của Cộng-sản.

Trong lúc Việt-Cộng rúng sức phá hoại, bốn phận của mỗi người công dân là đặc biệt cảnh giác chống mọi âm mưu đầu độc của chúng, không những mỗi người phải tự mình đánh tan những tin đồn vô căn cứ, mà còn phải tích cực xây dựng bằng những hành động cụ thể đúng với tinh thần công lý xã hội về mục đích cũng như về tác phong. Bởi vì, tiếp tục xây dựng một xã-hội công bằng hơn, nhân bản hơn, bắt kể mọi âm mưu phá hoại của Cộng-sản, ấy là phương pháp hữu hiệu nhất đối với các hành-động phản-bội của chúng.

Nhân ngày kỷ niệm Song Thất, tôi kêu gọi toàn thể đồng bào, nhất là những người còn lầm tin Cộng sản, hãy cùng tôi đoàn kết để kiến tạo một hạ tầng cơ sở xã hội và kinh tế khá dī đảm được nền độc lập Quốc gia và phục vụ quyền lợi Nhân dân.



Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 38 — 15-7-1960

- 1.— Mong ông Bộ-trưởng giáo-dục đồng ý . . Nguyễn-Vỹ 7—9
- 2.— Những hòn đảo ma Trần lệ Lang 10—12
- 3.— Người ta hiểu lầm các bài Thơ
của Nguyễn-Khuyến . . . Hải Lương 13—15
- 4.— Em nói đúng (truyện ngắn) Mặc Thu 16—19
- 5.— Tình thơ (thơ) Đan Thanh 20
- 6.— Các nhà Tỷ phú trên thế giới Trọng Tấu 21—24
- 7.— Thoảng qua... (văn chương quốc tế) . . Tô thủy Yên 25—28
- 8.— Xin chớ hiểu lầm học thuyết Lão-Tử . Hà thanh Tử 29—31
- 9.— Trương công Định nhà thơ cách mạng . Võ bá Hài 32—36
- 10.— Cơm mới (truyện đồng quê) Mỹ Khanh 37—44
- 11.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến Nguyễn-Vỹ 45—49
- 12.— Đôi ngả (thơ) Th-nh Nhung 50—51

13.— Cô gái điên	Vi huyền Đắc	52 — 57
14.— Thân thể và sự nghiệp Phan-Khôi . . .	Nguyễn Vỹ	58 — 72
15.— Những người đàn bà lừng danh . . .	Tân Phong	73 — 79
16.— Nón Gò găng	Phượng Thu	80 — 82
17.— Tôi nghe vọng bước người đi.. (thơ) .	Phượng Hải	83
18.— Chuyện Cà Kê	Ba Tèo	84 — 87
19.— Sách báo mới	P. T.	88 — 94
20.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	90
21.— Những cuộc tình duyên sôi nổi : Musset	Tân Phong	91 — 98
22.— Minh ơi !	Diệu Huyền	99 — 106
23.— Tặng Hồng Tuyền nữ nhạc sĩ dương cầm	Hỷ Khương	107
24.— Lễ truy niệm cụ Phan-Khôi	Nguyễn Minh	108
25.— Kiên trinh	Cô Vân Nga	109 — 113
26.— 4.000 năm ca dao	Ba Tèo	115 — 117
27.— Thơ bạn đọc	P. T.	118 — 119
28.— Đáp bạn bốn phương . . .	Bạch Yến và Diệu Huyền	120 — 130

* Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lại-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-lô)

* Bài lại cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.
 - Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

XÃ LUẬN

Chúng tôi mong

Ô. Bộ - Trưởng

G i á o - d u c

đ o n g - ý

SAU khi chúng tôi tha-thiết kêu gọi, trong một loạt bài Xã-luận của Phổ - Thông tạp-chí, mở rộng chương-trình sinh ngữ trong các lớp Trung-học, chúng tôi rất vui mừng nghe tin hình như nhiều Phụ-huynh Học sinh Trung học và Ủy-Ban soạn thảo chương-trình học khóa 1960-61 đã đề-nghị lên ông Bộ trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-Dục nên mở thêm một giờ sinh-ngữ trong chương trình các lớp trung-học Việt-Nam. Nếu tin ấy đúng thì là một điều may mắn cho các bạn trẻ hiếu học. Tuy nhiên chúng tôi trộm nghĩ rằng thêm HAI giờ sinh-ngữ mỗi tuần thì sự rèn luyện sinh-ngữ mới được kết-quả đầy đủ hơn : một giờ học Văn-học-sử, và trích-giảng các tác-phẩm cổ-diễn, một giờ làm luận và học tập về pháp cú và văn phạm. Chúng tôi lại nghĩ rằng dạy sinh-ngữ nên dạy trực tiếp bằng Sinh-ngữ, như : Pháp-văn

thì dạy toàn bằng tiếng Pháp để học sinh tập nghe và tập nói cho quen thạo. Anh ngữ cũng vậy. Dĩ-nhiên cần phải có những Giáo-sư chuyên môn hoặc người ngoại quốc hoặc người Việt có trình-độ ngoại ngữ Đại-học. Như thế sau bốn năm Trung học Đệ-nhất-cấp, học-sinh sẽ có được một trình-độ sinh-ngữ khả-quan, thêm ba năm Đệ nhị cấp thí sinh Tú Tài sẽ được một trình-độ Sinh ngữ đầy-đủ để theo kịp Đại-học rất dễ-dàng. Nhưng bạn không tiếp tục Đại-học cũng sẽ có một căn bản sinh ngữ vững chắc để đọc được các sách báo ngoại-quốc, để thấu thập thêm văn-hóa quốc tế, và có thể trực tiếp nói chuyện được với người ngoại quốc. Thắng điểm đó sẽ rất lợi-ích cho các bạn trẻ xoay về các ngành thương mại, kỹ-nghệ, v.v... Các bạn nào muốn đi ngoại-quốc học thêm hoặc giao-dịch về các ngành kinh-tế sẽ không còn sợ kém về Sinh-ngữ nữa. Chúng ta thử tưởng tượng mỗi năm các Trường Trung-học Việt Nam đào-tạo cho xứ sở chừng vài chục ngàn thanh niên nam nữ thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, thì tương-lai văn-hóa của nước Việt Nam ta sẽ sáng lạn biết bao ! Chúng ta sẽ không còn ngượng khi nhìn thấy một người đỡ cấp bằng Tú Tài Việt Nam, hoặc một Sinh-viên Đại-học Việt-Nam mà phải nói tiếng bởi với người Pháp và áp úng ngắc-ngờ khi cần phải nói chuyện với người Anh, người Mỹ, Nhật, hay Ấn-Độ, v.v... Vì chúng ta nên nhớ rằng ngoài tiếng mẹ đẻ của chúng ta mà chúng ta có bốn-phận phải yêu-quí, phải bồi bổ, phải rèn - luyện thêm, người Việt Nam ở thời buổi mới này còn cần phải biết nói và biết viết hai Sinh ngữ thông-dụng nhứt trên địa hạt quốc-tế hiện nay : tiếng Anh và tiếng Pháp. Cùng một lúc, những nhà văn và những nhà trí-thức Việt-Nam đã có một căn bản ngoại ngữ tiếp tục xữ-dụng khả-năng của mình để nâng cao trình-độ văn-chương và tư-

tưởng Việt Nam, tăng thêm giá-trị Văn-nghệ Việt Nam để có đủ điều kiện phổ-biến ngôn-ngữ và tư-tưởng Việt-Nam ra ngoại quốc.

✱

TRỞ lại vấn-đề tăng giờ Sinh ngữ trong chương-trình học-văn Việt-Nam, chúng tôi có ý-kiến thiển cận rằng, nếu bắt đầu dạy chút ít Sinh-ngữ ngay trong các lớp Tiểu-học thì cũng không có hại gì cho trí óc của các em thiếu niên. Những giáo sư chuyên-nghiệp ở các lớp mẫu-giáo và các lớp Tiểu-học có thể chứng nhận rằng dạy thêm một môn Sinh-ngữ, Anh hay Pháp, bằng những phương-pháp mới, dễ-dàng và hấp-dẫn như những cuộc giải-trí, thì các em rất ham học và không có chút gì bị "nhồi sọ" cả. Thiếu-nhi thời nay rất thông-minh và không có gì khuyến-khích sự học hỏi điều-độ và tuần-tự của các em về ngoại-ngữ bằng dạy cho các em những bài hát dễ dàng và những tiếng một thông-dụng nhứt của ngoại-ngữ. Dù sao bắt đầu từ lớp Đệ-thất học mỗi tuần hai giờ sinh-ngữ là một điều rất thích-hợp với môn giáo-dục hiện nay ở khắp thế-giới.

Chúng tôi thiết tha hy-vọng ông Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo-dục đặc biệt lưu ý đến vấn đề. Nếu chúng ta nhận thấy rằng chủ-trương học-văn từ trước đến nay có thể sai lạc phần nào thì chúng ta cũng còn đủ thì giờ để sửa đổi một vài khuyết-diểm. Chúng ta không nên câu-nệ vì chút lòng tự ái dân tộc mà đeo đuổi một chánh sách ngoan cố trên phương-diện giáo-dục có hại cho tương-lai của thanh-niên và của Quốc-gia.



Những

hòn đảo ma

TRẦN-LÊ-LANG

N NGÀY 13 tháng 7 năm 1831, trên con đường Sicile đến bờ biển xứ Tunisie, một chiếc tàu Anh đang lướt sóng giữa trùng khơi bỗng người trên tàu nhận thấy ngoài kia chân trời hiện những luồng khói dày như từ biển cả thoát lên.

Viên thuyền trưởng lấy bản đồ xem thì thấy chẳng có một phần đất nào ở nơi ấy cả. Ông lấy làm lạ kỳ, mới quyết định đến tận nơi ấy để xem cho biết hiện tượng gì lạ lùng đến thế. Khi tàu tiến đến

gần, viên thuyền trưởng và tất cả thủy thủ trên tàu đều kinh ngạc mà nhận thấy sự hiện diện của một hòn đảo.

Viên thuyền trưởng cho tàu đánh một vòng quanh đảo để lấy kích thước của nó. Đảo ấy được lối 4 ngàn 800 thước đường vòng và bề cao trung bình là 33 thước. Về đến Anh-quốc, ông làm báo cáo lên bộ Thủy quân rồi. Lập tức bộ Tư lệnh hải quân cho ngay một hạm đội đến, thay mặt cho Vua Anh, chiếm hòn đảo ấy.

NHỮNG HÒN ĐẢO MA

Cuộc lễ cử hành vào tháng tám. Người ta đặt cho đảo ấy tên là Julia, vì nó được tìm thấy vào tháng 7, (July). Thế là Anh quốc có thêm một thuộc địa.

Nhưng Ferdinand II thấy thế không bằng lòng. Nhà vua cho rằng hòn đảo ấy ở trong hải phận của mình, như vậy là thuộc quyền mình nên phản kháng kịch liệt với Anh quốc.

Anh quốc không lấy sự hăm dọa chỉ bằng những lời không ấy làm điều, và vẫn tiếp tục ngự trên hòn Julia. Hơn nữa, vị trí của đảo Julia cho nó có giá trị như là một căn cứ chiến lược thích yếu, một thứ bao-lơn nằm trước chiếc pháo đài hùng cường là đảo Malte của Anh quốc. Nơi đảo Julia, họ có thể chống trả thuận tiện và thắng lợi những quân đội ngoại quốc đóng trên đảo láng giềng là Pantellaria.

Thấy nước Anh không dẽ xĩa gì đến lời phản kháng của mình, Vua Ferdinand nổi trận lôi đình lên. Ông mới nhờ nước Áo giúp lời thêm vào. Thế là có những cuộc bàn cãi ngoại giao mở ra giữa ba nước, dài dòng và sôi nổi khiến cho cả Âu châu phải hồi hộp chăm chú theo sát nghe ngóng. Nhưng vẫn không thu xếp nên gì

được, và người ta tiên đoán là công chuyện sẽ rời tầm thăm xanh mà đem đi giải quyết ở chiến trường vào cuối thu đầy thối.

Đôi bên còn lờn qua tiếng lại thì bỗng ngày 28 tháng chạp cũng trong năm 1931 ấy, đảo Julia — có lẽ ngại ngùng không muốn vì chút thân bé bỏng của mình mà xảy ra những chuyện to giữa hai kẻ cùng «yêu» mình, do đó quyết định trở lại nơi đã từ ấy đến — nên biến mất vào lòng biển cả, cũng lặng lẽ và bí-mật như lúc nó hiện lên trên mặt nước hồi 5 tháng trước.

Hai nước, vì nó suýt phải động binh, cùng bỏ ngõ mà bắt tay giảng hòa nhau. Nhưng, đột nhiên, đảo Julia lại tái hiện vào năm 1943, lần này ra vẻ phong phú đất đai hơn kỳ trước, vì bây giờ nó được đến 80 thước bề cao. Dù vậy, nó cũng không được ai nghĩ đến sự làm chủ nó nữa. Người ta hoài nghi cái tánh cách thoát hiện thoát biến của nó. Sự dè dặt ấy cũng đúng, vì cũng không bao lâu sau đó, nó lại chui tọt xuống dưới lòng đáy biển sâu. Rồi nó lại hiện lên lần thứ ba nữa và năm 1891. Bây giờ thì có những nhà địa chất học và những nhà hải-dương học đến viếng nó

NHỮNG HÒN ĐẢO MA

đề tìm nguyên cớ đột nhiên đến, đột nhiên đi của nó.

Cuộc khảo sát cho biết là do một trái núi lửa dưới nước thỉnh thoảng thức giấc bất ngờ, tuôn ra một số to những đá và bọt kim thuộc. Những chất này, vì nóng, chảy kết tụ lại với nhau làm thành một khối đặc, nhẹ hơn nước bởi vì hình thể cấu tạo ấy như là thứ bọt bề đầy những lỗ hồng bên trong. Khi gặp một tác động của thời tiết xấu, nó rã ra. Những lỗ hồng ngập đầy nước trở nên nặng, thế là cả khối ấy bị sóng cuốn đi hoặc chìm tụt ngay xuống bể.

Người ta nhận thấy có vài đảo

khác cũng có những lúc hiện rồi biến đi như đảo Julia, tất cả đều do một nguyên cớ như nhau, đại để những đảo Tonga ở Polynésie ngoài khơi Alaska, trong vùng quanh những đảo Aléoutiennes và lắm nơi khác. Nhưng trường hợp biến đi và hiện lên như đảo Julia, không mấy khi có. Đặc biệt hơn hết và chiếm kỷ-lục về sự biến, hiện nhiều lần là đảo Sabrina. Đảo này hiện lên, biến đi, rồi hiện lại liên tiếp như thế trong những năm 1658, 1691, 1720, 1811, và đến năm 1811 này, nó ở luôn lại trên mặt nước để góp thêm phần đất cho Năm Châu. Đảo Sabrina vẫn còn tồn tại nơi ấy đến nay.



★ Vòng gai

Khi được tin tng Pandit NEHRU sắp làm lễ thành hôn với người yêu của ông là Nữ đồng chí Kamala, Thánh Gandhi bảo :

— Tôi sợ cái vòng hoa ái tình nàng đội trên đầu sẽ hóa thành vòng gai !

Quả nhiên, cô Kamala cũng là một nữ chiến-sĩ cách-mạng hăng hái như Nehru, và sau khi cưới xong cô bị bắt, bị tra tấn và bị chết trong ngục thất của người Anh.

B. T.

NGƯỜI TA HIỂU LẦM CÁC BÀI THƠ CỦA

Nguyễn - Khuyển

c h ấ n g ?

★ HẢI-LƯƠNG

LÀU nay người ta đua nhau nói về Nguyễn-Khuyển, phân tích lối thơ nôm của ông cũng nhiều, nhưng tiếc thay người ta đã hiểu sai về Nguyễn-Khuyển rất nhiều. Vì nhận thấy Nguyễn-Khuyển đã và hiện có chân trong nền văn học nước nhà hiện tại, vì thế chúng tôi nghĩ cũng nên đính chính một vài điểm về Nguyễn-Khuyển theo sự hiểu biết tầm thường của chúng tôi.

Ngay cả đến ông Hà-như-Chi, khi giảng qua bài « Thu điếu » trong quyển II « Việt-nam thi-văn giảng-luận » cũng đã viết :

« Bài này chứng tỏ tài nghệ tả cảnh rất thần tình của tác giả, như một nhà họa-sĩ lành nghề... » Theo tôi, theo sự hiểu biết tầm thường của tôi nếu nói bài này Nguyễn-Khuyển đã tả cảnh thu thì sai hẳn, sai với cái ý bóng, chứ nghĩa đen vẫn còn đúng vì ta thấy những bài này ông viết sau khi ông cáo quan về nhà dạy học, việc về trú-sĩ của ông còn có khác là thái độ bất hợp tác với người Pháp bấy giờ. Vậy ít nhất những bài mà ông thái ngهن vào lúc này cũng mang ít nhiều về thái độ đó chứ...

Vậy để dẫn chứng, chúng tôi

xin trình bày qua bài « Thu điều » rồi đến bài « Thu ẩm » và hầu hết các bài thu của ông như « Thu vịnh », v.v...

*«Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Từng mây lơ-lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo»*

Qua bài « thu điều » chúng ta thấy nếu biểu ông tả cảnh thì tội cho ông quá, nước «trong veo» mà ông còn ngồi trên thuyền để câu cá thì thật là ông không biết câu gì cả, mà không biết câu thì đừng nên đi câu, hơn nữa đi câu với ông là một thú tiêu khiển ngâm vịnh là một cái thú, nhất trên đời khi cá đớp mồi. Ở đây ta thấy « nước trong veo » thì cả nó sẽ thấy rõ cần, mồi và có lẽ sẽ thấy rõ cả ông Nguyễn-Khuyến với bộ râu nửa bạc nửa đen thì cá đâu dám đến.

Không những riêng ông Hà như-Chi mà hầu hết các giáo-sư đều giảng với nghĩa như vậy cả, nhất là hai bài « thu điều » và « thu ẩm », theo tôi thì những

bài này mang nặng một lối thơ cách mạng, có hiểu rõ như vậy thì xác ông Nguyễn-Khuyến mới nằm yên nghe cả một thế hệ về sau ông nói gì về ông và ông đã mỉm cười khinh bỉ hay cười một cách khoái chí như khi ông còn sống với bầu rượu, túi thơ.

Để thêm phần dẫn chứng tôi xin lần lượt đưa ra bài « thu điều » rồi bài « thu ẩm ».

Bây giờ chúng ta làm một bài toán, giả sử rằng « Ao thu » chính là nước Việt mền yêu và ta sẽ thấy rõ ngay cả câu đầu ông đã tả tình trạng nước nhà dưới thời Tự-Đức nói riêng và dưới thời Pháp thuộc nói chung cả đông dương thuộc địa, với « một chiếc thuyền câu bé tẻo teo » chiếc thuyền câu này đâu phải là chiếc thuyền như chúng ta hiểu mà trái lại theo ngụ ý của ông là tả một số người làm cách mạng thời đó. Rồi đến « sóng biếc theo làn hơi gợn tí », « sóng » ở đây là sóng đại dương đưa làn gió du học ở Nhật-Bản, ở ngoại quốc về khuyên thanh niên xuất dương du học nhưng chỉ hơi « gợn tí » mà thôi. Tiếp theo câu « lá vàng trước gió sẽ đưa vèo » tả tình trạng bất bợ cảm

đoán, giết chóc các nhà ái quốc của thực dân bấy giờ.

« Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt » đây là lời than trước thái độ đứng đưng của các nước bạn không muốn giúp ta; giúp những nhà ái quốc ta trước tình thế đen tối với chủ nghĩa thực dân Pháp.

« Ngõ trúc quanh co khách vắng teo » ngõ trúc ở đây chính là con đường ái quốc, con đường cách mạng lại vắng bóng người đi, và chính ngay ông cũng phải « tựa gối ôm cần » nhưng hơi ôi, « lâu chẳng được » rồi thỉnh thoảng lại có thư ở ngoại quốc gửi về làm thức tỉnh lòng ông cũng như một số người đồng tâm sự, hoàn cảnh như ông « cá đâu đớp động dưới chân bèo »...

Cũng như bài « thu ẩm » ta lại thấy rõ ràng hơn nữa, có lẽ Nguyễn-Khuyến không phải là một nhà thơ, mà lại là một sử gia đã chép lại những biến cố, những tình trạng thời bấy giờ, qua bài này chúng ta lại thấy ông viết « Năm giaa nhà cỏ

thấp le-te » năm gian nhà này là năm gian nào ? phải chăng ông ngụ ý nói Đông Dương thuộc địa của đế quốc Pháp chứ gì : Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Ai-lao và Cao-mên, năm gian nhà này không sang trọng gì cả, trái lại ta thấy « nhà cỏ » là nhà nghèo nàn và lại « thấp le-te », như thế đã cho ta thấy rõ tình trạng hiện giờ của thuộc địa Đông Dương.

« Ngõ tối đêm khuya đóm lập-loè » ngõ tối chính là tình trạng đen tối bấy giờ rồi ta lại thấy « đóm lập loè » phải chăng đó là ngọn đuốc cách mạng đang vươn mình lên trong đêm tối chẳng ? Và ngao ngán thay ánh sáng đó chỉ lập-loè thôi và rồi « lưng dậu phất thơ màu khói nhạt ; Làn ao lóng lánh bóng trăng hoe », làn ao ở đây cũng giống như « sóng biếc theo làn hơi gợn tí » vậy. Qua hai bài ta thấy có rất nhiều chỗ tương đồng. Để kết thúc, chúng tôi xin đưa ra câu phê bình của Dương-quảng-Hàm: « Ông cũng hay giễu cợt người đời, chỉ trích thói đời một cách nhẹ nhàng kín đáo... »

Em nói đúng

★ MẶC - THU

CÓ tiếng máy nổ ngoài ngõ. Má thằng Tân giật-mình thức giấc. Thằng Tân vội năm lấy tay me khẽ kêu :
— Má ! má ! Con đây ! Má có bớt không ?

Thằng Tân vẫn ngồi bên má nó từ nửa đêm tới giờ. Trong đêm má nó trở bệnh, cơn sốt tăng lên, miệng luôn luôn ú-ớ. Thằng Tân lo đến mướt mồ-hôi. Nó không dám ngủ nữa, cứ ngồi dưới chân giường mà thẩn thẩn lo sợ không ngớt.

Chị Ba, chép miệng vài cái, lờ-

ờ mở mắt nhìn con, khẽ hỏi :

— Sáng rồi ư con ?

Thằng Tân gật đầu, nhìn mẹ thương xót.

Chị Ba gượng toan ngồi dậy :

— Má bớt rồi ! Con đi đi !

Thằng Tân ngần-ngừ nửa muốn đi, nửa muốn ở lại. Đi thì ai trông nom má nó. Mà ở nhà thì lấy tiền đâu mua thuốc cho má nó. Mấy bữa nay, má nó bệnh, không được một giọt thuốc nào.

Nó đã hỏi người thầy thuốc Tàu ở ngoài phố. Tiền xem mạch và hốt ba thang thuốc ít nào cũng

phải ba chục bạc.

Thằng Tân đã bối-rối muốn bật ra khóc. Nhưng rồi nó cắn môi dẫn lại được. Nó nghĩ : phải can-đảm mà lo sao cho có số bạc đó chớ khóc có ích gì !

Nó tưởng như nó đã là một người lớn, cần phải đứng mũi chịu sào cho qua cơn sóng gió.

Khốn nạn ! Nó đã trưởng-thành cho cam. Với mười tuổi đầu, nó chạy ngược chạy xuôi trong cái thành-phố rộng lớn này kiếm miếng ăn đem về nuôi má nó đã đủ chật-vật rồi. Nay má nó bệnh nằm đấy, chạy được thang thuốc mới lại càng thêm cực.

Trong lúc bối-rối ấy, thằng Tân bỗng nhớ tới cha nó. Anh Ba, người công-nhân, làm trong một hãng thuốc điều, lúc nào cũng lo đủ miếng cơm, manh áo cho vợ, cho con. Đương khoẻ mạnh là thế, bỗng anh Ba bệnh rồi vĩnh-biệt vợ con mà đi hẳn. Anh đi, hẳn không yên tâm, nên đôi mắt mờ trũng, vượt thế nào cũng không khép lại được.

Người lối xóm lúc ấy bảo nhau : anh thương vợ thương con, đi không dứt...

Thằng Tân mỗi lần nghĩ đến, ruột lại quặn đau. Mắt nó mờ một

màng lệ. Hình ảnh cha nó lại lờ-mờ hiện lên, khuyến-khích nó, thúc-giục nó.

Tiếng chân ngoài ngõ đã bớt xao-dộng.

Chị Ba trở mình quay lại giục con :

— Má bớt rồi mà ! Con đi đi không trễ...

Thằng Tân đứng dậy, dặn mẹ :

— Nồi cơm con để ở chân giường đây, lúc nào má đói lấy mà ăn nhé. Ở trông có khoanh giò con để sẵn đấy !

Nói rồi nó xách đồ nghề của nó chạy vụt ra ngõ. Nó nghĩ rằng lại tự hứa : bữa nay phải làm hết sức sao cho kiếm đủ món tiền mua thuốc cho mẹ nó.

Thằng bé đánh giầy, từ trong một xóm lầy-lội, thoát ra, mắt hút vào cái guồng máy sinh-hoạt đồ-sộ của một thành phố lớn, như một hạt cát bay trên bãi sa-mạc.

★

Thằng Tân liếc nhìn vào cái đồng hồ treo trong một tiệm nước. Đã 10 giờ đúng. Nó nhẩm số tiền đã kiếm được hiện nằm trong túi nó. Tất cả là 18 đồng. Kiếm được một số tiền như vậy trong có nửa buổi, phải kể là một kỷ-

lục trong giới đánh giầy.

Đề kiểm được số ấy, thằng Tân đã phải tranh-dấu với tất cả khôn ngoan và sức lực vượt bậc của nó. Tranh-dấu từng phút với thời-gian. Tranh-dấu với từng đồng-nghiep của nó. Nó phải chối bỏ cả những qui luật đã được ước định trong nghề nghiệp đánh giầy của nó. Nó đã phải xót trán vì một đồng nghiệp của nó đã quá sốt sắng bênh vực qui luật ấy.

Sáng nay, thằng Tân bỗng trở nên một kẻ "ngoài vòng pháp luật" của giới đánh giầy. Đó là một sự lạ đối với những trẻ đánh giầy khác vì từ xưa tới nay Tân vốn là một kẻ hành nghề rất trật tự. Bản tính của thằng Tân rất hiền lành. Bạn nó, ai cũng thương nó.

Thằng Tân tranh đấu cả với khách hàng. Người khách đã hai ba lần từ chối không nhận, nó cũng làm lơ cứ xán lại gần ngồi ôm dưới chân.

Nào có vậy thôi, thằng Tân còn phải tranh đấu với những người thừa hành công vụ, những thầy Cảnh-Sát.

Thằng Tân thấy bóng Cảnh-Sát thì lần trốn, sợ sệt như

những kẻ trộm cắp, lanh lẹn và khôn ngoan như những con chuột ngày.

Dầu vậy, trong thâm tâm, thằng Tân không hề oán trách các thầy Cảnh-Sát nọ. Nó biết nó là một kẻ kém mý quan của thành phố mà các thầy Cảnh Sát có nhiệm vụ phải gạt bỏ đi để giữ gìn quốc-thê.

Trong óc nó chỉ có một điều: làm sao vừa trốn tránh được mà vẫn hành nghề được.

Trước mắt nó chỉ có một hình ảnh: má nó đương nằm bệnh chờ những giọt thuốc của nó mạng về.



Thằng Tân đề ý đến một người khách ngồi uống nước một mình ngoài hiên một nhà hàng. Ông ta ăn mặc sang trọng đàng hoàng. Đôi giầy của ông ta là thứ giầy đắt tiền, nhưng không được bóng. Đôi giầy này ít nhất cũng cả tháng nay chưa đánh xi!

Con mắt nghề nghiệp của thằng Tân đoán thế. Ăn mặc chừng chặc thế kia hẳn ông ta sắp có việc đi đâu! Bộ óc đầy kinh nghiệm của thằng Tân suy ra thế.

Thằng Tân đánh hơi thấy con

mồi của mình rồi. Nó đảo mắt nhìn quanh xem có đồng loại nào của nó cũng dính con mồi ấy, muốn tranh con mồi ấy không. Không có bóng dáng đứa trẻ đánh giầy nào ở cạnh, nó mới yên tâm. Cũng không có thầy Cảnh Sát nào lảng vảng gần đó cả.

Giờ khởi sự thật đã thuận tiện. Chiến trường như đã đúng lúc để cho vị tướng lãnh khởi cuộc tấn công.

Thằng Tân mon men lại gần ông khách.

Ông ta mãi đọc báo không nghe thấy mấy tiếng chào mời của thằng Tân. Tân, nó ngồi thụp xuống đất, ôm lấy một chân giầy của ông khách, coi như ông khách đã thuận. Nó lấy cái bàn chải gỗ cách-cách vào cái hộp gỗ.

Người khách bấy giờ mới nhìn xuống.

Thằng Tân nhoẻn một nụ cười thật dễ thương:

— Đánh giầy, thầy! Con đánh thật bóng như gương. Thấy ông khách chưa có « thái-độ », thằng Tân nói thêm:

— Thật mà thầy! Không bóng con không ăn tiền!

Ông khách vẫn còn ngần-ngừ.

Thằng Tân đòi ra giọng « làm thăm »:

— Thầy, cho con đánh, kiểm cơm ăn, tội nghiệp mà...

Giữa khi đó, một tà áo màu phất vào mặt thằng Tân. Một bà ăn mặc lịch-sự, son tô môi đỏ choét, kéo ghế ngồi cạnh ông khách nọ.

Ông khách đề một chân lên cái thùng gỗ của thằng Tân.

Đây là một cử-chỉ thuận cho Tân đánh giầy.

Người đàn bà ngồi bên cau mày, giọng hơi gắt:

— Chà! Ngồi uống nước, đưa chân cho một thằng nhỏ đánh giầy, giữa một nơi văn-minh như vậy, mình không thấy ngượng sao?

Người đàn ông có vẻ ngượng thật. Cái vẻ ấy bấy giờ ông ta mới có. Ông ta gượng nói:

— Cho nó đánh, tội nghiệp!

Người đàn bà, sáng giọng:

— Nhưng, mình không thấy nó chướng mắt ư? Người ngoại quốc đi đường kia họ thấy thì đẹp mặt! Hừ! Thật là một hành vi vô nhân đạo...

Người đàn ông, rụt cẳng lại, khẽ nói:

— Ừ... ừ... em nói đúng!

Thằng Tân tung hứng xách cái thùng gỗ bước đi.

Nó tiếc vừa mất một khách hàng đáng lẽ đã nắm được.

Tình thơ

Một chút tình thơ gói gió trắng,
Em ơi mây nước cánh chim băng
Biết đâu bờ bến câu tâm sự
Mà hẹn hò nhau, hỡi cách ngăn.



Sông núi ta càng thêm nhớ thương
Nhớ thương vương vấn một trời sương
Con thuyền không lái trôi vô định
Mà bóng chiều xa lẹ cổ hương.



Thơ Bích-câu nào ai nhẩn đưa
Cuối sông không một bóng trăng thừa
Đề cho tình sóng nường sương bạc
Theo gió trắng về bến ước xưa



Bao nhiêu mộng biếc dệt thành THƠ
Tiếc hã, thương hoài, nhớ vẫn vơ
Mười hai bến nước, con đò ấy
Hò hẹn về đâu, sóng hững-hờ...

Quảng-ngãi 10/59
ĐAN - THANH

cuộc đời của

các nhà Tỳ-phủ

trên Thế-giới hiện nay

— Giầu hay mần, bần hay ăn
(Tục ngữ V. N.)

✱ TRỌNG-TÁU

— Anh tôi không thông minh
lắm, nhưng được cái giỏi kiếm
tiền.

Nàng Dandillot

(Les Jeunes filles, H. de
Montherlant.)



Từ xưa tới nay, người ta đã viết rất nhiều về cuộc đời của các vị vua chúa, các chiến sĩ anh hùng, các chánh-khách, những nhà văn-học, nghệ sĩ trứ danh, cho cả đến những tên phản quốc hoặc các ả giang hồ v.v..., nhưng ít thấy ai nói đến CUỘC ĐỜI CÁC TAY CỤ PHỦ. Có chăng chỉ là

những bài thuê viết, đề nịnh bợ hoặc những bài châm biếm, hằn học, của những kẻ ganh ghét cạnh tranh. Vì thế, các tiểu sử và các lời giới thiệu, phê bình thường thường bị thêm bớt, hoặc bị xuyên tạc sai lầm, không đúng sự thật.

Giới cụ-phủ, không phải lúc nào cũng tâm sự dễ dàng với bất cứ một ai. Họ rất sợ và có khi tìm cách lánh xa những kẻ nào thích tò mò len lỏi vào cuộc sống tư, cũng như cuộc đời kinh - doanh của họ. Không ai bí mật, ít bép xép, thận trọng bằng những kẻ đang nắm giữ trong tay một gia tài kết sù.

Một người tầm thường, đứng

trước một tay cự-phú, có rất nhiều cảm giác khác biệt : kính-phục, ngưỡng mộ, hay khinh-khi, ghét bỏ, dè dặt, ganh ghét, ham muốn v.v... Chính ở những cảm giác và trạng thái tâm hồn ấy, với một sự gạn lọc và phân-tách tỉ-mỉ ta có hy-vọng tìm ra cái chân xác trong cuộc đời của những tay tỷ-phú. Ngoài ra, cũng có khi, nhờ ở những hành động, tư tưởng, thái độ, cử chỉ của họ, mà ta có thể thấu triệt những gì các tay Tỷ-Phú đang cần giấu diếm. Chúng ta cũng nên tìm hiểu họ, để rút bài học kinh-nghiệm về cách kinh-doanh của họ.

Nếu lịch-sử các quốc-gia, thế-giới, đã không bị kim-tiền chi-huy, thì ít ra, đôi khi, người ta cũng nhận thấy vai trò quan trọng của nó trong sự hưng thịnh của từng triều đại, của từng chế-độ, các cuộc cách-mạng, đảo-chánh, xâm-lăng thuộc-địa, di tìm đất mới, v.v... Ấy thế mà ta cứ thử dờ toàn bộ những sách sử các quốc-gia xem có thấy những tên sau này không : PERUZZI, FUGGER, GRESHAM, CASSEL, DETERDING, SCHNEIDER, ZAHAROFF, THYSEN, VERNES, MI-

RABAUD, GULBENKIAN...? Nếu tên họ xuất-hiện trong lịch-sử, có lẽ chúng ta đã có dịp biết qua :

— Rằng nhà tỷ phú LAURENT DE MÉDICIS, tục gọi «người toàn-hảo», không phải chỉ là người bảo bọc cho nghệ-thuật và văn học mà thôi; ông ta còn ủng hộ tài chánh cho cuộc hoạt động chính-trị của Edonard IV (vua nước Anh 1442-1483) để ông này tái chiếm ngai vàng;

— Rằng hồi thế-kỷ thứ 13, ngân-hàng Della Sca'a, các hăng Bardi và Peruzzi đã cho các vị vua Anh và Pháp vay tiền với số lời rất nặng, để hai ông này tổ-chức quân-đội chiến tranh;

— Rằng năm 1519, nếu họ FUGGER không bỏ bạc vàng ra để giúp vua CHARLES QUINT (Đức) thì ông này cũng khó mà được bầu làm vua;

— Rằng LOUIS XIII, nhờ nhà ROTHCHILD để phục-hồi;

— Rằng ALPHONSE XIII (Y-Pha-Nho) mất ngôi năm 1931 chỉ vì ông ta quá tham. Ông ta muốn ăn nhiều tiền khấu trừ về dầu lửa. Người kế-vị ông ta là Primo de Rivera cũng bị lật đổ chỉ vì đã muốn lập nên

một chế-độ độc quyền về dầu lửa tại Y-Pha-Nho;

— Rằng năm 1938, tại Munich, HITLER đã nhẹ đồng cân nếu không có sự ủng hộ của nhà tài-phiệt DETERLING, chủ-tịch công ty Royal Putsch, một công-ty Hòa-Lan vốn Anh, và của Hăng Standard Huê-kỳ mà ROCKEFELLER là người thành lập, v.v... và v.v...

Những sự việc trên cho ta thấy rõ rằng bàn tay các nhà TÀI-PHIỆT không kém phần quan-trọng như các nhà quân-phiệt trong nhiều biến chuyển lịch-sử. Song lẽ, các nhà làm sử không cho họ có một chỗ ngồi trong Lịch-sử nhân loại, có lẽ vì tiền rừng bạc bể không phải là một yếu tố làm tăng giá trị tinh-thần của con người chẳng? Crésus, đệ-nhất cự-phú của xứ Lydie, chiếm được vài giòng trong cuốn Tự Điển Larousse cũng nhờ ông làm vua (563-548 trước J.C.)



Một nhà chuyên tìm hiểu về cuộc đời, và sự-nghiệp các tỷ-phú đã viết về họ như sau :

«Nên nhớ rằng, muốn định-nghĩa đúng mức một tướng cướp lợi hại, không còn cách nào hơn

là liệt hẳn vào loại AL CAPONE, một tên cướp lừng danh quốc-tế. Đó là những kẻ sống «bên lề» và có nhiều điều ta đáng nói để khái-niệm thích-nghị hạnh-kiểm họ. Nhà tỷ-phú giàu nhứt thế giới, ROCKEFELLER, không thể là Al Capone, nhưng người ta khám phá được trong đời của Rockefeller cả ngàn nét và đặc biệt, lối hoạt động sống động của ông, nhiều điểm tương đồng với một tên gangster. Dầu sao mặc lòng, Al Capone cũng rất có thể thành công rực rỡ như Rockefeller, trong loại thương mại của y. Chính vào lúc chót đời, mới là giai đoạn mà các tay Đại-Tỷ-Phú và tướng cướp giống nhau nhất. Vào lúc chót đời, họ bắt đầu làm ăn đứng đắn, tìm thú của Khương-tử-Nha, lập ra các nhà thương, trường học, thư-viện, các giải hòa bình, các viện - tế - bản và đánh «gôn».

Nhà ký sự Clemens Sander ở Augsburg (Đức) đã kể lại như sau :

«JACOB FUGGER, đệ nhất tỷ-phú thế-kỷ thứ 16 là người đã dùng của cải của ông ta để lãnh-trung thuế-vụ, để đầu cơ các món tiền cho vay về chiến

tranh. Ấy thế mà khi ông đến viếng thăm Đức - giáo - Hoàng. Ngài đã tiếp đón với tất cả lễ nghi đặc-biệt gọi ông ta là «con yêu dấu», và ra lệnh cho các vị Hồng-Y Giáo-Chủ đứng dậy».

ALFRED NOBEL, người đã đặt ra các giải thưởng quốc-tế về văn-chương, hòa-bình, v.v... đã làm giàu bằng các chất mìn, cho nên đã có lần ông tâm sự : «Tôi ghê tởm chính mình tôi».

★

Kể sơ qua một vài thí dụ điển-hình về các nhà tỷ phú lừng danh nhất trên Thế giới. Giờ đây, các bạn hãy cùng tôi đi sâu hẳn vào cuộc đời của mỗi nhân vật.

Sir Henry Deterding

Sir Henry Deterding là Hội-Trưởng Công Ty dầu lửa *Royal Dutch Shell* của Đức. Người ta kể ông là một trong số chừng độ mươi nhà đại tư bản quốc tế.



★ Danh ngôn về chính trị

Thuận theo cơ trời, không bằng tùy theo địa lợi. Tùy theo địa lợi không bằng thuận theo lòng dân.
(Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa).

MẠNH - TỬ

THOÁNG QUA

★ **LANGSTON HUGUES**
TÔ - THÙY - YÊN dịch

● *LANGSTON HUGUES* là một văn thi sĩ da đen tên tuổi hiện đại của Hiệp Chúng Quốc Mỹ. Truyện «Thoáng Qua» trích trong tập «Chuyện của Những Người Da Trắng».

Mẹ yêu quý.

Nếu mẹ biết con đã khổ sở như thế nào chiều hôm qua, ngoài phố, khi con gặp mẹ không chào hỏi. Còn mẹ, mẹ tài quá. Mẹ già vờ như không hề nhận được ra con, con, con của mẹ. Giá mà thiếu nữ đó không đi với con, thừa mẹ, ta đã có thể chuyện trò với nhau được. Bây giờ khi con

gặp một người da đen và khi con dừng lại để nói đàm câu chuyện, con không hồn sợ thiên-hạ nhận ra mình là da đen nữa. Thật không thể ngờ được: mẹ còn nhớ chẳng nổi khó khăn khi con phải thuyết phục những giáo-sư thaở con còn đi học. Dù sao khi đã gặp mẹ, đôi khi họ cũng không tin tưởng hẳn vào những xác nhận của con. Chắc họ đã tự nhủ

một cách giản-dị rằng mẹ của con lai da đen. Kể từ khi con tự nhận là da trắng thì không ai còn nghi-ngờ gì về sự thiệt hư của màu da con nữa. Ông chủ của con là người miền Nam thường khi vẫn nguyên rửa bọn da đen trước mặt con. Hẳn khó mà ngờ rằng con cũng là một gã da đen. Thật rõ khôi-hài !

Điều lạ lùng là, thừa mẹ, lòng thù ghét của vài người da trắng đối với người da đen. (Nếu không như thế, con khỏi bị bắt buộc phải giả vờ để giữ được sở làm của con). Họ hay nói dóc vì điều đó : họ nói xấu dân da đen, cho rằng chúng ta bị bệnh lao, giang mai làm rữa mục và bao nhiêu thứ nữa kế-tiếp. Với tất cả sự tuyên-truyền giả-dối, thử hỏi mẹ làm sao một người da đen tìm được sở làm ? Chỉ sau khi con trở thành dân da trắng con mới biết những điều ác độc về chúng ta. Thế mà con vẫn phải sống cuộc đời của họ và nghe những câu chuyện của họ.

Nhưng con không khổ sở vì điều ấy, mẹ ạ. Và mẹ đã bao dung biết mấy khi xui con trở thành « dân da trắng », lợi dụng nước da sáng và sắc tóc của con.

Chính nhờ đó mà con có thể tìm được sở làm, mẹ ạ. Con còn được thêm 65 đô la mỗi tuần, dù cuộc khủng hoảng. Và con sẽ là thư ký chính khi Ô. Weeks đi Hoa-thịnh-Đốn. Khi con thấy người giữ cửa da đen quét dọn văn phòng, con tự nhủ rằng con sẽ ở mức ấy nếu không có được nước-da sáng này. Dù gã ấy đầy đủ khả-năng cần thiết, họ cũng không chấp nhận gã như nhân viên trong văn phòng của họ. Gã chỉ được dùng làm người sai vặt là cùng. Thế nên đôi khi con không chịu đựng nổi : con muốn cho ông chủ biết rằng ông đang dùng một viên thư ký da đen mà ông không ngờ.

Nhưng chiều hôm qua, con đau khổ, mẹ ạ. Đó là lần đầu một chuyện như thế đã xảy ra, khi mà người ta trở thành dân da trắng thì điều khó khăn chính là điều này : phải phủ nhận gia đình mình trước công chúng. Con biết, lẽ dĩ-nhiên, rằng chúng ta đều đồng ý cả hai ; và hơn thế nữa. Nhưng dù sao vẫn là một điều khủng-khiếp. Con thương mẹ, mẹ ơi, và con ghét làm như vậy dù rằng mẹ bảo con điều ấy không quan hệ.

Mẹ nghĩ sao về người con gái đã đi với con ? Chính là người

mà con sắp cưới. Nàng đẹp phải không mẹ ? Đó là một người con gái tốt. Cha mẹ nàng là những người dễ dãi. Đó là những người Đức, Mỹ không có thành kiến mấy về màu da. Con đã đưa nàng đi xem một buổi ca kịch da đen tuần rồi ; nàng thấy nó đặc sắc. Nàng nói : « Người da đen duyên dáng và vui vẻ quá. » Con tự hỏi nàng sẽ nói gì nếu con thú nhận với nàng rằng con là da đen, hay đen một nửa ; rằng cha con da trắng nhưng mẹ không trắng da. Con sẽ không làm như vậy ; bởi con đã nhất quyết sống trong thế giới người da trắng và bởi con đã tạo được một địa vị, (một địa vị khả quan), sao con lại lao lung với những câu chuyện chủng-tộc ấy ? Con bằng lòng vì khỏi phải làm điều đó, đó là tất cả những gì con biết.

Con mong mỗi rằng Charlie và Gladys không oán ghét con. Thật lạ lùng là trong ba đứa, con là đứa độc nhất có thể trở thành da trắng được. Charlie còn đen hơn mẹ nữa, mẹ ạ. Con biết rằng nó đau khổ ở học đường vì các giáo-sư tưởng con là da trắng trước khi biết chúng con là anh em ruột. Cả con, con cũng

đau khổ lúc bấy giờ. Nhưng ngày nay, con bằng lòng rằng mẹ đã khuyến khích con, rằng mẹ đã bảo con tiến tới và hưởng thụ cuộc đời. Đó là điều con sắp làm, thừa mẹ, con sắp cưới một phụ-nữ da trắng và sống như dân da trắng và nếu con lỡ sinh ra được đứa con có màu, con sẽ thế rằng nó không phải của con. Con không muốn rơi xuống lại vũng bùn đen. Không. Con tự-do, mẹ ơi, con tự-do !

Tuy nhiên, con thích lia bỏ Chicago hơn, được thiên chuyển đến văn phòng Nữ-Ước hoặc được triệu gọi về chi nhánh ở Cựu-Kim-Son — một nơi nào đó mà điều đã xảy ra chiều hôm qua sẽ không tái diễn nữa. Thật là rùng rợn khi gặp mẹ, mẹ, mà không chào hỏi mẹ. Và nếu Gladys và Charlie gặp con ngoài phố, có lẽ chúng nó sẽ không được khéo léo như mẹ — chúng có vẻ không hưởng ứng con. Con tự hỏi tại sao ? Con không xử tệ với chúng, con gửi tiền cho mẹ mỗi tuần và con giúp đỡ mẹ, ít nhất cũng bằng chúng, nếu không hơn. Mẹ hãy nói với chúng xin chúng đừng làm con bối rối nếu chúng gặp con ở một nơi

nào với người con gái ấy, mẹ nhé. Giá mẹ và chúng, cả ba cứ ở lại Cincinnati khi cha đã mất thì có lẽ hơn. Mẹ có nghĩ rằng chúng ta nên chọn những thành phố khác nhau để mà sống biệt lập không mẹ ?

Thú thật, khi con nghĩ rằng cha đã để lại tất cả cho gia đình cha và mẹ con ta chẳng được gì hết, con tức sôi máu. Con cũng biết rằng mẹ chẳng hy vọng gì mấy trước tòa án ở Kentucky, nhưng có thể nếu mẹ thử, những đứa con da trắng của ba sẽ nhường cho mẹ ít nhiều để mẹ nín. Chắc họ không muốn thiên hạ biết được, qua báo chí, rằng họ có hai anh và một chị da đen. Nhưng mẹ thì hãnh diện quá, phải không mẹ ? Con thì con không hãnh diện như vậy.

Con cũng biết rằng cha đã tặng cho mẹ một ngôi nhà và đã gửi chúng con, cả ba, đi học. Con khá vui mừng đã kết thúc việc học hành của mình ở Pittsburgh trước khi cha mất. Thật đáng tiếc rẻ cho Charlie và Gladys phải bắt buộc bỏ ngang vì sinh kế. Con mong mỗi Charlie sẽ tìm được chỗ xứng đáng hơn là làm việc ở một ga-

ra. Và con hiểu rằng mẹ hiện lo lắng cho Gladys, theo lời mẹ viết trong bức thư rồi. Chúa ơi, sao lại muốn làm vũ nữ trong một quán rượu ở South Side ! Nhưng con cũng biết rằng tìm được việc làm, đối với một phụ nữ, khó khăn như thế nào trong lúc khủng hoảng này, nhất là một phụ nữ da đen, dù rằng nàng xinh đẹp và nước da bánh mật, như Gladys. Con mong mỗi hết lòng rằng mẹ sẽ thuyết phục được nó và ngăn tránh cho nó khỏi những nơi xấu xa ấy. Đó không phải là chỗ cho một người con gái đứng đắn.

Con phải rời mẹ, mẹ ạ. Con đã hứa đưa người yêu con đi xem chớp bóng. Có phải nàng dễ thương với mái tóc vàng ánh và đôi mắt hoa lưu ly không mẹ ? Chúng con đang dự tính về nhà cửa. Chúng con sắp thuê một căn nhà ở một khu xá đông đúc, ở một con đường yên tĩnh có cây cối. Mẹ viết cho con về hộp thư lưu trữ. May mắn là những chuyện chủng tộc này không xen vào thư tín. Ít ra, nếu chúng ta không được gặp nhau thường, chúng ta cũng có thể viết cho nhau, phải không mẹ ?

Đưa con trai thương yêu mẹ.

JACK



x i n
đừng
hiểu
l à m
h ọ c
thuyết

L Æ O - T U

* HÀ-THANH-TỬ

K Ể viết bài này xin có lời phân trần cùng quý vị độc giả rằng chỉ vì lẽ Đạo, nên mới mạo muội thương xác vài vấn đề về học thuyết Lão-Tử (Lao-Tsen) hiện đang bị hiểu lầm một cách tai hại. Ý-hướng của chúng tôi là LÀM SÁNG TỎ VẤN-ĐỀ chứ không có tham vọng nào khác.

Trước đây (1933), các nhà thức giả như Chơn-Hư-Tử, An-Giang-Tử, Hoàng-Nhiên-

Tử ... đã có dịp trình bày tình-thần Đạo giáo của Lão-Tổ. Nhưng, từ khi cuốn sách ra đời đến nay, vẫn chưa thấy một phản ứng rõ ràng nào cả. Đã thế, người thiếu triệt được Đạo rất ít, kẻ hiểu Đạo mơ-hồ lại nhiều. Họ chỉ nhìn với những cái nhìn đơn phương độc diện rồi kết luận quá vội vàng. Tất nhiên là những kết luận không thể gọi là chính xác được.

Rằng : « Đạo giáo xuất thế hoàn toàn ! » hoặc... « Đạo giáo chủ trương thanh tĩnh vô vi, vậy là một đạo yếm thế... » hoặc : «... Đạo giáo mê tín dị đoan... »

Những thành kiến sai lạc trên — Chúng tôi nói là hoàn toàn sai lạc — cần phải được minh xác : đó là công việc mà tôi xin bàn sau :

1) «... Đạo giáo xuất thế hoàn toàn ! »

Vâng, Đạo giáo xuất thế, nhưng Đạo giáo không xuất thế hoàn toàn. Những ai đã có lần xem « Đạo Đức kinh » chắc lời của chúng tôi không phải là không căn cứ. Những câu như « Luật pháp chánh thì cai trị được nước, mưu kế cao thì trị được ba quân » (Đức kinh, chương XX) hoặc : « Cai trị một nước lớn giống như nấu một con cá nhỏ » (治大國如烹小鮮) v.v... cho phép ta nói rằng ngoài chủ trương xuất thế là điều cốt yếu của chủ nghĩa « vô vi », Đạo giáo còn chủ trương nhập thế.

Ta lại còn thấy ở Nguyễn bỉnh Khiêm, khi đã trở về hưởng thú thanh nhàn với « một mai, một cuộc, một căn

câu » ở am Bạch vân, tiên sinh còn gián tiếp xây dựng đời bằng những câu « sám » truyền tụng trong nhân gian.

2) «... Đạo giáo chủ trương thanh tĩnh vô vi, vậy là một đạo yếm thế ! »

Có lẽ họ hiểu hai chữ « vô vi » (無爲) theo nghĩa thông thường rồi đi đến kết luận trên !

Vô vi nghĩa là không làm, không hành động. Không làm, đây nghĩa là không làm theo bản ngã (le moi) mà làm theo bản tánh tự nhiên (le vrai-moi), theo một tiếng gọi hợp với lẽ phải, với nhân đạo. Cái lẽ tự nhiên ấy, cái tiếng gọi ấy tức là Đạo (道).

Hôm nay, tôi thấy nhiều người hiểu sai lầm Đạo giáo là thế này... là thế kia... tôi phân giải, không theo cái « bản ngã » của tôi, mà theo một động lực vô hình, nghĩa là cái « vô ngã » (le non-moi). Vậy tôi có làm nhưng lại là không làm : « vô vi nhi vô bất vi » (無爲而無不爲).

3) «... Đạo giáo mê tín dị đoan ! »

Trước hết, chúng ta không

thể nào định nghĩa rõ ràng thế nào là mê tín được, vì nó hoàn toàn thuộc về tâm linh. Như thế, không thể nói rằng tôn giáo này hoặc tôn giáo kia mê tín được. Nếu cho Đạo giáo mê tín, có khác gì cho Phật giáo, Thiên Chúa giáo hoặc Khổng giáo là mê tín ? Còn như thấy nghi lễ của Đạo giáo mà nói rằng mê tín, lại càng không đúng : Nghi lễ của Lão giáo chỉ là hình thức hành đạo, cũng như nghi thức Tịnh độ của Phật giáo, lễ « rửa tội » của Thiên Chúa giáo mà thôi.

Đấng Christ không bao giờ phải làm cái việc gọi là « rửa tội », Đức Thích Ca không buộc tín đồ đức chuông thờ Phật, cũng như Đạo Tổ (Lão Tử), Ngài không bao giờ sai khiến kẻ mộ đạo cúng, đảo ông bà ! Chẳng qua là do nơi « lòng » kẻ sùng bái (不以外物動其心也).

Vậy, nghi thức Đạo giáo chỉ là một biến dạng của Đạo để hòa hợp với hoàn cảnh và trình độ của một hạng người. Đó là nơi để hướng về Đạo, là nẻo Đạo, còn cái Đạo không phải ở nghi lễ ; tỷ như cái thang là nơi để ta lên lầu mà tự nó không phải là lầu.

Người xưa có nói : « hòa kỳ quang, đồng kỳ trần » (和其光同其塵). Thái độ của người hành đạo phải như thế nghĩa là

phải biết hòa mình trong cái khuôn phép chung. Nói một cách khác, phải đối xử hợp với trình độ cũng như hoàn cảnh của từng lớp người. Thí dụ hạt gạo ta không thể đem dùng ngay được, mà phải nấu thành cơm, làm thành bún, thành bánh, thành vằn... vằn... cho kẻ lành mạnh, hoặc dưới những dạng thức khác như cháo, hồ... cho bệnh nhân.

Chung quy cũng chỉ là bản thể gạo dùng nuôi sống con người, như cái Đạo để di dưỡng tinh thần, đem đặt nó dưới muôn ngàn hình thức khác nhau.

Chính vì vậy mà ta thấy có sự hòa hợp của Đạo giáo (Les Concordances Taoïstes) :

— Đức cha Panthier đã nói « Đạo lý của Đức Lão Tử là đạo cổ của Cơ đốc giáo ! »

— Hàn Dũ (Sou tsen Yeon), một người đã thâm hiểu tôn giáo Samonéens, nhận thấy rằng Đạo lý của Đức Lão Tử tương hợp rất nhiều với Đạo lý nhà Phật.

— Cha Huc, xem Lão Tử là một bậc tiền bối của đạo Esséniens (dòng Judaïsme).

✱

Chúng tôi xin tạm dừng lại đây và chưa dám kết luận, vì chúng tôi còn chờ bài lĩnh những chỉ giáo của các bậc thức giả khắp nơi.

TRƯƠNG CÔNG ĐÌNH

* VÕ-BÁ-HÀI

TRƯƠNG-CÔNG-ĐÌNH tiếng sấm vang trời miền Đông Nam Việt, khi tiếng súng kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân Việt đang bùng bùng nổi sóng. Cái tên mà trước đây khi quân Pháp nghe đến phải rung mình như nghe tên một Hoàng-hoa-Thám, một Nguyễn-trung-Trực vậy.

Suốt bốn năm đăng đẳng (1861-1864) cái tên Trương-công-Đình sống hùng trong sự lo-lắng của tất cả quan quân Pháp. Đội binh viễn-chinh chiếm tỉnh Định-tướng

vào khoảng tháng tư năm 1861, nhưng tình hình vẫn còn căng thẳng bởi những làn sóng cách mệnh.

Rạng ngày 22 tháng 6 năm 1861, quan huyện Toại là người cai-trị địa-phương dưới chánh-phủ Nam triều liền cầm đầu một đạo binh hơn 600 người xung-phong đột-kích tỉnh Gò-Công. Nhưng trung-úy thủy-binh Pháp là Vial đánh bại được quân của Toại, kết quả Toại tử thương và chính Vial cũng lâm nạn.

Năm 1860 Trương-Đình đã nhập ngũ vào nghĩa-quân và sau

TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

đó Đình thay thế huyện Toại cầm đầu đạo binh ứng nghĩa. Đình trước kia là một viên quan đồn-diên sau được thăng chức lãnh-binh, con một gia đình khá-giả. Ông được cai quản một đạo quân tình nguyện tại Chí-Hòa cùng với Nguyễn-tri-Phương. Lãnh-binh họ Trương gan dạ phi - thường trong những chiến-thuật kháng-chiến. Tình thế không dễ yên cho người trai vẫy vùng, quân Pháp tìm



cách lùng bắt cho được người chiến-sĩ họ Trương.

Một người bạn cố hữu của Đình là nhà bá hộ Huy sang đầu giặc Pháp, được bổ nhậm làm cai tổng tại Đồng-Sơn gần Gò-Công. Huy định lập công to với thực-dân bên sai một gia tướng của mình rao thơ mật cho quân Pháp điếm chỉ vị-trí đóng quân của Trương-công-Đình. Nhưng trời không phụ bậc hùng anh cứu quốc. Người cầm thư lại trao cho Trương-công-Đình. Đề trừng trị kẻ phản quốc, ông mật đến bắt tổng Huy. Vừa bắt được thì lại bị quân Pháp đuổi gáp. Ông và đoàn tùy tùng

phải băng đồng tàu thoát bỏ lại bên đường cái thây cứng đờ bị trăm thủ, tòng Huy!

Tên xã trưởng tại Gò-Công bị cảnh cáo nhiều lần về tội mưu phản đầu cơ, lại giúp việc cho Pháp đặc lực cũng bị nghĩa binh hành hình.

Trương-công-Đình được nhiều nhân sĩ thân hào giúp sức và dân chúng hưởng ứng nhiệt liệt, trái lại có một ít tốp khác trong số đó có vài người viên diện cùng con cháu hoặc thông-gia với những kẻ có nhúng tay vào loạn Ngụy-Khôi năm 1833, họ cố thù các quan triều và chánh-phủ Việt-Nam nên qui thuận người Pháp và chống trả lại nghĩa binh.

Từ ngày 14 đến 30 tháng 12 năm 1861 các đồn và tỉnh lỵ đều bị nghĩa quân đột kích dữ dội. Trương-công-Đình cùng với Phan-văn-Đạt và Nguyễn-Thông hạ được Tân-An, Gò-Công, Cần-Giוע trong ngày 14-12, Cái-Bè (20 và 25/12), Rạch-Gồm ngày 29, Rạch Cà - Hòn ngày 30-12.

Lúc bấy giờ thủy-sur đô-đốc Bonard theo phương kế chánh trị của mình là tập trung lực-lượng và phó thác nhiệm-vụ cai-trị trông xức cho người Nam

(điều kè) nên ngày 1 tháng 3 năm 1862, rút quân khỏi Gò-Công và rút viên võ quan cai trị phủ Tân-hòa đi. Thừa thế Trương-Công-Định triệt hạ đồn thành và nhà cửa các người thân Pháp. Ngoài ra ông còn xây thành đắp lũy đào hào rất kiên-cố. Từ ấy ứng nghĩa binh tự-do đi lại trong tỉnh, tổ chức quân lực tăng cường binh bị và thu thuế.

Lực-lượng được bố trí trên khắp các nẻo sông và sẵn sàng đột kích tàu chiến của Pháp lưu thông trên sông.

Đối với Pháp lực-lượng phòng quân của kháng chiến là cả một chướng ngại vật trên đường tiến thủ xâm-lăng. Tướng Bonard, vào tháng 10 năm 1862 xin Pháp-hoàng gửi qua hai đại đội lính bộ và lính thủy.

Đầu tháng giêng năm 1863 một đại đội Pháp đổ bộ lên Saigon, quân Pháp chống trả cầm chừng chờ quân tiếp viện. Tháng hai năm ấy lực-lượng đầy đủ, sau khi chiếm Biên-Hòa và Bến-Lức, quân Pháp tấn Gò-Công.

Ngày 7-2 thủy-sư Bonard gửi tối hậu thư cho cai thủ lãnh đạo nghĩa binh buộc phải đầu hàng. Tình thế nghiêm trọng bắt đầu triu nặng vào bầu không khí kháng chiến.

Nơi Rạch-Lá, trong sông Vàm Cỏ, tàu vận tải «L'Européen» đến tiếp - tế lương thực. Gần chiếc Alarme trong rạch Gò-Công, một pháo đài được thiết lập để kiểm soát quân sự.

Ở Đồng-Sơn, Pháp tấn công mãnh liệt vào vị trí pháo đài của quân ta. Đoàn quân viễn-chinh Phi-Châu dưới quyền chỉ huy của thiếu-tá Piétri dùng chiến-thuật chớp nhoáng, chiếm phía đông và chiến hạm Y-pha-Nho «Irée» bao vây chiếm rạch Cần-Lộc đến sông Soay-Rạp. Quân Pháp lại chạm trán với lính Việt ở đồn chợ Gạo và Mỹ-tho, đạo quân Pháp do Vergnes và Gougéard chỉ huy, cả hai đều dưới quyền chỉ huy của thiếu tá điều khiển D'Ariès, Viên sĩ-quan cai-quản chiếc Alarme ngược dòng sông Gò-Công tiến lên phụ lực toàn quân do thiếu-tướng Chaumont và đại-tá Palanca chỉ huy toàn lực. Pháp quân dự bị hấn-hồi để vượt qua bùng bầu và sông rạch hơn 30 chiếc thuyền bọc sắt, mỗi chiếc chở 6 tên lính thủy vô-trang và với số lính ấy có thể bề nổi chiếc thuyền. Hậu tuyến có chiếc «l'Avalanche» chiếc Dragoune chiến pháo thuyền 20, chiếc Saint Joseph và 15 chiếc ghe búa lưới phía tây.

Ngày 25 tháng 2 năm 1863 vào 8 giờ tối thủy sư đô đốc Bonard trên chiếc thuyền Ondine ra lệnh cho toàn quân, mai sang tấn công. Rạng ngày các toán binh bộ và binh thủy đều cử hành một lượt.

Ban đầu Trương công Định kháng chiến mãnh liệt cầm cự nhưng sau phải rút lui. Tuy thế quân Pháp vẫn phải mỗi-một và thất bại nặng nề bởi lực lượng kháng-chiến quân. Nhờ ở phong-thổ nước nhà, quân Pháp không quen nên qua những bùng bầu gặp sức thiêu đốt của nắng trời, quân họ bệnh rất nhiều. Rạng ngày 26 - 2, thiếu-tướng Chaumont cầm đầu đạo binh thẳng vào miền Nam đánh lấy đồn cuối cùng của Việt quân tại Trại Cà.

Những điều luật gắt gao được chánh phủ Pháp ban - hành đại khái có những điều :

- 1) Xử tử các chánh đảng dấy loạn và tịch thu gia tài.
- 2) Thu trọn thuế đã thiếu về năm 1862 (vì năm này thu thuế cho nghĩa quân).
- 3) Buộc nạp các thứ vũ-khí.
- 4) Buộc công sru trong nhân dân để làm đường và phá đồn lũy.

Quân Nam ít thiệt hại vì đã biết sức lượng của mình rút

trước. Việt quân rút vào rừng sâu hiểm yếu và nơi hóc hiểm nhất là nơi cửa sông Soay Rạp, quân Pháp vô phương tấn công đặng.

Ông Định cư trú tại Lý-Nhơn giữa đám đất bùn đầy rừng vẹt, đước. Nhằm mùa nước lớn chỉ có khỏi mặt nước một ít thôi. Nơi đây, tuy phương tiện sống và giao thông khá bất tiện nhưng Trương-công-Định vẫn tìm cách liên lạc với mạn Bình-Thuận và vâng mạng lệnh của triều đình Huế luôn.

Tướng Bonard để lại ở Gò-Công những tướng gan dạ để trông nã Trương-công-Định và cánh quân của ông.

Ngày 25 tháng 9 năm 1863 tại trại của ông, ông bị hai đại-úy Pháp là Gougéard và Bélic vây khôn suýt nguy nan, thừa lúc



tên lính Pháp bắt hộ-vệ của ông, ông xô ngã tên lính ấy tẩu thoát vào rừng rậm !

Trong

lúc ấy triều đình Huế đòi

ngài về mà phong chức. Ông đến hỏi ý kiến cụ Nguyễn-định-Chiều thì được cụ dạy rằng : « Tình thế của chú, thối thì hay mà tấn lại càng hay ». Trương-công-Định nhất định ở lại với đám quân nghĩa dũng.

Thoạt đầu trong hàng ngũ kháng chiến của Trương-công-Định, bên cạnh có Huỳnh-công-Tấn giúp đỡ chống Pháp. Nhưng sau gia đình Công-Tấn có vẻ thân Pháp không tiện nên Định tày chay Tấn.

Năm 1862 khi ông Định về làng Kiềng - Phước, một thôn trên hữu ngạn sông Soay-Rạp đề hoạt động chánh trị thì có người mách bảo với Huỳnh-công-

Tấn.

Tấn liền hướng dẫn đoàn mật thám đến tận nơi. Trong một đêm 19 rạng 20 tháng 8, họ bao nhà trú ngụ của người chiến sĩ họ Trương và 25 bộ hạ. Hai hàng chạm trán kịch liệt. Trương-công-Định và cánh quân quyết mở đường máu thoát vòng vây, khi gần thoát được thì Tấn đã ra lệnh cho loạt súng bắn xả vào người ông, một viên đạn đi vào giữa xương sống. Biết không thể sống được, sa cơ thất thủ, ông bèn dùng gươm kết liễu cuộc đời. Lúc bấy giờ nhằm ngày 19 tháng 7 âm-lịch năm 1864, ông thọ được 44 tuổi.



★ LĂNG TAI

Cụ Cà (có bệnh lăng tai) đến bót. Cụ hỏi : — Thưa ông, tôi đến để xin lấy lại vài món đồ mà tôi đã đánh rơi mất khi đi đường.

Cảnh sát (hơi đang trí) : — Ở đây chỉ có đồ mà cảnh sát lược được ở ngoài đường thôi.

Cụ Cà : — À, vậy mà tôi tưởng ở đây có trả lại đồ vật mà cảnh sát lược được ở ngoài đường chứ !

C.

Chuyện ngắn đồng-quê

Cơm mới

★ PHAN THỊ MỸ-KHANH

LIÊN đang lúi húi trong bếp, bỗng có tiếng chó sủa ran ngoài sân gạch nhà trước. Tuy đã đoán được khách là ai rồi, nàng cũng vờ bảo con : « Hùng, ra coi thử ai, con ? » Chú bé đương ngồi nghịch đất bên thềm, nghe mẹ bảo liền ngoan ngoãn đi ngay. Một phút sau, chú chạy vào reo lên như được trông thấy một vật gì lạ lắm : « Mẹ ơi, thầy giáo, thầy giáo dạy trường con ! » Rồi nó níu tay mẹ, ra vẻ băn khoăn : « Thầy giáo đến nhà mình làm chi, mẹ ? » Liên nhìn con, bật phì cười : « Thầy đến coi thử

con nghịch đất hay học đó. » Hùng mở to đôi mắt đen láy nhìn lên phía nhà trên, chỗ có tiếng khách nói chuyện, rồi như chợt nhớ ra đôi tay bẩn, nó chạy vội ra chum nước.

Liên rút chiếc khăn lau mặt, dừng lại một phút soi bóng mình trong tấm gương treo cạnh bàn ăn và bước lên nhà trên.

Minh, từ nãy đến giờ vẫn ngồi hầu chuyện cụ Chánh. Chàng vui vẻ, lễ độ tỏ ra một nhà giáo đứng đắn khiến người hay câu chấp như cụ Chánh mà cũng phải bằng lòng. Sau năm ba câu, chàng tự giới thiệu, cụ

biết chàng là con một vị công chức già người Huế hưu trí, chàng vừa về trường đây hơn tuần nay thể chân cho ông hiệu trưởng cũ và chàng lại là bạn học xưa của Liên, con dâu cụ. Liên đã ra. Nàng đứng sau lưng cụ Chánh, tay vịn vào thành ghế, vui vẻ chào Minh:

— Thưa anh lại chơi!

Minh đứng dậy, lễ phép:

— Chào chị, tôi vừa mới đến.

Chàng định nói thêm vài câu nhưng còn lúng túng chưa biết nói gì thì Liên đã nhanh nhẹn xách chiếc áo tích xuống nhà. Cụ Chánh ngồi tiếp chuyện chừng đã đau lưng, xin lỗi Minh vào giường nghỉ. Còn một mình trong gian nhà rộng lớn, Minh đưa mắt nhìn quanh. Chàng bắt gặp một bức ảnh bán thân phóng đại phủ vải tây điều đặt ngay ngắn trên chiếc bàn thờ gian trong cùng. Người trong ảnh là một thanh niên có vầng trán rộng, đôi mắt tươi sáng và thông minh, Minh nhìn ảnh, mơ màng. Chàng tưởng tượng có một ngày đã qua, người bạc mệnh ấy lìa trần, bỏ lại người vợ trẻ và vài chú con thơ dại, bơ vơ, lạc lõng. Minh chợt nhớ lại gương mặt

Liên hôm nọ khi lần đầu tiên tình cờ gặp lại chàng.

Trông Liên già hẳn đi, tuy nàng chỉ kém Minh có hai tuổi. Bao nhiêu nỗi lo âu đau khổ đã theo ngày tháng tạo nên những vết nhăn trên trán, trên má người đàn bà góa ầy. Hôm nay, thoáng nhìn Liên, chàng có cảm giác nàng trẻ hơn hôm ấy. Tại sao Minh có cái cảm giác lạ lạ đó, chàng cũng chẳng biết nữa, chỉ biết từ hôm tình cờ gặp lại Liên, Minh nhớ tiếc và luyện thương một hình ảnh xa xưa...

Mười năm về trước, Minh theo cha đến học một trường gần quê Liên. Liên và chàng lại đồng một lớp luôn trong hai niên khóa. Hai người trở thành đôi bạn thân vì sức học họ cũng ngang nhau mà về tính tình, họ cũng ưa nhau. Minh đứng đắn, không tinh nghịch và Liên thùy mị, nết na. Cuối niên khóa thứ hai năm ấy, khi hoa phượng đỏ thắm rơi đầy đường và Liên trở về với gia đình, thì ở chàng trai học sinh ấy bắt đầu nảy nở một tình đầu êm đẹp nhất. Chàng tha thiết yêu Liên, lòng chân thành mong xây hạnh phúc bên nàng. Chàng ngỏ ý với cha. Ông Phán cũng bằng lòng

nhưng bảo dễ thông thả. Rồi bất ngờ tin mẹ Minh chết, làm hai cha con bối rối, đưa nhau về Huế. Chàng không trở vào trường cũ nữa nhưng viết một bức thư gửi cho Liên lời lẽ nồng nàn, tha thiết, hầu ngỏ tâm sự bấy lâu ấp ủ trong lòng. Thư đi rồi, Minh mong đợi từng ngày mà tin tức nàng vẫn vắng. Rồi kháng chiến bùng nổ. Chàng hết hy vọng, nhưng lúc nào câu chuyện tình duyên cũng canh cánh bên lòng và hình ảnh người con gái dịu dàng xứ Quảng vẫn chưa phai mờ trong tâm trí...

Cho đến chiều hôm kia đây... Minh phì phà vài hơi thuốc rồi ngược nhìn làn khói trắng bay quện nhau tản mát dần trong không. Chàng lim dim đôi mắt mơ màng nhớ lại cuộc gặp gỡ hôm nào.

Gió chiều nhẹ và mát. Trên con đường đất gồ ghề chạy quanh quẹo vào lõi xóm, Minh ôm chiếc cặp da thùng thẳng đi bước một. Ngót ba tiếng đồng hồ giam hãm trong bốn bức tường với lũ trẻ tinh nghịch ồn ào, Minh cảm thấy dễ chịu lạ thường khi được

hưởng cái không khí trong lành và êm đềm bên ngoài. Qua những thửa ruộng vàng ối, mùi lúa chín xông lên thơm ngát. Minh hít một hơi dài như cố thu hết vào người cái hương vị mộc mạc của đồng quê. Chàng nhớ mang máng rằng thời thơ ấu, chàng đã có lần gần gũi cái mùi hương ầy, chàng đã từng học ở cái trường xinh xinh đơn giản như cái trường chàng vừa được đổi tới dạy mấy hôm nay.

Một đoàn người đàn bà nhà quê đáng chừng đi chợ về, từ đằng xa tiến tới trước mặt Minh. Đường hẹp, chàng phải đứng nép người bên bờ ruộng để tránh những đôi quang gánh thúng mùng. Chợt Minh để ý đến một thiếu phụ đi sau cùng mà cách phục sức cũng như đáng điệu khác hẳn với các bà đi trước. Vừa đi ngang chỗ Minh đứng nép, thiếu phụ nhìn chàng chăm chú, bỗng sững sốt kêu lên: « — Kìa, anh Minh! ». Minh ngờ ngợ một lát, và khi nhận ra Liên, chàng ngạc nhiên vô cùng: « — À, chị Liên, tôi cứ tưởng ai! » Liên nhìn Minh buồn rầu: « — Anh quen



tôi phải không ? Bây giờ tôi khác trước nhiều lắm, không trách anh được. »

Lúc bấy giờ, Minh mới để ý đến vành khăn tang và đôi mắt thâm quầng của Liên. Mấy người đàn bà đi đường tò mò

đứng lại nhìn Minh từ đầu đến chân, rồi nhìn cả Liên nữa. Họ lắng nghe câu chuyện của hai người. Minh thấy khó chịu, còn Liên hình như không quan tâm. Nàng thản nhiên kể vắn tắt cho Minh nghe hoàn cảnh nàng và mời Minh chiều chủ nhật đến nhà chơi. Rồi hai người chào nhau. Trước khi từ biệt, Liên căn dặn mời Minh hai ba lần nữa. Liên đã khua vào trong hàng dúi, Minh còn nhìn theo, thở dài, ái ngại cho bạn.

Liên lấy chồng người làng đây từ tám năm nay. Thành, chồng Liên là một giáo học mới chết năm ngoái vì tai nạn chìm đò bến Hòa An trong một buổi chiều thứ bảy. Thành để lại một mẹ già và hai con thơ cho Liên phải nuôi dưỡng. Một mình nàng, vừa quán xuyến cả sự nghiệp của mẹ chồng, vừa lo lắng cho tương lai mình, tương lai con, nàng cảm thấy cuộc đời bị ràng buộc lạ lùng.

Nhìn nàng, Minh tưởng tượng lại ngày nào cô nữ sinh ấy ngày thơ, yêu đời biết bao nhiêu ! Cô không đẹp lắm nhưng cặp mắt đen láy, làn da mịn màng và nụ cười tươi tắn ;

nhất là nụ cười hồn nhiên lúc nào cũng dễ cảm mến mọi người. Lại còn mái tóc huyền buông xỏa ngang lưng, đôi bàn tay ngón thon mềm mại. Tất cả những gì ở Liên xưa kia, Minh đã thấy mất hẳn, sống cằn cù năm tháng để giữ tròn bốn phận — trong đời nàng, lúc nào cũng bốn phận —, Liên đã già trước tuổi. Rồi cảnh tang tóc, góa bụa khiến nàng trở nên tiêu tụy thêm. Nhất là đôi mắt nàng. Minh đọc trong đôi mắt buồn ấy những giòng tâm tư vừa sầu não vừa có điều gì bí ẩn.



Mãi say sưa về dĩ vãng, Minh không nghe tiếng guốc nhẹ nhàng của Liên đã trở ra. Nàng đặt ấm nước xuống bàn, rót một chén mời Minh : « — Mời anh uống tạm. Chè vườn tôi trồng, chẳng biết anh có quen uống không ? » Minh giật mình, quay lại. Chàng nói như có ý thăm trách Liên : « — Chị khéo vẽ vời, khách sáo quá ! » Rồi, như để phân trần với người bạn xưa rằng mình không có ý chê cười

hoàn cảnh bạn, chàng bưng chén uống cạn một hơi.

Bé Hùng theo Liên, cũng lịch lịch trèo lên một chiếc ghế. Bật ngò, hệt chân, mắt thẳng bằng, ngã xuống nền gạch. Liên hoảng hốt chạy lại đỡ con dậy. Nhưng Minh nhanh chân hơn, đã ôm xốc thẳng bé trên tay. Vô tình, Minh chạm phải tay Liên. Nàng e thẹn, mắng Bé Hùng, đánh trống lảng : « — Từ rày chừa nghịch ngợm nghe Hùng ? » Thằng bé bịu mặt, đáng bất bình. Minh an ủi, vỗ về nó. Liên ngổ lời mời Minh ở lại dùng cơm chiều và xin lỗi, xuống nhà dưới một lát. Minh vội đứng lên : « — Chị cho tôi về, để khi khác ». Nhưng thoát cái, Liên đã biến mất sau cánh cửa ván. Minh đành ngồi nán lại, gọi bé Hùng hỏi chuyện :

— Cháu mấy tuổi rồi ?

— Dạ, cháu bảy tuổi.

— Cháu học lớp nào ?

— Dạ, lớp năm.

— Ba cháu đâu ?

Thằng bé chỉ liếc nhìn bức ảnh trên bàn thờ, liếc nhìn khách, rồi cúi xuống lấy ngón tay vẽ quanh quaco trên mặt bàn, không

đáp. Trông gương mặt ngây thơ của bé Hùng, Minh thấy thương nó vô cùng. Chàng tôn trọng cái giây phút mà mảnh hồn non côi cút kia tưởng nhớ tới người cha thân yêu của nó. Minh hỏi làng sang truyện khác :

— Vở cháu đầu ? Tức thì mặt Hùng tươi hẳn lên, chạy biến vào nhà trong lấy hai quyển vở, đưa cả cho Minh. Rồi không đợi khách giở ra, nó liền thoảng lật hết trang này đến trang khác, chỉ những con số thầy giáo cho điểm, nét mực đỏ còn tươi thắm. Thấy những hình vẽ nguệch ngoạc, ngày ngò, Minh bật cười khiến thằng bé ngơ ngác. Trông khách chê mình, Hùng buồn thiu xếp vở lúi đi mất.

Từ nhà dưới, người tớ gái bưng một mâm cỗ lên đặt ở bàn thờ. Bà cụ Chánh bây giờ trở dậy, mặc thêm chiếc áo đen dài, ra trước bàn thờ, làm râm khăn vái. Liên theo sau, kính cẩn đứng một bên, đốt đèn và bỏ trầm vào lư. Minh ngơ ngác nhìn Liên.

Bà Cụ cúng xong, gọi Liên pha nước, tắt đèn rồi lại ván ngồi. Cụ cất nghĩa cho Minh hiểu : — « Cúng cơm mới đó

thầy ! Nhà tôi mới gặp ba trăng kỳ nhứt ». Minh lễ phép thưa : « — Dạ, quê cháu cũng có tục cúng cơm mới ! » Rồi chàng thân mật gọi chuyện :

— Dạ không biết có phải có cúng mới được mùa không, thưa Cụ ?

Cụ Chánh cười :

— Xưa bầy, nay bắt chước, tôi cũng theo lời người xưa chứ không hiểu cho lắm.

Vui miệng, Cụ nói thêm cho Minh nghe về phong tục cúng tế các Thần linh ở thôn quê nữa.

Mâm cỗ được dọn xong đầy đủ trên chiếc bàn chữ nhật kê giữa nhà. Liên mời mẹ chồng và quay sang mời Minh. Nàng dắt bé Hùng ngồi cạnh cụ Chánh, đối diện với khách.

Cỗ cũng khá thịnh soạn với những đĩa xào nấu mùi thơm phưng phức. Nhưng đặt biệt nhất là những chén cơm, hương lúa mới xông lên nhẹ nhàng. Minh ăn một cách ngon lành và thực tình. Cái quang cảnh ngồi ăn trước những gian bàn thờ còn ngát hơi trầm hương, cái mùi thơm kích thích của các món cỗ khiến chàng nhớ đến ngày thơ ấu cùng cha đi ăn giỗ ở quê nhà.

Và đột nhiên, chàng có cảm giác như đang sống trong khung cảnh gia đình ấm cúng, quây quần chung quanh bàn ăn và bà cụ kia là mẹ, Liên là vợ, bé Hùng là con chàng. Chừng như đoán được tư tưởng Minh, Liên ngồi ăn không được tự nhiên. Chốc chốc nàng cúi xuống hỏi con và gấp thêm thức ăn cho nó. Minh càng thấy bức tranh gia đình đẹp bội phần với những cử chỉ dịu dàng âu yếm của Liên, một bậc hiền mẫu. Liên đáng yêu, đáng kính quá ! Chàng bồi hồi hình dung lại cô Liên ngày xưa... Chàng buông đũa, thần thờ nhìn qua cửa sổ, buột mồm : « Muộn quá rồi ! » Cụ Chánh trông khách sợ trời tối, vội nói : « Trời có trăng mà, đường làng bây giờ lại dễ đi lắm thầy ! » Minh giật mình, đáp vu vơ : — Dạ.

Ngoài sân, ngoài vườn, trăng mười hai đã lên, giải một màu sáng êm dịu trong chòm cây, kẽ lá. Minh chào Cụ Chánh xin về. Liên đưa chàng ra tận ngò. Hai người đi bên nhau, yên lặng. Mỗi người hình như đang theo đuổi ý nghĩ riêng. Bất giác,

Liên lùi lại phía sau, nhường Minh vài bước : nàng thấy cảnh đi đôi có vẻ như hai vợ chồng. Bỗng Minh đứng lại, ngập ngừng một phút... Chàng hỏi nhanh Liên qua hơi thở : « — Liên có đọc bức thư năm ấy của tôi không ? » Liên đứng tựa lưng vào cây ổi trong ngò, tay mân mê tà áo, cúi đầu không đáp. Qua ánh trăng, Minh thấy nàng buồn rọi và hai giong lệ từ từ lăn trên má. Không biết nàng khóc vì câu hỏi của Minh xúc động lòng nàng khiến nàng nhớ đến cảnh ngộ đau thương hiện tại, hay vì nàng tiếc rẽ tình duyên lỡ làng với Minh ngày trước.

Minh ân hận, khe khẽ bên Liên van xin : « — Thôi, tôi xin lỗi Liên, tôi đã làm Liên buồn, tôi đã phá hạnh phúc Liên ». Và chàng bước nhanh ra phía ngoài ngò, nói vọng vào : « — Liên, chị Liên tôi về đây ! » Nàng ngẩng lên, giọng đầy nước mắt :

— Thôi, anh về.

Trở vào nhà trên, nàng bắt gặp đôi mắt chồng trong bức ảnh nhìn nàng đắm đắm. Nàng đến bên bức ảnh, thì thầm : « Không, anh Thành ơi, không bao giờ em phụ anh đâu ! » Rồi nàng,

kính cắm thấp một cây hương cắm vào bát, âu yếm sửa lại bức ảnh cho ngay ngắn. Mùi hương tỏa lên cao như gọi tới vong linh Thành sự đoàn chính, tiết trình của người vợ trẻ.

Đêm đã khuya, vầng trăng sáng sắp lặn sau rặng tre bên nhà. Liên dọn dẹp xong, vào giường nằm. Hai đứa bé, con nàng, duỗi chân gác lên nhau, ngủ say sưa. Nhìn hai gương mặt thơ ngây in hình

ảnh người chồng kính yêu, Liên chợt thẹn vì vừa rồi, trong một phút gần người bạn xưa, nàng đã phần nào có tư tưởng bất chính. Nàng ôm chặt lấy con, thủ thủ :
« — Không ai có thể làm mẹ con ta xa nhau, các con ơi ! ». Hai đứa bé bị khuya động, cựa mình, mấp máy đôi lần môi rồi lại say ngủ.

MỸ - KHANH



✧ Danh ngôn về chính trị.

Thuận theo cơ trời, không bằng tùy theo địa lợi. Tùy theo địa lợi không bằng thuận theo lòng dân.

(Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa)

Mạnh - Tử

✧ Người bệnh điên

Bác sĩ hỏi thân chủ, một cô gái điên :

— Đêm qua cô mơ tưởng chuyện gì, nói cho tôi nghe ?

Cô gái điên trả lời :

— Tôi không cớ mơ-tưởng chi hết, Bác - sĩ à.

— Nè cô, tôi làm nghề Bác sĩ của tôi, cô cũng phải làm nghề cô gái điên của cô, thì tôi mới chữa bệnh cho cô được chứ.

— À, vậy hả ? Hèn chi tôi năm thấy ông bác sĩ chữa bệnh cho cô gái điên !

C.



Chương II

(Tiếp theo P.T. số 37)

NGUYỄN - TUÂN

Ở trọ phố Nhà Thờ, tại nhà người em trai, một thanh-niên rất hoạt-động, rề của nhà xuất-bản Vũ đình Long, trông nom nhà in và cả tòa soạn Tiêu-thuyết Thứ Bảy. Nguyễn Tuân ở đấy. việc cơm nước đã có vợ chồng người em lo cho chu tất, nhưng tiền bản quyền các tác-phẩm của anh vẫn không đủ cho anh tiêu-

✧ NGUYỄN-VỸ

xài riêng. Lúc đầu Nguyễn-Tuân ngoan lắm, đạo-mạo, nghiêm-trang, nhưng sau anh cũng bị nhiễm cái chứng tai-hại của một số Nhà Văn hồi bấy giờ, là hút thuốc phiện. Lúc đầu hút chơi với anh em vài ba điếu cho vui, dần dần hút nhiều, hút mãi, rồi đâm ra nghiện thật sự. Đó cũng là trường hợp của LƯU-

TRỌNG - LƯ, THẾ - LỮ,
LAN-KHAI..

Hồi LƯU - TRỌNG - LƯ xuất-bản quyền. «*Người sơn nhân*», và ở Quảng-Bình mới ra Hà-nội, nhập-tịch vào làng Văn, anh hầy còn là một chàng thư-sinh ngây thơ, mơ-mộng, tâm-hồn rất trong trắng, chưa vướng-viu tí gì của cát bụi Hà-Thành. Anh chưa biết mùi thuốc phiện. Nhưng mấy năm sau, viết cho *Tiểu-thuyết thứ Bảy* được khá tiền, Lưu đâm ra chơi bởi phóng đãng và bắt đầu truy-lạc. Lưu hút thuốc phiện từ đó và nằm luôn bên bàn đèn. Có lẽ vì vậy mà mấy năm về sau Lưu không còn sáng tác gì được nữa chẳng? Đời sống tinh-thần và vật chất của Lưu trọng Lưu từ 1937 đến 1940 (1) bị thu hẹp vào chung quanh ngọn đèn dầu lạc. Lưu đã trở thành một con người rất ốm yếu, mặt mày xanh xao, sắc thái bơ phờ, thiếu não lăm.

Trường-hợp của Lưu thật là đặc biệt, bởi vì, trái lại, tôi thấy LAN-KHAI, KHÁI-HÙNG. LÊ - VĂN - TRƯƠNG, cả NGUYỄN-TUÂN nữa, cũng là những «*dân nghiện*» chính-thức, mà không đến nỗi tiêu-tụy

quá như Lưu trọng Lưu.

VŨ-TRỌNG-PHỤNG, nhờ tiền bán sách, ki-cóp được số vốn nho nhỏ, và nhờ vợ có chơi thêm mấy bát hụi, thuê được một căn phố, mở tiệm sách ở đầu đường hàng Nón. Các dụng cụ học sinh, đồ văn phòng và các sách, báo chun bày nơi đây, đều do một vài hiệu sách lớn quen với Phụng, gọi cho chị bán để chị lấy tiền hoa hồng, khỏi phải bỏ vốn. Nhưng hình như không có lời mấy nên sau đó, chị cũng dẹp cửa hàng. Có điều buồn cười và lý thú, theo lời Vũ-trọng-Phụng, là ngay ở tiệm sách ấy, các sách của anh lại bán không được chạy bằng các tiểu thuyết kiếm hiệp loại 3 xu, mỗi tuần ra một tập.

TRƯƠNG - TỬU thì nhờ cưới vợ giàu, con một ông chủ tiệm thợ may lớn ở phố Tientsin, nên từ 1938 đời sống vật chất của anh do người vợ cung phụng đầy đủ. Anh không còn lang-thang như trước nữa. Người vợ ít học, và không đẹp, nhưng từng phục chồng triệt-đề, lo buồn bán để nuôi chồng.

(1) Từ 1940 về sau, tác giả thiên hồi ký này không ở Hà-nội nữa nên không được biết rõ.

Có vốn liếng riêng, chị ta thuê một căn nhà ở cuối phố hàng Điếu, mở tiệm tạp hóa, bán cả gạo, muối và nước mắm. Trương-Tửu ở trên lầu, đóng vai một nhà trường giả nhỏ nhỏ, và một học giả lưng chừng. Anh ta thích ăn ngon, rượu ngon, và viết văn theo cảm hứng duy-vật nhiều hơn là duy-tâm.

Trương-Tửu và Vũ - trọng - Phụng ở Hà nội cũng như ĐÀO DUY ANH ở Huế, có vợ buôn bán để bảo đảm đời sống vật chất của gia đình trong lúc chồng nghiên cứu sách vở và viết văn.

Cùng cai-quản một tiệm sách, nhưng bà ĐÀO DUY ANH ở Huế tương đối khá giả hơn bà VŨ TRỌNG PHỤNG ở Hà-nội, và công việc sáng tác của họ Đào và họ Vũ cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của công việc kinh doanh thương mại của hai bà vợ. Trương Tửu cũng thế.

Có một số nhà văn sống cuộc đời công chức, có quy củ: đây cũng là các nhà văn trường giả, khác hẳn với các nhà văn giang hồ, nhưng chỉ trường giả trong phạm vi văn nghệ, nghĩa là khiếm tốn và thanh cao, không xa hoa,

màu mè, không chơi bởi lâu-lông, trừ ra thuốc phiện! Trong lớp văn sĩ này, có thể kể VŨ - NGỌC-PHAN, TÚ MỖ, TCHYA, KHÁI HÙNG, NGUYỄN-CÔNG HOAN...

Những nhà văn còn trẻ tuổi, như NHƯỘC PHÁP, HUY-THÔNG, chưa lập gia thất, còn ở chung với bố mẹ. Hoặc tự-lập và tự-túc, như ĐỖ - THỨC-TRÂM, TỪ BỘ HỮA, XUÂN HUY, J. LEIBA, THAO THAO. XUÂN-DIỆU... Nữ sĩ MỘNG SƠN, (Vũ-thị-Mai), tuy còn trẻ tuổi, nhưng cũng đã từ-giã Đồn-diễn của ông cụ ở Chũ, (Phủ-lạng-Thương), về Hà nội sống với nghề văn. Làm chủ-bút tờ «*Việt nữ*» ở đường Đồng Khánh, Mộng Sơn có số tiền lương tạm đủ tự-lập một mình, không cần phụ cấp của gia-đình giàu có.

VŨ BẰNG đã lớn tướng, lại còn sống nhờ bà mẹ già, chủ một tiệm sách cũ kỹ ở phố hàng Gai, tuy anh viết sách, viết báo cũng có tiền. TAM-LANG, LAN-KHAI, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, có vợ buôn bán, nhưng các anh ấy sống hoàn-toàn với

ngồi bút, không chịu « lãnh lương chánh thức » như kiểu Ông TÚ XUONG ở Nam - Định thời trước.

Trừ một đôi anh Văn-sĩ công chức, như VŨ-NGỌC-PHAN hay công chức Văn sĩ như TỬ-MỖ, có xe kéo nhà, ngày hai buổi ngồi chễm chệ trên xe để anh phu xe kéo đến sở làm, hoặc đến tòa Báo, còn thì hầu hết các nhà Văn Hà-nội thời Tiền-chiến đều « cuốc bộ », hoặc đi tàu điện, đi xe kéo thuê. HUY-THÔNG có xe kéo nhà của cha, nhưng không bao giờ anh dùng. NHƯỘC-PHÁP chuyên môn đi xe đạp, và chỉ có một mình anh trong giới Văn-sĩ là biết đi xe đạp mà thôi : và chiếc xe đạp của anh cũng là một loại xe độc-đáo: không có chuông, giầy xích cứ tuột ra ngoài, mỗi lần anh đạp là nó kêu cọt-kịt... cọt-kịt... như một con lợn sắt. Nguyễn nhưộc Pháp có cái miệng hơi móm, chiếc xe đạp của anh cũng móm !

Không có một nhà Văn nào sắm được một chiếc xe hơi, dù là loại xe con cóc. NGUYỄN-VĂN VĨNH cũng chỉ có một chiếc xe mô-tô mà thôi. Chiếc

xe « bình-bịch » của ông sơn đỏ, kèn-càng, kêu ầm ầm và xẹt ra một làn khói trắng bay mù-mịt chung quanh, y như ông cỡi một con cá chép bay trong mây vậy.

Mùa đông rét buốt, người ta thường thấy mấy ông Văn sĩ mặc áo pardessus hoặc trench-coat, đi từng nhóm hai ba người. nện gót giầy trên vỉa hè các phố, dưới cơn mưa phùn. Phần nhiều họ không đội mũ, cứ phơi cái đầu trần để hứng mưa, dù là tóc chải láng bóng, như ĐỒ-THỨC TRÂM, LAN-KHAI, XUÂN-HUY, THAO THAO VŨ-BĂNG, hoặc đề bôm xôm như NGUYỄN-TUÂN, HUY THÔNG, LƯU TRỌNG LŨ, TỪ - BỘ - HŨA ... Lại có những họa-sĩ danh tiếng như NGUYỆT-HỒ, yêu nhạc, yêu thơ, yêu thịt chó, sống cuộc đời lang-bạt, càng tỏ đậm sắc thái tự-do lãng-mạn của một thời Văn-ngệ...



Tóm lại, đời sống vật-chất của làng Văn, làng Thơ Hà-nội hồi Tiền chiến, thật không sáng-lạn tí nào. Nhưng người cầm bút hình như sống ngày nào hay ngày nấy, không cần nghĩ đến

tương-lai của họ.

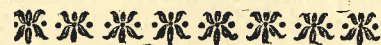
Họ chỉ ham đọc, ham viết, KHÔNG PHẢI VIẾT ĐỂ SỐNG, MÀ CHỈ SỐNG ĐỂ VIẾT, viết những cái gì họ nghĩ, viết những cái gì họ cảm, không đòi hỏi một phần thưởng nào của ai cả, chỉ thỏa mãn dục-vọng thiêng liêng của ngòi bút mà thôi.

Có kẻ say sưa về Văn nghệ, đến khi bị dụng đầu quá mạnh vào thực tế mĩa mai, thực-tế

trắng-trợn của bạc tiền, liền gát bút tạm một thời, chạy đi kiếm vàng nơi rừng thiêng nước độc để lấy vàng mà trả nợ cho văn chương, như NGUYỄN-VĂN-VĨNH, thì, than ôi ! Thượng-đế lại nổi giận, bỏ cho chết trong núi thâm rừng hoang !

Hình như giàu hay nghèo là số kiếp, nhưng nhiệm vụ của nhà Văn là phải hoàn thành sứ mạng!

(Còn nữa)



✱ Danh ngôn về chính trị

Bồng lộc của anh ăn là máu mớ của Dân : dưới Dân không thuận, thì trên trời khó dễ-người !

(Nhĩ bồng nhĩ lộc dân cao dân chỉ : hạ dân dị ngược, thượng thương nan khi : !)

Vua ĐƯỜNG-THÁI-TÔNG

✱ Cậu ấy muốn gì ?

Một nhà Bác-học ngồi trong phòng thí nghiệm, đang chăm chú nghiên cứu về một giống vi trùng mới lạ. Vợ ông đang ở ở phòng bên cạnh. Ông say sưa nhìn vi-trùng trong kính hiển vi, trong khi chờ xem vợ ông đẻ con trai hay con gái. Bỗng có tiếng oe oe trong phòng bên kia rồi một phút sau có người nữ y tá mở cửa vui mừng báo ông :

— Thưa ông, một cậu con trai ạ.

Nhà Bác-học đang trí vẫn chăm chú nhìn trong kính hiển-vi, bảo :

— Hỏi xem cậu ấy đến có việc gì ?

B. T.



ĐÔI NGẢ

Trầm - tư này buổi tiễn đưa
 Nẻo - đường - hoa - bướm ngày xưa ngậm ngùi.
 Hoàng - hôn nắng xế dần rơi
 Nhà ga lần nữa nhìn người ra đi.
 Bâng - khuâng biết nói năng gì
 Tâm tư mỗi một lần đi mỗi sâu.

Ngày mai sương nắng
 Ngày mai dải dẫu
 Se sắt niềm đau, hờn thê - kỷ
 Thẩn - thờ mình biết gửi về đâu ?

Ừ, Xuân đi nhé
 Cười buổi chia tay
 Mắt mình nếu ướt giòng tâm - sự
 Cứ nghĩ là sương lắng đã đầy.
 Tiễn đưa không có hoa đưa tiễn
 Không rượu thêm nồng vị đắng cay.
 Còi tàu xé nốt thơ ngây,

Này thôi xa lắm chuỗi ngày vừa qua.
 Dẫu xa tàu đã dần xa
 Ngàn - ngơ khăn vấy thiết - tha mắt nhìn.

Thôi Xuân vào màn đêm
 Tàu xuôi về xứ ấy
 Nếu ngày mai Nha Trang hờn sóng dậy
 Mình bảo thăm : Tất cả đều đi xa,
 Mát trường xưa, hình ảnh cũ phai nhòa,
 Chim hia tổ đề đàn chim khác đến.

Hai đứa mình bơ vơ
 Rời nhau về hai bến
 Ngày mai mình có làm thơ
 Thơ sẽ buồn như đưa tiễn
 (Tâm tư mình không biết gửi về đâu
 Thì ném vào thơ cho ý tưởng thêm sâu).

Ừ, Xuân đi nhé
 Mình về rất mau
 Vì sợ nhà ga lạnh lòng khê đếm :
 « Thêm một lần đôi bạn tiễn đưa nhau ».

THANH NHUNG
 (LY TAO)



CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 37)

X IN cô-nương háy hạ thủ đi !

Vừa khi đó, tôi nghe thấy tiếng súng nổ. tôi cũng vừa chuẩn bị để ngã vật xuống. Tôi tin rằng, khi thân thể tôi ngã ra, thì linh hồn tôi sẽ bay thẳng lên thiên đường.

Nhưng không, tôi vẫn cứ đứng trơ trơ ra đó. Tôi mong

đợi tiếng nổ thứ hai, nhưng quá lạ, tôi chỉ nghe thấy hình như tiếng « cạch » của khẩu súng bị rớt xuống đất. Tôi kinh hoảng vụt nghĩ tới cái tấn thảm kịch mà, một cái chớp mắt trước đây, tôi chẳng hề dự - tưởng tới. Tôi quay đầu lại, Bạch-Tần đương gục đầu vào cái tựa của chiếc ghế, với một vũng máu tươi, lênh láng ở mặt đất !

Tôi mê cuồng, không, còn biết xử-trí ra sao, và, sau cơn hoảng hốt, tôi bèn bế xác nàng lên và đặt nàng nằm ở trên giường. Ngay đấy, tôi gọi đây nói cho y-sư Xa-lạp-Mỹ, để yêu cầu y-sư phái người đem ngay chiếc xe cứu hộ lại. Sau đó, Thái-thái Thê-tư-Lăng, cùng dung-nhân và bộc-dịch, mới lục-tục, kéo đến. Trong khi cùng với người nhà, băng-bó vết thương cho Bạch-Tần, tôi chỉ lặng thinh, không còn tâm trí nào mà trả lời những câu hỏi dồn dập của thái-thái. Tất cả nhà, người nào, người ấy đều bị hoang-loạn, duy chỉ có ông lão quản-gia là vẫn tỉnh-táo, nên ông tò mò đi tìm ra được đường xạ-kích của viên đạn, nó đi thẳng lên trên trần nhà và để lại một cái lỗ nhỏ. Tôi liền có thể dự-đoán được ngay rằng hòn đạn chỉ trượt qua đầu Bạch-Tần và làm rách mất một mảng da đầu thôi. Tuy máu ra khá nhiều, vì vết thương ở đầu, ở mặt, bao giờ cũng làm đổ nhiều máu, nhưng không có gì là nguy-kịch cả. Bạch-Tần có ngất đi mất một lúc, trong khi đó, nàng vẫn thoi thóp thở. Một lúc sau, nàng hồi tỉnh lại và hỏi :

— Ô ! Thế ra, tôi hãy còn

sống à ?

Tôi liền bảo nàng :

— Xin tiểu-thư hãy nằm yên, chớ có nói năng gì cả.

Và tôi nói với thái-thái Thê-tư-Lăng để xin cụ đừng nhiều loạn nàng. Thiệt tình, lúc ấy, tôi chẳng còn biết giữ lễ mạo một tý gì nữa.

Một lát sau, y-sư Xa-lạp-Mỹ và một vị y-sư chuyên về ngoại khoa cùng ngồi xe cứu hộ, đến nơi. Xem xong vết thương của Bạch-Tần, vị y-sư ngoại khoa cũng đoán định rằng, viên đạn chỉ làm rách một đường da phía sau tai, chỗ chân tóc. Như vậy, khối óc vẫn an toàn, không hề bị tổn thương.

Cái vết máu thấm ra ngoài lần vải băng, chỗ vết thương, của Bạch-Tần, chẳng khác gì một làn đạn tử, nó đi thẳng vào hồn-linh của tôi. Từ nay mà đi, tôi không rõ, rồi đây, tôi sẽ xử trí ra sao, trong khi tôi thừa-hành cái nhiệm vụ của tôi, đối với nàng ?

XVI

Dưới đây là một đoạn trong bức thư của Hải-Lan vừa viết cho tôi :

“Giờ này, em vừa kê chiếc gối sau đầu cho Bạch-Tần, để nàng ngồi tựa vào thành giường, được ngay ngắn, thoải mái, rồi em tết mái tóc của nàng ra hai bên, cho thật đều đặn. Ở chiếc bàn phía bên kia, cái bó hoa anh gửi đến, đang rung rinh dưới ánh dương quang, ở cửa sổ, chiếu vào. Bạch-Tần uống xong chén súp-cô-là, diện sắc nàng trở nên hồng-hào, và biểu-lộ sự kiện khang của nàng, đã được hoàn toàn khôi-phục.

“Sáng nay, tinh-thần nàng thật minh-sáng. Nàng đưa mắt nhìn cái chùm hoa mân-côi của anh, mỉm cười và bảo em :

“— Hải-Lan à, từ ban sáng, em đã làm bao nhiêu là việc rồi. Bây giờ, em hãy ngồi lại đây với chị, để ta nói chuyện với nhau một lát, đi em !

“Thế rồi, em ngồi ghé vào mé giường của nàng. Nàng, vừa kéo em sát lại gần, vừa nói :

“— Em ạ, thật tình, xưa nay, chị vẫn ước-ao, giá ví thử, chị là một trang nam-tử, có phải, chị sẽ được hưởng-

thụ, tất cả cái gì, là ôn-nhu, là mỹ-hảo, của em không !

“Em liền đáp :

“— Nhưng, chị ạ, nếu em bảo, tất cả cái phần ôn-nhu và mỹ-hảo đó là của chị, thì chị sẽ nghĩ sao ? Chị quá yêu em mà ra như thế đấy !

“Nàng vừa cười, vừa nói đùa :

“— Thôi, này, em thử gọi chị một câu như vậy : “mình yêu-quý của em ơi !” xem sao, nào ?...

“— Tại sao chị lại cứ thích sự xưng-hộ kỳ-quái đó, chứ ?

“Nàng liền kéo em vào lòng, rồi vừa hôn vào hai bên má em, vừa nói :

“— Như vậy, để cho cái kiếp sống của chị, được đầy-dủ, trọn-vẹn, mà !

“— Thừa chị, nếu em có cái năng-lực làm cho kiếp sống của chị được đầy-dủ, trọn-vẹn, thì sao, chị lại đi tìm cách để quỳên-sinh, cho đành ?

“— Chị cũng chẳng còn hiểu tại sao, trong một giây phút trong óc chị lại nảy ra cái ý, phải làm như thế, để đối lại với sự xung đột của tình-

cảm ? ... Thật tình, lúc ấy, chị cứ y như một cái máy, không còn làm sao tự kiểm chế nổi mình.

“— Theo thiên kiến của em, đề tuyết nổi oán hận, chị phải đã kích cái kẻ đã gây ra sự oán-hận, chứ, tại sao, chị lại đi, chị tự hủy mình ?

“— Em có biết tại sao không ? Sở dĩ, chị đã làm như vậy, là vì cái sinh mệnh của kẻ kia, lại chính là cái sinh mệnh của người em ái luyện. Bởi vậy, chị chỉ còn có cách đó để tuyết hận, em nghe chưa ?

“— Ô, thế chị chẳng nhớ cho sinh mệnh của chị là thứ bất khả xâm phạm, vì chị lại cũng là người em yêu quý, hơn cả em yêu em.

“— Đành rằng thế đấy, nhưng em ạ, em yêu chị bằng một thứ tình yêu khác, vì, chị không phải là một kẻ nam nhi.

“Bạch-Tần nói như thế thì em còn biết nói sao nữa, nên, nàng và em, hai người chỉ ôm nhau, nước mắt chan hòa, ướt cả gò má !

“Quả thật, bây giờ em đã nhận thấy rõ, cái mối tình của em đối với anh, mới là chân - thực.

Thế thì, tại sao lại có sự xung đột giữa sự em yêu anh và sự em yêu Bạch-Tần, nhỉ ? Thật là khó hiểu quá anh ạ. Rút cuộc, em chỉ thấy, em đau khổ vô cùng !

“Em tưởng, ví dù Bạch-Tần có hận anh chẳng nữa, xin anh cũng nên nguyên lượng cho nàng, vì nàng cũng là người yêu em ».



Tại y viện Thánh-Tâm, sau khi Hải-Lan được lành mạnh, ngày, đêm, cô ở bên Bạch-Tần, để bồi bạn nàng và trông nom, săn sóc cho nàng. Còn tôi, y sư Xa Lạp Mỹ cho tôi, tạm thời trở về liệu dưỡng-dưỡng của y-sư, để giúp việc. Tuy nhiên, tôi vẫn giữ trách nhiệm y-trị Bạch-Tần, vì, hiện thời, y-sư lợi-dụng cái sáng-thương ở đầu của nàng, làm một thứ “tâm lý liệu-trị”, nên, lúc này, chưa cần tới tôi làm trợ thủ.

Để tránh các sự ma - phiền, trong một thời kỳ, tôi không được đến y-viện Thánh-Tâm. Nhưng, bất thời, tôi vẫn gửi một bó hoa, tặng nàng và gọi

đây nói, đề an - úy nàng, một vài câu. Riêng đối với Hải-Lan, tôi vẫn cùng cô, có thư từ đi lại, một phần vì cảm tình.

Tôi chưa đọc hết bức thư trên đây, thì nước mắt tôi trào ra chan chứa làm lòa cả thị tuyến, tôi đành bỏ nó xuống, và nhét nó vào dưới gối. Nhân, từ khi trở về đây, y-viện lại giao việc trị liệu cái vị lão-bệnh-nhân khi xưa, cho tôi; tôi bèn bước ra ngoài phòng, để đi tìm ông cụ. Cũng như lúc trước, tôi lại đem cảm tình và năng-lực của tôi, ký thác vào cụ.

Sau đó, tôi, một mình ngồi ở căn phòng để trả lời bức thư cho Hải-Lan. Tôi định ninh sẽ viết rất đơn - giản, rất lạnh tỉnh và rất ngắn, nhưng, rút cục, tôi đã thao thao viết thật dài. Tới khi đọc lại, tôi cảm thấy lời thư có vẻ hư ngụy, vô tình, với một mớ những tình cảm vừa không hư, vừa linh loạn! Tôi đành xé đi và bụng bảo dạ, nhất định sáng mai, đến y-viện Thánh-Tâm, xem tình hình ra sao?

Tôi tắt đèn đi, nằm dài trên giường. Ngó ra cửa sổ; tôi cảm thấy một nỗi cô - linh, tịch-mịch, bao vây lấy tôi; cả thế giới tự hồ như một bãi sa mạc mênh mông,

không biết đâu là giới-hạn! Mảnh trăng ở phía bên kia cửa sổ, chẳng khác gì một khối băng-lạnh, nó tỏa ra một thứ ánh sáng lu-mờ, giá-buốt, và như đã chết cứng từ bao giờ ở giữa lưng tròng trời khuya!

Buổi chiều, ngày hôm sau, tôi đến y-viện Thánh-Tâm. Hải-Lan không có mặt ở trong phòng, còn Bạch-Tần thì đang ngồi tựa vào thành giường, đọc sách. Thấy tôi tiến vào, nàng nói:

— Tôi cứ cho rằng, chẳng khi nào anh còn dám đến đây, thăm chúng tôi nữa!

— Thưa, sao tôi lại không dám đến, thứ nhất, nay, tiêu-thư đã hoàn-toàn bình-phục và vui-vẻ, như xưa.

— Thế thì tôi phải xin lỗi anh nhiều lắm, vì hành-động trước đây của tôi, đã quấy-rầy anh, không biết đâu mà kể.

— Ôi, xin tiêu-thư chớ thắc-mắc về việc đó làm chi; tôi, chẳng qua chỉ là một kẻ, vì mấy ngàn phật-lăng, đi làm thuê cho người ta, nhi-dĩ!

—

Bạch-Tần chỉ yên lặng, chẳng thốt ra một lời nào; nàng chú-thị nhìn tôi bằng một cặp mắt rất đòi

đi-kỳ. Một lát sau, nàng giờ tay ra cho tôi bắt và nói:

— Hãy quỳ xuống đi!
Y như bị ám-thị, tôi bèn quỳ xuống, ở trước giường nàng.

— Anh hãy nói: anh yêu tôi, đi!

Tôi vẫn như bị sai - khiến trong sự huyền - hoặc, nên tôi thốt lên:

— Thưa đúng, tôi yêu tiêu-thư.

— Anh hãy hôn tôi đi!

Không khác một cái máy bị giật dây, tôi liền ôm lấy nàng và hôn vào môi nàng. Thế rồi, nàng giờ một tay bá lấy cổ tôi, một tay vuốt mái tóc tôi, rồi,

tôi bị du hẫn vào lòng nàng. Trong khoảng nháy mắt đó, tôi đã lãng quên hết, tôi chẳng còn một tý, một ly gì, là ý-thức, đối với thế-giới và đối với cả hình-hài của chính tôi nữa. Tôi có cái cảm-giác bỗng nhiên, tôi bay vọt ra khỏi cõi trần, đề lên tới cõi vân-tiên. Bao nhiêu sự ràng-buộc của ước-lệ, tập-quán, truyền-thống, đạo-đức, đều nhất-nhất tan rã tất cả; ngay tới lương-tâm tôi, cũng như được phóng-thích nốt, và đối với tôi, tôi chỉ còn có, mỗi một con tim ngây-thơ, khờ-khạo!

(còn tiếp)

ĐÍNH CHÍNH

Trong Phổ-Thông số 37, bài « Cô gái diên » có sót mấy câu ở đoạn đầu:

« Nàng nói:

— Thế còn cái việc, đi lĩnh mỗi tháng mấy ngàn phật-lăng tiền công, để làm cái việc ái luyện, liệu sự ái luyện đó, có thể gọi là chân thiết chăng?

— Món tiền kia là món thù lao, tôi được hưởng, để thừa hành nhiệm vụ, còn sự ái luyện của tôi, chỉ là sự ái luyện . . . »

Rồi mới đến:

« Mắt nàng như nẩy lửa . . . »

Vậy mong quý độc giả tự đính chính cho, và xin cáo lỗi cùng dịch giả.

P.T.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA



PHAN - KHÔI

✱ NGUYỄN - VỸ

Thuyết - trình trong buổi
lễ Truy - niệm Phan - Khôi
tại tòa Đô - sảnh Saigon,
ngày Thứ Bảy 9 - 7 - 1960

PHAN KHÔI

THƯA quý vị BỘ.
TRƯỞNG,

Thưa quý Bà, quý Cô,

Thưa quý Ông,

Thưa quý Bạn,

Có những người lúc chết để lại cho toàn thể xã-hội đương thời một luyện tiếc khôn-bã đau thương vô-hạn, một cái tang não-nuột trong tất cả những con tim, nhất là khi những người ấy còn mang xuống tuyền đài một mối hận chung của cả một thế hệ.

Giá sử cụ Phan-Khôi tạ thế trong hoàn cảnh bình thường, vì già yếu, bệnh hoạn, như Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, như Hồ-Biểu-Chánh, thì chắc hẳn là chúng ta sẽ thương tiếc một Văn sĩ kỳ cựu có chân tài, một Thi nhân duyên dáng, một kiện tướng trong làng báo Việt-Nam, một trong những đại diện cuối cùng và lỗi lạc nhất của phái Nho học đã tàn. Tuy vậy, chúng ta sẽ được an ủi phần nào khi nghĩ đến cái chết tự nhiên, không tránh khỏi của tuổi già, và vong linh người bạc mệnh vẫn được an vui nơi chín suối.

Nhưng, đây không phải là trường hợp của cụ Phan-Khôi.

Tiên-sinh đã chết tại Hà-nội, hồi năm ngoái, trong lúc đã 73 tuổi mà còn đem hết sức lực tinh thần và thể xác để chống chọi rất cương quyết với một chế độ độc tài đàn áp tư tưởng của con người, còn hăm hực chiến đấu trên trường văn trận bút, với một nhóm bạn trẻ tài hoa, can-dảm, để bênh vực lý-tưởng Tự do và Công lý, Lý-tưởng của cả một Dân tộc, cả một Lịch-sử, Lý-tưởng vì nó mà bao nhiêu muôn vạn người Việt-Nam đã phải hy-sinh đến tính mạng, nhưng, than ôi, cụ chết mà không thấy thực hiện được Lý-tưởng ấy, chết mà còn căm hờn, uất hận, ngậm-ngùi, thì cái chết của cụ thật là một tử-tiết, một bài học rất đau đớn cho chúng ta, bởi chúng ta tất cả đều là nạn nhân của một thảm kịch lớn lao, bi-đát nhất của thời đại.

Cho nên khi mấy ông bạn bảo tôi nói về thân thể và sự nghiệp của Phan-Khôi trong lễ truy-niệm hôm nay, tôi rất băn khoăn. Bởi tôi tự xét mình là kẻ hậu sinh, học ít, tài sơ, đâu có đủ khả năng để nhận xét về thân thể và sự nghiệp của một bậc tiền bối đã có những thành tích văn-chương và chiến đấu rất vẻ vang như Phan.

tiên sinh.

Tuy nhiên, vì lý-tưởng của Phan-Khôi chính là lý-tưởng của thế hệ chúng ta, vì cụ đã dùng ngòi bút như một lưỡi gươm sắc bén để bênh vực, không phải bản thân của cụ mà là đời sống tinh-thần của cả một dân tộc, không phải cái tự do riêng của cụ mà là cái Tự-Do quý báu chung của con người và của mỗi công dân, cho nên chúng ta có bồn-phận tỏ lòng chiêm ngưỡng một bậc lão thành đã nêu cao gương chiến đấu cho Tự-do Tư-tưởng, Tự-do Văn hóa, không có nó, đời sống tinh thần của con người sẽ không còn giá trị gì nữa cả.

Thưa các Ngài, thân thể và sự nghiệp của Phan-Khôi như thế nào chắc các Ngài đã biết hết cả rồi. Đây tôi chỉ xin nhắc lại thôi, gọi là đề cùm nhau chúng ta tưởng niệm một nhà văn, một nhà Thơ, và một Chiến sĩ Văn nghệ.

Trong Văn-học sử Việt-Nam, Phan Khôi chiếm một địa vị riêng biệt. Cụ là một nhân vật độc-đáo của phái nho học hồi đầu thế kỷ, độc đáo bởi vì cùng một lớp với Cụ có những nhà Nho lỗi lạc như Lê-Dư, Hoàng-tăng-Bí, Dương-Bá-Trạc, Đoàn - Như - Khuê...

nhưng ít có ai như Cụ đã cương-quyết thoát ra ngoài khuôn khổ học thuyết của Khổng giáo, và tự tìm cách hấp thụ tân học Âu tây mà cụ đã sáng suốt và kịp thời nhận xét rất cần thiết cho đời sống mới. Học chữ Hán từ thuở bé, Cụ đỗ Tú tài hồi 19 tuổi, về sau nhờ có tự học mà cụ đã thấm nhuần được phần nào các Triết lý và Văn chương Pháp của Thế kỷ XVIII và XIX, và đã trở thành một kiện tướng tiên phong của tân trào Âu học trong phái Nho gia.

Sinh năm 1887 tại làng Bảo-An, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng-Nam, Trung-Việt, cụ đã được 7 tuổi khi Hoàng-Diệu, Tổng-đốc Hà-nội, là ông ngoại của cụ, phải tuần tiết vì kinh thành Bắc Việt bị người Pháp chiếm đóng.

13 năm sau, thi đỗ Tú-Tài Hán học xong, Phan-Khôi rời tỉnh Quảng-Nam, ra Hà-Nội bắt đầu viết báo. Trước hết, cụ viết cho tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* là một trong vài tờ báo đầu tiên xuất-bản tại Hà-nội, cơ-quan tuyên-truyền của phong trào Đông-Kinh Nghĩa Thục. Tờ báo này bị cấm, Phan Khôi trở về

Quảng Nam, tham gia phong-trào Văn Thân, hoạt động chống Pháp, cùng với cụ Huỳnh thúc Kháng và cụ Phan chu Trinh. Cụ bị bắt và bị tù mãi đến năm 1914 mới được trả lại tự-do. Rồi khỏi ngục thất Quảng-Nam, cụ trở ra Hà-nội tiếp tục hoạt động trên Văn đàn. Cụ cộng tác với tạp-chí *Nam Phong* trong một thời-gian, nhưng bất đồng ý kiến với Phạm Quỳnh, cụ bỏ Hà-nội vào Saigon viết giúp tờ *Lục tỉnh Tân văn*. Thấy tờ này có tính cách thông tin nhiều hơn là nghị luận, cụ bắt đầu trở ra Hà-nội, hợp tác với tờ *Thực-Nghiệp Dân Báo*. Cụ cũng có viết trong Tạp-chí *Hữu-Thanh* của cụ nghệ Ngô-Đức-Kế, một nhà cách-mạng ở Côn-đảo mới về. Nhưng cụ chuyên chú về Văn học nhiều hơn là Chính-trị. Năm 1928 *Hữu-Thanh* bị đóng cửa, Phan Khôi lại chạy vô Sài-gòn tung-hoành ngòi bút một dạo khá lâu trên những tờ *Đông Pháp thời báo*, *Thần Chung*, *Trung-Lập*, *Phụ Nữ tân văn*. Phan-Khôi bắt đầu nổi tiếng từ đây, nhờ những loại bài bút chiến, trong đó Cụ đã chứng tỏ một trí

thức uyên thâm về Nho học, dung hòa rất khéo léo với những tư-tưởng rất mới của Âu-tây, và diễn tả với một lối văn giản dị, bình dân và nhất là với giọng trào phúng duyên dáng vô cùng hấp dẫn. Chính làng báo Saigon là đất dụng võ thích hợp nhất với tài năng hoạt bát của Phan-Khôi, trong những năm 1929-30-31. Nhưng rồi không hiểu tại sao (theo lời cụ nói với tôi ở Hà-Nội thì hình như tại vì cụ giận đối mặt Ông Bà chủ báo hồi đó muốn lợi dụng tên tuổi và tài năng của Cụ), năm 1933 cụ xách va ly trở ra Hà nội làm chủ bút tờ *Phụ-nữ Thời đàm*. Cụ ở đây cũng không bền. Năm 1936 người ta lại thấy tên Cụ trên báo *Tràng An* ở Huế, rồi sau đó trên tờ *Sông Hương* mà cụ là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Nhưng không bao lâu, tờ *Sông Hương* bị đình bản, Phan Khôi lại quay vào Sài-gòn. Cụ chán nản với nghề văn nghiệp báo, báo hại cụ cứ phải vác cây bút lão thành chạy ra chạy vào bao phen Hà-nội — Sài-gòn, Sài-gòn — Hà-nội, mà nghèo vẫn cứ nghèo, nợ vẫn cứ nợ, nhưng khí phách vẫn còn nguyên khí phách ! Năm 1939, người ta gặp cụ Phan Khôi ở Saigon,

dạy học và không viết báo nữa.

Chiến tranh Thái Bình Dương mỗi ngày mỗi bành trướng, Saigon bị oanh tạc dữ-dội, Phan-Khôi nhất định lần này trở về nương-náu nơi quê nhà ở tỉnh Quảng Nam. 1945, Việt-Minh nắm chính quyền. Ngay buổi đầu cụ đã tức bực về những hành động quá tàn bạo của cán bộ địa phương đối với nhân dân trong tỉnh. Đến khi họ định đập phá nhà thờ cụ Hoàng-Diệu, thì Phan Khôi phản đối nhiệt liệt. Nếu lúc bấy giờ không có thần thể mạnh mẽ, thì có lẽ Phan-Khôi đã bị thủ tiêu rồi, như trường hợp những nhà văn có tinh thần quốc gia và yêu chuộng tự-do, công-lý, như Khái-Hưng, như Lan - Khai. Nhưng Phan-Khôi may mắn có người con trai, tên là Phan - Thao, lúc bấy giờ là một cán bộ cao cấp trong ủy-ban trung bộ ở Huế. Phan-Khôi lại có người em họ là Phan Bôi, tức Hoàng Hữu Nam là Ủy viên ở Trung ương đảng bộ, và Thứ - Trưởng Bộ Nội Vụ ở Hà-nội. Hơn nữa bạn đồng môn và đồng chí của cụ là cụ Huỳnh-thúc-Kháng, đang giữ chức Bộ-Trưởng Nội vụ trong chính phủ

Việt - Minh. Phan Khôi lên nhờ người cầm thư ra Hà-nội cho cụ Huỳnh-thúc-Kháng đề nói rõ tình hình trong tỉnh Quảng-Nam. Cụ Huỳnh lập tức đánh điện mời cụ Phan Khôi ra Hà-nội, định chờ cho cụ. Nhưng ở Hà - nội, Phan-Khôi vẫn bị công an Việt-Minh theo dõi từng bước, và họ giao cho chính em họ của cụ là Phan Bôi, tức Hoàng-hữu-Nam Thứ trưởng Bộ Nội Vụ quản-thức.

Vì tính cương trực, không muốn để mất tự do hành động của mình, cụ không chịu ở nhà Phan Bôi, mà tự ý đến ở nhà Khái-Hưng, tại trụ sở Quốc Dân Đảng, phố Quan Thánh. Việt-Minh đến bắt Khái-Hưng tại nơi đây, và bắt luôn Phan Khôi. Khái-Hưng thì họ đưa về làng quê quán để rồi cán-bộ địa phương thủ tiêu trong một đêm tối trên một bờ đê trong làng. Còn Phan-Khôi thì bị đưa lên chiến khu Việt Bắc. Con trai của cụ là Phan Thao, lúc bấy giờ đã ra Hà Nội làm chủ-nhiệm báo *Cứu-quốc* cũng không can thiệp gì được. Nhưng vì được nhiều thần thể ở thượng cấp, nên Phan Khôi bị giam lỏng và được giao công

tác phiên dịch sách chữ Hán. Suốt chín năm kháng chiến ở Việt Bắc, Phan-Khôi, một nhà văn độc lập, không đảng phái, không quỳ lụy ai, không phục tùng sức mạnh nào, chỉ phụng sự cho công lý, Tự do, Dân chủ, Phan Khôi vẫn công kích chế độ Cộng sản, mặc dầu cụ triệt để ủng hộ cuộc kháng chiến của toàn dân chống pháp. Năm 1954 sau hiệp định Genève, Phan-Khôi trở về Hà-nội. Đề mua chuộc cụ, Việt-Minh cử cụ vào phái đoàn văn-ngệ Bắc-Việt đi Bắc kinh dự lễ truy niệm nhà văn Lỗ-Tấn của Trung-Cộng.

Nhưng đi Bắc kinh về, Phan-Khôi vẫn tiếp tục chống cháng sách chuyên chế của Cộng-sản. Cụ lại trở về nghề làm báo, quyết dùng tờ báo để làm nơi diễn đàn công khai, bênh vực Tự do tư tưởng, Tự-do Văn nghệ, Tự do dân chủ, và chống đối nhiệt liệt với Đảng và Chính-phủ Hồ-chí-Minh.

Cùng với Phan-Khôi có một số văn-ngệ sĩ thanh niên hầu hết là những cán bộ đã có nhiều thành tích chiến đấu vẻ vang trong chiến khu, bắt đầu từ mùa Xuân 1956 ngay tại Hà-nội, mở ra chiến

dịch chống độc tài chuyên chế. Đầu tiên là một tập văn nhan đề *Giai phẩm 1956*, ra đời đầu tháng 3. Ngày 29 tháng 8-1956, lại có *Giai phẩm MÙA THU* Tập I, trong đó Phan Khôi viết bài « *Phê-bình lãnh đạo Văn Nghệ* » làm cho nhân dân Hà-nội xôn xao náo động, vì Phan Khôi thẳng tay đã kích các cấp lãnh đạo văn nghệ Việt-minh. Ngày 25-9-1956, tờ báo *Nhân-Văn* ra đời, rồi kế tiếp là tờ *Đất Mới* của Sinh viên đại học, và tờ tuần báo *Trăm Hoa* của Thi-sĩ Nguyễn-Bính, là những tờ báo công kích chế độ Cộng Sản rất kịch liệt. Nhưng chỉ được vài tháng thôi, đến ngày 15-12-1956, tất cả các báo ấy đều bị bóp chết và các nhà văn kia đều bị đầu tở. Phan-Khôi già yếu bị hoàn toàn cô lập như nhà văn Nga-sô *Boris Pasternak*, và chết như Pasternak, ôm một khối căm hờn về nơi thiên cổ...



Từ 1887 là năm sinh của Phan-Khôi, đến 1959 là năm Phan-Khôi chết, tính theo tuổi Việt thì cụ thọ được 73 tuổi, nhưng tính theo ngày tháng dương lịch là 72

năm, trong suốt cả thời gian đăng đăng ấy, Phan Khôi đã trải qua hai thế hệ văn hóa, và dưới thời đô hộ Pháp cũng như dưới chế độ chuyên quyền của Việt-Minh, Phan Khôi vẫn giữ vẹn khí tiết cao thượng, tự do, bất khuất của con nhà Văn. 20 tuổi cũng như 72 tuổi, viết báo chống nhà cầm quyền Pháp ở Đông dương khinh thị Triều đình Huế, nhạo báng quân chủ bù-nhìn, cũng như viết báo, làm thơ, viết truyện ngắn, đề đả-kích Cộng-sản, tấn công chế độ độc-tài, Phan-Khôi vẫn luôn luôn là một nhà văn trung-trực, chỉ biết có một lý-tưởng trong đời, một nhiệm-vụ của con nhà cầm bút : là phụng-sự Văn-hóa thuần-túy và Tự-do tư-tưởng, bởi không có hai yếu-tố đó thì không làm sao đạt được Chân, Thiện, Mỹ.

Là nhà Văn chân-chính, có tài năng quán-xuyến và học-thức uyên-thâm, tự thấy mình có một sứ mạng cao-cả đối với Dân-tộc, Phan-Khôi không bao giờ chịu ngồi bút của mình làm nô-lệ cho một uy-quyền nào. Tuy cụ chưa xuất-bản được mấy quyển sách, nhưng tất cả các bài văn của cụ đã viết trên các mặt báo, ở Hà-nội,

Huế, Sài-gon, trong 50 năm trời, đều để lại cho chúng ta ngày nay bài học quý-giá ấy.

Ai cũng nhớ những cuộc bút-chiến sôi nổi của Phan-Khôi trong các báo *Thần-Chung*, *Phụ-Nữ Tân-Văn*, *Phụ-Nữ Thời-Đàm*, hồi tiền-chiến, như những bài « *Cảnh cáo các nhà Học-phật* », « *Duy-Tâm và Duy-Vật* » và những bài phê-bình văn-ngệ như « *Đọc cuốn Nho-giáo của Trần-Trọng-Kim* », v.v... Trong những bài ấy, Phan-Khôi đứng trên địa-hạt Văn-ngệ thuần-túy, và văn-ngệ hoàn-toàn dân-tộc. Cụ nhiệt-liệt đả-kích một vài kẻ muốn dựa vào một địa-vị ưu thế nào đó, đề-thao-túng Văn-dân, hoặc những nhà học-giả ngoan-cố bám chặt lấy những thành-kiến cô-hủ hoặc xuyên-tạc một vài chân-lý, làm trở ngại bước tiến tinh thần của Dân-tộc.

Với lối văn hết sức giản-dị, tự-nhiên, thường hay trào-lộng, duyên-dáng, Phan-Khôi nói thẳng-thắn những điều cụ suy nghĩ, viết thẳng thắn những lời cụ nói. Cho nên tư-tưởng của cụ rất chân-thật, văn của cụ rất hấp-dẫn, và ảnh-hưởng sâu rộng trong giới thanh-niên.

Những bạn-trẻ được hân-hạnh quen biết Phan-Khôi vào khoảng 1930-40, đều nhận thấy nơi nhà học-già ấy một nhân-vật rất ngộ-nghĩnh. Có lần tôi đi với Lưu-trọng-Lư đến thăm Cụ tại Tòa soạn *Phụ-nữ Thời-Đàm*, ở phố Hàng-Bồ, tôi nói đùa với Cụ, — lúc bấy giờ chúng tôi gọi Cụ bằng « ông », tôi nói :

— Tên Ông là Phan-Khôi, hèn chi ông viết báo cừ-khôi lắm.

Phan-Khôi cười to lên, và bảo:

— Nói tôi là « *cừ khôi* » thì không phải, nói tôi là *kỳ khôi* thì đúng hơn !

Tôi thấy cụ nói chuyện cũng thật có duyên y như cụ viết văn. Quả thật, Phan-Khôi là một nhân vật kỳ khôi và ngộ nghĩnh. Bởi lẽ Cụ là người gốc ở Hán-học, Cụ là một ông Đồ-Nho chính tông, ấy thế mà Cụ đã âm thầm tự học, không ai biết rõ là từ hồi nào. bỗng dưng thành ra một ông Đồ Tây chẳng kém ai ! Các nhà nho học đồng thời đều ngạc nhiên thấy ông Tú Phan-Khôi giỏi cả chữ Pháp, còn bọn thanh-niên Tây học thì khâm phục ông Tú nhà Nho đã già mà thỉnh thoảng nói tiếng Pháp thật có duyên. Vì thế, Phan-Khôi đã chiếm một địa-vị

độc-đáo giữa hai Thế-hệ.

Chính lối văn hấp dẫn của Phan-Khôi là kết quả trực-nhiên của hai trào lưu văn hóa, mà cụ đã kết nạp điều hòa với một nghệ-thuật rất tài tình.

Hai câu nói bất-hủ của nhà văn Pháp BUFFON : *Le style est l'homme même*, và của SÈNE-QUE, nhà Triết-học La-tinh : « *Talis hominibus fuit oratio, qualis vita* » đem áp-dụng vào trường hợp Phan-Khôi đều rất thích đáng. Người của Phan-Khôi thế nào thì Văn của Phan-Khôi cũng giống y như thế, và nếu những ý tưởng của Phan-Khôi là tổng quát, và tóm tắt những đại-cương của các môn-học-thuật cổ-diễn, thì lời văn diễn đạt đặc-sắc của Phan-Khôi chỉ có Phan-Khôi có mà thôi, và sẽ còn lưu-truyền mãi mãi.

Phan-Khôi làm thơ cũng thế. Thỉnh-thoảng, khi nào cao hứng cụ mới làm một bài, đề ngâm chơi theo sở thích của Cụ, chứ không làm nhiều. Gom góp hết các thơ của Phan-Khôi, không đến mười bài. Cụ lại không ưa làm thơ chữ Hán như hầu hết các nhà Nho học.

Vài nhà chép Văn-học sử cho

xãng Phan - Khôi là người đề xướng ra phong - trào Thơ Mới đầu tiên, hồi 1931-32. Nhưng chính Cụ Phan-Khôi nói quả quyết với tôi rằng Cụ không hề chủ trương «lối thơ mới» hồi bấy giờ, vì cụ cho rằng bất cứ lối thơ nào diễn tả được hết tư-tưởng của mình là mình áp dụng chứ không có «thơ mới» và «thơ cũ», và không cần đặt ra «thơ mới» để bỏ «thơ cũ». Bài thơ «*Tình già*» của Phan-Khôi, chính cụ không gọi nó là «thơ mới», và cụ bảo rằng lối thơ câu dài câu ngắn như thế, từ đời nhà Tống bên Tàu đã có rồi, như lại cổ phong có từ trong Kinh Thi nữa kia! Đại khái cụ bảo: «Gọi là «Thơ mới» thì phải mới trong cái ý thơ, hoặc trong cách diễn đạt cái ý thơ, chứ không phải mới ở khuôn khổ bài thơ.» Phan - Khôi ít thích làm thơ Đường luật, chính vì tính cụ phóng túng, không chịu bó buộc, dẫu làm thơ cũng vậy.

Ngoài bài *Tình già* và bài *Hai cảnh trên xe hỏa*, cụ làm chơi cho vui theo lối kể chuyện bằng văn xuôi có vần (prose rythmée), Phan-Khôi làm thơ theo các thể Lục bát, song thất lục bát, bát cú, tứ tuyệt. Mãi về

sau này, hồi thời kháng chiến Phan-Khôi cũng còn ưa làm thơ tứ tuyệt, đề nói ít mà nói nhiều. Như bài sau đây, cụ làm ở Việt Bắc năm 1952, sau khi ở bệnh viện ra đi hớt tóc:

*Tuổi già thêm bệnh hoạn,
Kháng chiến thấy thừa ta.
Mối sầu như tóc bạc,
Cứ cắt lại dài ra!*

Đại khái thơ của Phan-Khôi, ít nhưng cô đọng lại thành nhiều: chỉ 4 câu, nhưng ngụ bao nhiêu là ý nghĩ. Nếu gọi là thơ mới, thì những câu thơ kia đâu có phải là mới, nhưng cách diễn tả ý tứ sâu sắc của nhà thơ thật là mới vậy.

Phan Khôi là một nhà văn và một nhà thơ châm biếm rất tài tình. Dĩ nhiên một người như cụ, sống với thực tế chứ không bao giờ biết mơ mộng, luôn luôn nhìn vào thực tế chứ không lý thuyết bông lông, cho đến làm thơ cũng dùng lời văn thực tế, không màu mè hoa-lệ, thì làm sao cụ chịu được những cảnh giả dối tàn nhẫn, trái với trật tự thiên-nhiên, trái với lương tâm loài người, trái cả với chân lý?

Sống trên 10 năm trong xã hội Cộng-sản, bao nhiêu điều mắt

thấy tai nghe, từ lúc còn ở ngoài chiến-khu Việt - Bắc, được Hồ-chí-Minh tặng cho một chiếc áo blouson mặc ấm, cho đến khi về ở Hà-nội trong sáu năm 1954-59, Phan-Khôi hẳn đã ném đủ các mùi vị của Đảng và của Chính-phủ Việt-cộng đã tặng cho cụ. Kết quả 15 năm chung đụng ấy là một thái độ cương quyết chống đối với chính quyền Việt-cộng và một mớ văn thơ hậm hực, mỉa-mai, chua chát, phô bày công khai trước mặt thế giới và trước Lịch sử.

Tôi xin trích một đoạn văn của Phan Khôi trong bài «PHE-BÌNH LÃNH - ĐẠO VĂN-NGHỆ», trong «Giai phẩm mùa Thu» tập I, ra ngày 29 tháng 8 năm 1956 ở Hà-nội. Trong bài này Phan Khôi nói thế nào là văn nghệ tự do. Ông viết:

«... Các Ông có nghệ thuật của các Ông, còn tôi có nghệ-thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngụ cái cá tính của mỗi người một khác, do đó cái nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả cũng một khác. Có như thế thì mới có cái quang cảnh «trăm

hoa đua nở». Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra bông vạn thọ hết! Mà nếu cứ thế này mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu!

«Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, nhà báo Tờ Quốc viết thư cậy tôi «Viết một bài về chuyện miền Nam», như thế là đã ra đề cho tôi «làm bài» đó. Trong thư, ông Đại Chủ Bút còn «dàn bài» sẵn cho tôi nữa, như là «yêu cầu» thế này, «mục đích» thế nọ, và hạn từ một ngàn rưỡi đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ vì tôi tự ái, đáng kiêu ngạo!) bèn kiếm cách từ chối. Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu! ở thời cụ, cụ đã kêu:

Ở đây nào phải trường thi
Ra đề, hạn vận, một khi
buộc ràng!

Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó, cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa, Cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa, cụ ơi!

Những người đã đọc văn của

Phan Khôi viết ở Sài Gòn trước đây 30 năm, trong báo *PHỤ NỮ TÂN VĂN*, hay trong *THẦN CHÚNG*, chắc nhớ lại giọng văn bình dân, giản dị, và chân thật ấy, thốt ra từ trong tim trong óc của Phan Khôi.

Phan Khôi tức giận vì các cấp lãnh đạo Văn Nghệ ở Hà Nội buộc cụ phải viết một đề tài về miền Nam, mà phải viết theo cách thức và đường lối của họ đã vạch sẵn, thì dĩ nhiên, một nhà văn tự - do, một nhà Văn có lương tâm văn nghệ, đâu có thể nào viết được !

Phan-Khôi đã phản đối cái chính sách bắt buộc nhà văn đem ngòi bút của mình mà làm nô-lệ cho tư-tưởng của kẻ khác, cụ lại còn kêu gọi hương-hồn cụ Đồ-Chiều ở miền Nam để phân-bua ! Thật là mĩa mai ! Chua-chát ! Thật là đau đớn !

Trong những giai-phạm mà tôi đã kể xuất bản giữa kinh-dô Hà Nội, Phan-Khôi đã thẳng thắn tố cáo chính sách độc-tài, và hăng hái bênh vực cho tự do văn nghệ và tự do tư-tưởng. Có đôi người lo sợ cho cụ viết như thế sẽ bị « làm sao » chẳng, thì cụ làm 4 câu thơ

sau đây để trả lời :

*Làm sao cũng chẳng làm sao
Đầu có thể nào cũng chẳng làm
chi !
Làm chi cũng chẳng làm chi,
Đầu có làm gì cũng chẳng làm
sao !*

Cụ đã cương quyết đấu tranh cho Tự-do dân chủ, thì đâu có gì đi nữa cụ cũng trở như đá vững như đồng, chẳng ai làm gì được cụ, mà cho có làm gì đi nữa cụ cũng không cần. Với ý-chí cứng rắn ấy, Phan-Khôi đã tiếp tục đấu tranh bằng ngòi bút sắc bén, bất chấp uy-quyền.

Cụ tự ví cụ như ánh nắng chiều, sức nắng đã gần tàn, nhưng cụ quyết đấu tranh cho đến tia nắng cuối cùng, như cụ đã nói trong 4 câu thơ sau đây làm năm 1956:

*Nắng chiều tuy có đẹp,
Tiếc tài gần chạng vạng.
Mặc dầu gần chạng vạng,
Nắng được thì cứ nắng.*

Quả thật Phan-Khôi đã bền bỉ đấu tranh cho đến hơi thở cuối cùng đầu tháng giêng 1959.

Phan - Khôi không phải đấu tranh một mình. Cùng với Cụ có một nhóm nhà Văn, nhà Thơ, giáo sư, và Sinh-viên đại học, hầu hết là những cán bộ thanh-niên có thành

tích vẻ vang trong 9 năm kháng chiến.

Nhưng Phan-Khôi là nhân vật điển hình của một thế hệ văn sĩ đã tha thiết yêu chuộng tự-do, và không thể chấp nhận được rằng dưới một chế-độ mệnh - danh là dân chủ, tự hào là đại diện cho ý-chí của một dân-tộc độc-lập và tự-do, mà văn-nghệ và tư-tưởng lại bị kềm hãm gắt-gao hơn là dưới chế-độ phong kiến.

Mĩa mai thay, câu chữ Hán «BÁCH HOA TỀ PHỒNG, BÁCH GIA TRANH MINH, ca ngợi thời-đại văn-học phồn-thịnh của Đông - Chu ở Trung quốc, mà đem phiên-dịch ra Việt-ngữ và áp dụng ở « Việt nam dân chủ cộng hòa » thành ra « Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng », mĩa mai bởi vì dưới bàn tay sắt bóp nghẹt tư-tưởng của con người, trăm nhà không hề dám kêu lên một tiếng khóc, trăm hoa không dám nở ra một nụ cười !

Nhưng làm thế nào được ? Cái tính chất và lý-do tồn tại của các chế-độ độc-tài, độc-tài Cộng-sản cũng như độc-tài phong-kiến, là bắt muôn ức triệu người phải sùng bái một người, muôn ức triệu

gia-đình phải tuân theo một mệnh lệnh, muôn ức triệu đầu óc phải rạp theo một khuôn khổ.

Cho nên dưới thời NÉRON, một vị Hoàng-đế tàn ác nhất của lịch-sử La-Mã và cả lịch-sử loài người, ở thế kỷ I sau J.C., khắp cả đế-quốc to rộng nhất của Âu-châu, nhân-dân không hề dám hé môi than thở một lời, các Thi-sĩ không hề ca hát một câu thơ. Néron hỏi nhà sử - học TACITE nguyên có vì sao, Tacite chỉ trả lời có 3 tiếng : *Roma vasta silentio.* (La-Mã mênh mông im lặng).

Nhưng, thưa các Ngài, cái im lặng đó là cả một sức mạnh góm ghê, tiềm tàng, ăn nuốt, trong giòng máu, trong hơi thở, trong trí óc của nhân dân, đề rồi Néron vừa mới chết là toàn thể dân chúng Roma reo hò nổi dậy, đập đổ hết các pho tượng của kẻ độc tài, của cả vợ con hắn, và làm sụp đổ tan-nát một triều đại chuyên quyền.

Ba thế kỷ trước Néron, TẦN-THỦY-HOÀNG bên Tàu lại còn tàn bạo hơn nữa đối với văn hóa và học thuật, Nghe lời một tên thừa tướng ngu xuẩn, nịnh bợ, muốn bằm chặt lấy địa

vị, y đã truyền lệnh đốt hết tất cả các kinh sử từ đời nhà Chu để lại và chôn sống 460 nhà văn sĩ đã đem văn-chương đạo lý của thời xưa mà chỉ bảo cho đời nay. Nhưng chính sách của TẦN-THỦY-HOÀNG bóp nghẹt tư-tưởng, giết chết văn-hóa, có lâu bền được không? Nhà Tần chuyên quyền không quá 15 năm, rồi chỉ một người dân quê là TRẦN-THĂNG đi làm thuê cuốc mướn, biết lợi dụng lòng uất hận của muôn dân, cũng có thể phát cờ nổi dậy, kéo hàng vạn thanh niên theo chàng để chống lại cả một triều đại. Sau đó LƯU-BANG mới khởi binh ở đất Bái, đánh đổ nhà Tần và lập nên nhà Hán.

Chánh sách nô lệ hóa văn học của TẦN-THỦY-HOÀNG có lợi riêng cho họ nhà Tần được 15 năm, nhưng 2000 năm lịch-sử về sau vẫn còn nguyên rửa họ ấy.

Từ xưa đến nay, trên trái đất biết bao nhiêu văn thơ bị cấm, sách vở bị đốt, văn-sĩ thi-sĩ bị tù, bị đầy, bị chém giết, nhưng rốt cuộc rồi văn hóa tự do vẫn thắng, và các kẻ thống trị độc tài, chuyên chế, đã bị lịch-

sử kết án mãi đến muôn đời muôn kiếp.

NAPOLÉON III. Hoàng đế nước Pháp, bắt đầy Thi - sĩ VICTOR HUGO ra một hòn đảo ngoài Đại - Tây - Dương, Hugo trả thù lại, chỉ gọi nhà vua một câu «Napoléon le Petit» là đủ để lại cho hậu thế một bản án nhục nhã nhất cho vị Hoàng đế chuyên quyền.

Victor Hugo ca ngợi văn nghệ tự-do với những câu thơ hùng vĩ:

L'art, c'est la pensée humaine

Qui va brisant toute chaîne !

L'art, c'est le doux conquérant !

A lui, le Rhin et le Tibre !

Peuple esclave, il te rend libre !

Peuple libre, il te rend grand !

Xin tạm dịch :

Nghệ - thuật, tư - tưởng của người,

Bẻ tan xiềng-xích, chiếm trời
mông lung !

Nước non Âu, Á, nghìn trùng !

Say-sưa nghệ-thuật, vang-lừng
nhịp ca !

Câu văn giải phóng sơn hà !

Lời thơ tô-diêm nước nhà
vinh quang !

Thưa các Ngài,

Những nhà cầm bút chân chính, những nhà Văn có ý thức về nhiệm vụ của mình đối với dân tộc, đối với Nghệ-thuật cao cả, không hề bao giờ sợ xiềng xích, sợ tù-tội, hay sợ giết chết. Không ! Nhà Văn luôn luôn có đôi chút hãnh diện với trách nhiệm của mình và không bao giờ đầu hàng trước một thế lực, hay một uy-quyền nào cả.

Từ khi tòa án Hy-Lạp kết tội nhà Triết-học SOCRATE trước đây 2400 năm, từ khi tòa án La-Mã kết tội nhà Bác học GALILÉE trước đây 300 năm, chúng ta đã thấy rằng chính trị là tạm thời, và sớm hay muộn rồi cũng bị vùi trong bụi bặm của thời gian, chớ chân lý và văn hóa cứ trường tồn bất diệt.

Nếu bàn tay đẫm máu giết người của Lady Macbeth mà tất cả các thứ nước hoa và dầu thơm của xứ Arabie cũng không thể nào rửa cho sạch được, thì chúng ta cũng có thể nói rằng không có một lưỡi gươm nào có thể giết được chân lý và nghệ-thuật của loài người. Không có lớp máu nào có thể làm mờ ám được những tư-tưởng thiêng liêng của Thượng đế ban cho nhân loại.

Nhà Thi - sĩ FRIEDRICH SCHILLER của nước Đức, thế kỷ XVIII, đã nói : « Những quyền tự do của dân tộc, tự-do

sinh-tồn và tự-do tư-tưởng, là bất diệt như các vì tinh tú ». Chúng ta mong rằng những kẻ muốn đàn áp văn nghệ tự do, những kẻ có dã tâm bóp nghẹt tư tưởng của con nhà cầm bút, những kẻ quyết dùng chính sách khủng bố đối với văn nghệ sĩ, hãy nên nhớ lại những bài học của lịch sử.

Một bài thơ « Talpra Magyar » của ALEXANDRE PÉTOFI, nhà thơ Hung gia lợi, đã làm nổi dậy cuộc cách mạng của một dân tộc quyết thoát khỏi ách nô lệ của kẻ bạo tàn. Một bài « Hymne à la Liberté ! » của nhà thơ Hy-Lạp, DIONYS SOLOMOS, đã đưa cao nhân dân Hy Lạp lên đài vinh quang.

Chỉ thỉnh thoảng có một nhà Thơ quá đau khổ vì cảm hứng im lặng, như thi sĩ Nga xô WLA-DIMIR MAIAKOVSKY, người đã quá tin tưởng nơi lý thuyết Mác xít, nơi chế độ Bolchevick, nhưng sau rồi thất vọng, uất ức đành phải tự tử năm 1930 để khỏi thấy những cảnh trái ngược xảy ra chung quanh mình.

Nhưng, những nhà Thi-sĩ khác có can đảm ở Nga xô như ESSE-NINE, như BORIS PASTERNAK, vẫn điềm tĩnh viết ra cho nhân loại những bài thơ và những lời văn tố uất hận của mình.

Ở Bắc Việt, nếu hai nhà văn Khái Hưng và Lan Khai đã chết oan uổng, nạn nhân của chế độ ngoài ấy, thì vẫn còn một Phan-

Khôi cương quyết dùng ngòi bút đề bảo vệ cho tự do của nhân dân, và tự-do văn hóa. Một Phan-Khôi và một nhóm bạn trẻ, không chịu quỳ lụy trước uy quyền, không chịu nhấm mồi phục tùng những mệnh lệnh trái hẳn với lương tâm văn nghệ. đã chỗi dậy, đã kêu lên tiếng nói làm xáo động cả nhân dân, làm lung lay cả hệ thống lãnh đạo.

Phan Khôi chết, nhưng chúng ta tin rằng tiếng nói của Phan Khôi đã vọng trong tâm đề của quần chúng văn nghệ, và toàn thể đồng bào Bắc Việt, và đã ngấm ngầm in sâu trong tư tưởng của mọi người.

Rừng núi bao la, non sông cách trở, chúng ta ở miền Nam này, cách một con đường máu rạch đôi sơn hà, nhưng tiếng nói của Phan-Khôi cũng đã bay qua không gian và thời gian, vang dội đến lòng ta.

Cho nên hôm nay, nhớ Phan-Khôi, chúng ta không khỏi ngậm ngùi đau đớn.

Chúng ta không khỏi thương tiếc một nhà văn kỳ cựu đã quen thuộc với Sài Gòn mà phong độ hiên ngang, lời văn trung trực đã để lại trong ký-ức của chúng ta một mối tình sâu đậm, một niềm cảm-phục chân thành.

Chúng ta không khỏi xót xa ngấm nghĩ về số kiếp của nhà học giả tài hoa lỗi lạc ấy, hồi

thời thực dân vẫn còn được tung hoành trên đàn văn trận bút mà bây giờ lại bị hắt hủi, bị hăm dọa, bị khủng bố, ở giữa thủ đô gọi là « độc lập, tự do, hạnh phúc » của « Việt-Nam Dân chủ Cộng hòa » !

★

Thưa các Ngài,

Nhân lễ truy-niệm Phan-Khôi hôm nay, để ghi lại mối thiện cảm của dân chúng Sài Gòn, tôi thiết tưởng người ta nên đặt tên Phan-Khôi cho một con đường phố ở Đô-thành, xứng đáng với phước danh của nhà học giả.

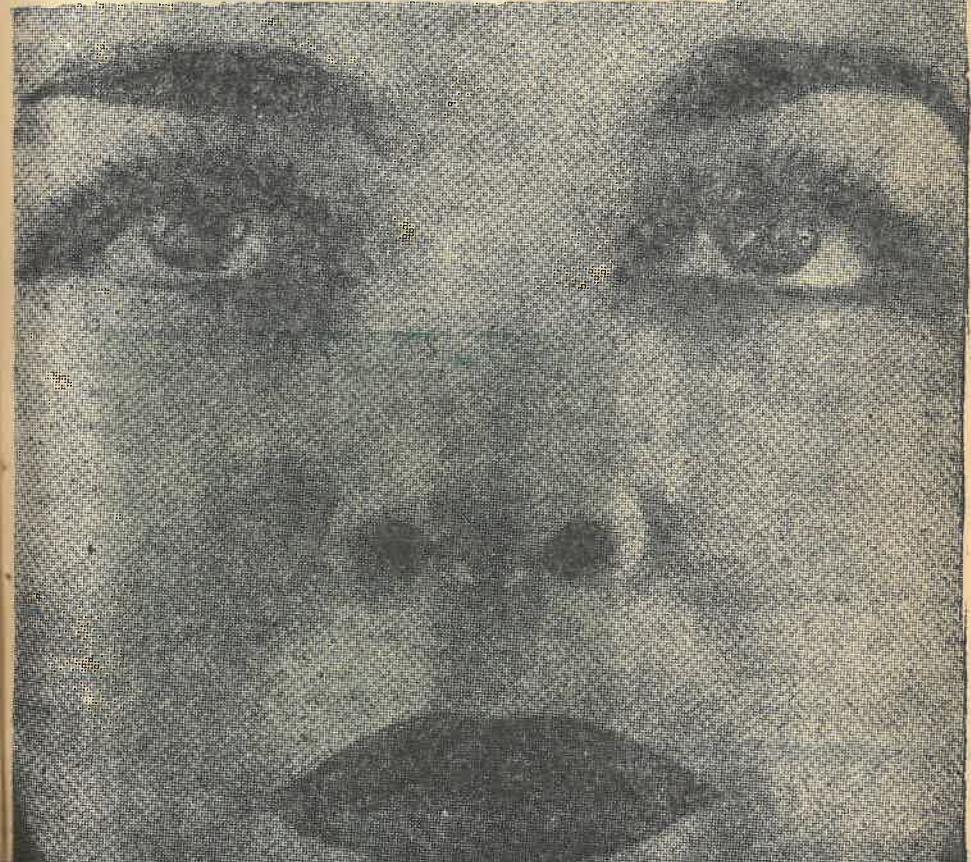
Vừa đề kỷ-niệm mối duyên văn-tự của Phan-Khôi với đất Sài Gòn, vừa đề chứng tỏ rằng dẫu chúng ta đã mất hẳn Phan-Khôi, nhưng chúng ta vẫn còn lưu-luyến mãi mãi với một nhà văn trung-trực, thanh cao, có công ơn với Dân tộc, một đường phố lớn ở Thủ-đô miền Nam mang tên Phan-Khôi sẽ là cả một tượng trưng, và cả một ý nghĩa.

Xin các ngài cho phép tôi được hy-vọng rằng các ngài tán thành ý-kiến thô-sơ ấy.

N. V.

Những người đàn bà lừng danh trong

LỊCH - SỬ



cọp mẹ
sinh
cọp con



4. — AGRIPPINE mẹ của NÉRON

Trong các số trước :

1. — Cléopâtre, Hoàng
hậu Ai-cập.

(P.T. số 33-34)

2. — Từ-Hi Thái-Hậu
(Hoàng - Thái-Hậu
Trung-Quốc).

(P. T. số 35)

3. — Poppée, Hoàng -
hậu La-Mã.

(P.T. số 36-37)

* Nàng lấy chồng

hồi 13 tuổi

DOMITIUS Ahenobarbus ! Chỉ một cái tên đó cũng đã làm rồn tóc gáy những người dân La-Mã thời bấy giờ, (Thế-kỷ I sau J.C.) Cái tên mọi-rợ làm sao ! Lão này là một vị Quan chấp-chính tàn-bạo, điên-khùng, trụy-lạc, vô-liêm-sĩ, mà nhân-dân La-Mã

ghê-tở-m. Còn Agrippine là cháu hai đời của Hoàng-đế Auguste, cũng là một cô gái dữ-tợn, đã có tiếng ngay từ lúc còn bé là một hung-nữ của giòng-dõi César... Sở kiếp xui khiến ông lão Ahenobarbus gặp cô bé Agrippine, lại mê vẻ đẹp sắc-sảo của nàng, và xin cưới nàng làm vợ, mặc dầu Agrippine mới có mười ba tuổi đầu !

Chín năm sau, tháng 12 năm 37 sau J.C., Agrippine sinh một đứa con trai, có ác-tướng, mà nàng đặt tên là Néron. Bà con thân-thuộc đến mừng, thì Ahenobarbus chỉ đưa bé nằm trong nôi, mặt mũi dữ-tợn, và bảo :

— Ta và Agrippine phối-hợp với nhau chỉ có thể đẻ ra một con ác-quỷ !

Câu nói này, Lịch-sử cổ La-Mã còn ghi lại nguyên văn, và chẳng phải là câu nói ngoa. Né-

ron lớn lên, Agrippine nhờ một thầy bói khoa chiêm-tinh coi số tử-vi cho Néron. Thầy bói bảo :

— Sau này, Néron sẽ lên ngôi Hoàng-đế, nhưng chàng sẽ giết mẹ.

Agrippine trả lời :

— Nó giết ta thì cứ giết, miễn là nó được lên ngôi Hoàng đế !

Từ ngày vợ đẻ, ông lão Ahenobarbus (tục gọi ông già Râu Đỏ) bỏ kính đồ, đi mắt,

Ông đã hung-dữ, vợ ông lại còn hung dữ hơn ông, bây giờ ông thấy đứa con mới ra đời, nét mặt đã đầy sát khí, ông sợ quá, đang đêm trốn ra hòn đảo Sicile rồi chết tại đó.

Agrippine không hề thương nhớ chồng. Nàng là một người đàn bà tham lam vô độ, một ác phụ chỉ có một hoài bão là chiếm ngôi Hoàng-đế La-Mã và làm bá chủ thiên hạ. Hoàng đế CALIGULA đang trị vì Đế quốc La Mã, chính là anh ruột của nàng. Nàng quyết-tâm ám hại anh, để dành riêng ngôi báu. Muốn đạt mục đích ấy, nàng bắt đầu quyến rũ vị quan hầu cận của Vua, còn trẻ tuổi, tên là LÉPIDE. Ngay hôm đầu, nàng hiến thân cho y. Lépide vừa sung sướng vừa kinh ngạc, nhưng Agrippine cười, nói thắm vào tai y :

★ Khi một Hoàng - hậu



mồ trai...

Ngày 24 tháng Hai năm 41, Caligula bị một nhóm loạn quân ám sát ngay trong cung điện. Người bác ruột của Vua, tên là

CLAUDE, sợ hãi quá, lật đật
chui trốn phía sau một tấm màn,
ngồi run cầm cập. Không dè,
loạn quân trông thấy, lôi ông ra,
và tôn ông lên ngôi Hoàng đế !

Agrippine nghe tin mừng, vội vàng từ già đảo Pontiques, trở về kinh đô. Nhưng đâu phải nàng định về cung điện, để đóng vai người cháu gái ngoan ngoãn của vị Vua mới ? Nàng vẫn nuôi tham vọng dành ngôi Hoàng đế cho nàng cơ mà ! Hoàng-đế Caligula vừa bị ám sát, là anh ruột của nàng. Hoàng-đế Claude được tôn lên kế vị, là bác ruột của nàng. Bác, cũng như anh, nhưng nàng không thành công với anh, thì nàng quyết phải thành công với bác vậy.

Nhưng Claude có vợ... mà vợ của Claude lại chính là MESSALINE, người chị họ của nàng. Người chị họ mà nàng ghét cay độc ! Tại vì Messaline cũng là một trang tuyệt thể giai nhân, và đang được làm Hoàng-hậu. Messaline cũng đã biết rõ tính nết của Agrippine, nên nàng đề phòng.

Nàng không muốn cho Agrippine ở trong cung điện, vì nàng sợ cô em họ tìm cách quyến rũ

Claude, và chiếm ngôi Hoàng hậu.

Agrippine thấy tình thế trong cung điện chưa được thuận - lợi cho nàng trong lúc này. Nhưng nàng vẫn không nản chí. Nàng kiên nhẫn rình cơ hội... Trong khi chờ đợi, và để cho Messaline hết nghi ngờ nàng, nàng bèn quyết định lấy tạm một người chồng, để làm bung xung...

Nàng kết hôn với PASSIENUS, một chính khách có tài hùng biện được tiếng tăm lừng lẫy ở La - Mã. Chàng lại là một triệu phú, tiền của và vàng ngọc châu báu nhiều vô số kể. Agrippine tha hồ tiêu xài, và mở rộng phòng khách tiếp đón các gia đình thượng lưu ở kinh đô, không kém gì trong cung điện của Hoàng đế. Hơn nữa, nàng quyết tranh đua về mọi phương diện để cho hơn Messaline. Hoàng đế Claude và Hoàng hậu Messaline có con trai là Thái tử BRITANNICUS, đồng lứa với NÉRON là con trai của Agrippine. Nàng giáo dục Néron một cách vô cùng nghiêm khắc, tàn nhẫn, bắt buộc Néron phải giỏi hơn Britannicus về các môn học văn và thể thao. Néron là một cậu con trai rất hung dữ.

nhưng cậu chỉ là con cọp con, vẫn khiếp sợ con cọp mẹ. Agripine sắp đặt kế-hoạch : làm sao cho Néron được làm Hoàng đế, để nàng làm Hoàng thái Hậu. Nàng kiên nhẫn đợi chờ cơ hội.

Và cơ hội đã đến. Năm 48, Messaline bỗng dưng yêu say mê chàng công tử SILIUS, con một nhà quyền quý, «người đàn ông đẹp nhất của La Mã»: Hoàng hậu say mê chàng cho đến đổi bao nhiêu bàn, ghế, tủ, giường, và đồ đạc quý giá nhất trong cung điện của nàng, nàng lén cho chở hết ra biệt-thự của Silius, không còn gì trong cung Hoàng hậu nữa. Đêm nào, Hoàng hậu cũng

★ **Nghị-viện tuân lệnh vua:**

**sửa lại luật gia - đình
của La - Mã..!**

Agrippine lúc bấy giờ đã 32 tuổi. Nàng là cháu ruột của Hoàng-đế Claude, gọi Hoàng-đế bằng bác. Hoàng-hậu Messaline chết rồi, Agrippine được tự-do ra vô Cung-điện. Nàng lân-la ở ngày đêm, một tay

lên nhà vua, để ra ngủ với Silius,
đến gà gáy sáng Hoàng hậu mới
lò-mò chạy về cung điện !

Vậy mà Hoàng đế Claude, chẳng hay biết tý gì. Thế rồi một hôm Claude đi kinh-lý, Hoàng Hậu Messaline ở nhà tuyên-bố chính-thức kết-hôn với người yêu ! Bí-thư của Hoàng-đế, là Narcisse, tin cho ngài hay, ngài lật-đật trở về kinh-đô, bắt chém đầu Silius. Tức thì Hoàng-hậu lấy dao poa-nha tự đâm vào bụng, chết theo người tình.

Hoàng-đế Claude buồn rầu
thề với các quan Triều-thần :

— Trăm nhất-định ở góa suốt đời, không thèm lấy vợ nữa.

nàng lo điều-khiển các công-
việc trong Cung. Nàng sẵn sàng
cho Hoàng-đế, và dần dần làm
chúa-tể cả Hoàng-đế nữa. Tất
cả những nàng công chúa, hoặc
con gái các nhà quyền-quý có
đôi chút nhan-sắc, bèn mang

đến Cung-điện, đều bị Agrip-
pine đuổi đi hết, cấm tiệt không
cho một giai-nhân nào đến gần
Hoàng-đế.

Agrippine ăn ngủ luôn bên cạnh Claude, rồi ít lâu, Hoàng đế tuyên bố với Triều-thần rằng Ngài nhất định làm lễ chính-thức cưới Agrippine làm Hoàng hậu. Luật gia-đình của La-Mã lúc bấy giờ vẫn cấm bác kết hôn với cháu. Nhưng tuân theo lệnh của Hoàng đế, Thượng Nghị Viện La Mã bèn sửa đổi bộ luật gia đình, làm một luật mới cho phép bác được lấy cháu. Mấy kẻ nịnh thần và lũ luật-sư châu rìa, mong được xin xỏ ân huệ của Hoàng Đế Claude và tân Hoàng hậu Agrippine, xúm nhau tán dương luật gia đình mới là hợp với luân lý và

Văn minh La-Mã!! Đồng thời,
Agrippine bảo kẻ thân tín nói
với chồng chính thức của nàng,
là nhà chính khách triệu phú
PASSIENUS, nên tự ý chết đi
và để hết cả gia tài lại cho nàng.
Nếu không, thì y cũng sẽ chết,
và chết một cách đau đớn hơn.

Vì danh dự một nhà chính-
khách hùng biện lừng lẫy tiếng
tấm ở La Mã từ lâu, Passienus
bèn uống thuốc độc tự tử, và
tuân lệnh vợ, làm tờ di-chức để
lại cho Agrippine tất cả cơ đồ
sự nghiệp của chàng.

Rảnh tay rồi, Agrippine được tự-do kết hôn với Hoàng-đế Claude.

Kỳ sau :

Agrippine HOÀNG - HẬU
rồi HOÀNG - THÁI - HẬU



★ Chuyện ma.

Trong một cuộc thi « chuyên ma quỷ ngắn nhất và dễ sợ nhất » ở Mỹ có một bài san đây chỉ vồn vồn có 2 câu :

« Tôi vừa gặp ông Run đi với người vợ góa của ông. »
 Dĩ nhiên bài này chiếm giải nhất.

C.

Sự - tích NÓN GÒ - GĂNG



**Món quà hứa
hôn, tượng trưng
tình-yêu bất-diệt**

★ PHƯỢNG - THU

(Kể theo lời ông AY-CÔ một người Chăm ở Bình-Định.)

Từ thuở xa xưa, trong một gia đình nghèo nàn ở Bồng Sơn, tỉnh Bình Định, có

một người con gái rất đẹp, mà bố mẹ đã hứa gả cho một chàng thanh niên hiền-lành, dễ-thương ở trong làng.

Duyên dáng và diễm kiều như một Tiên-Nga giáng thế, nàng còn được trời phú cho đôi bàn tay khéo léo, rất giỏi về khoa thủ công, và nhất là nghề chăm nón, và thêu nón, không một cô gái nào bì kịp.

CHIẾC NÓN GÒ GĂNG

Nàng mới mười bảy tuổi, nhưng tiếng thơm đã bay khắp trong vùng và nàng đã được một quan Huyện đặc biệt chú ý đến. Gia đình nàng lo sợ, nhưng nàng vẫn vô tình sống vui đùa bên vị-hôn-phu chỉ hơn nàng hai tuổi. Đời sống giản-dị ngày thơ trong khung cảnh thơ mộng của xứ Bồng-Sơn tươi đẹp.

Mùa xuân năm đó, quan Huyện sai lính đến Bồng Sơn mời nàng và bố mẹ nàng đến ăn Tết. Nàng giả-vờ ốm, để cho bố mẹ nàng lên chúc Tết và xin lỗi quan Huyện. Nhưng sau đó, quan Huyện muốn cưới nàng làm nàng hầu, nàng không ưng-thuận, thì quan Huyện sai lính đến áp bức cha mẹ nàng và bắt nàng phải nhận lời.

Nàng khóc lóc với vị hôn-phu và muốn cùng chàng từ giả quận Bồng Sơn để đi trốn nơi xa. Đôi uyên ương xin phép cha mẹ cho đi, và một chiều kia họ đến làng Gò Găng, ở phía Bắc Qui Nhơn.

Quan Huyện Bồng Sơn dò biết rõ tin tức, liền tìm cách trả thù. Y nói với quan Tổng đốc Bình Định, nhưng viên Tổng đốc lại cho lính đi tìm đến nàng,

bắt vị hôn phu của nàng phải nhập ngũ đi đánh giặc Chăm, và ép nàng phải chịu về làm hầu thiếp cho ông. Lần này nữa, cô gái đẹp ở Gò Găng cũng nhút định từ chối, quyết một dạ trung thành với người yêu, dù chàng phải xa cách nơi chiến trường. Tổng đốc Bình Định bèn dọa nạt, và buộc nàng phải chọn một trong hai điều kiện, hoặc chịu làm hầu thiếp cho ông, hoặc phải nộp 10 cân hải yến để dâng lên Vua, kỳ hạn trong một tháng phải cho có đủ.

Nghe tin đó, nàng ngày đêm lo sợ, và kiếm cách tin cho vị hôn phu biết, trước khi nàng quyết chí ra biển để đi tìm tổ yến. Nhưng một đêm mưa gió, chàng lên được về nhà, bảo nàng : « Thận em đào tơ liễu yếu, làm sao ra tận ngoài cù lao để tìm tổ yến cho được ? Để anh đi cho em. » Nàng rung rung hai ngón lệ, lấy một chiếc nón lá, tặng chàng : « Đây, thưa anh, chiếc nón em vừa làm xong, em xin tặng anh để làm của tin. Dù trong bão tố, sóng gió đảo điên, anh đội chiếc nón Gò Găng này, để nhớ đến

thân em ngày đêm chờ đợi anh về. »

Đã gần hết tháng rồi, chàng vẫn chưa về. Nàng cứ nhẫn nại đợi-chờ. Cho đến ngày cuối tháng là ngày hết hạn nộp hải-yến cho Quan. Nàng buồn rầu khóc lóc, còn rán chờ đợi đến khuya. Sáng ngày mai, lính quan đến bắt nàng, nàng sẽ làm sao chống-cự được ? Nghĩ vậy, nửa đêm nàng bỏ nhà trốn đi. Nàng đi thẳng vô Qui nhơn.

Trời gần sáng, nàng tới bãi biển Gành-Ráng, và phải trốn tránh lên núi, trong khi quân lính của quan Tổng-Đốc đã sắp sửa đuổi kịp được nàng.

Đột nhiên trời nổi bão tố dữ dội, mưa gió ầm ầm, trái núi nứt ra một đường rãnh lớn, và bất chợt nàng cũng biến dạng mất. Quân lính thì thăm bàn nhau : « Nàng đã thành tiên rồi chăng ? » Một giòng suối chảy trắng-xóa trên sườn núi, bên kia, thấp-thoáng bóng nàng, lúc biển lúc hiện trong rừng xanh..

Cùng một lúc, thuyền của chàng chèo về bến, cũng đã bị bão tố, sóng gió đập nát tan tành. Chàng cố hai tay giữ chặt chiếc nón Gò-găng, không cho gió cuốn, vì thế mà mười cân yến của chàng đã kiếm được bị rơi ngoài sông, và chìm xuống biển. Chàng ôm chiếc nón lá Gò-găng vào lòng, cố bơi vào bờ.

Nhưng vừa đặt chân lên bãi cát, chàng vừa trông thấy xa xa trên núi Gành-Ráng bóng ai giống hệt bóng nàng. Chàng ôm chiếc nón chạy theo, lên đến suối Tiên...



Từ đó, đôi uyên-ương biển luôn, không còn về Bình-định nữa. Nhưng, thanh niên và thiếu nữ trong tỉnh này mỗi khi yêu nhau, muốn được tình yêu chung thủy như chàng và nàng, thường tặng cho nhau chiếc nón Gò-găng. Hiện nay, ở Bình-Định, Qui nhơn, chiếc nón Gò-găng vẫn là món quà hứa hôn xinh đẹp nhất, tượng trưng tình yêu bất diệt...



Tôi nghe vọng bước người đi...

Ngoài kia một bóng chim trời
Bơ vơ vô cánh, lạc loài không gian
Ai về trao lại tiếng than
Rằng người năm cú tình tan vỡ rồi !
Sương rơi cành liễu... sương rơi...
Không gian buốt giá, lòng tôi sững sờ
Một thương, hai nhớ, ba chờ...
... Năm mong, sáu đợi, bảy... ngờ rồi đây !
Lạnh lùng canh một sang hai
Sương rơi ướt đầm hiên ngoài, hiên trong
Ngồi đây khép chặt song hồng
Tôi nghe sâu dặng ngập phòng cô đơn
Tôi nghe tê tái trong hồn
Và trong tim nữa : nhạc buồn chia ly
Tôi nghe vọng bước người đi
Tôi nghe sương rót kiêu mi của nàng.



Mắt ai ướt đầm giòng sương
Hay giòng nước mắt khóc thương chuyện mình ?

PHƯỢNG - HẢI



Chuyện CÀ - KÊ

BA - TÈO

★ Công-chúa Margaret sẽ có 3 đứa con.

Bà thầy bói A-rạp TAKIYA vừa cho biết rằng theo số tử-vi của Công-chúa Margaret, bây giờ là bà Armstrong Jones, thì nàng sẽ có 3 đứa con : 2 gái, một trai.

Chính bà thầy bói này đã lừng danh trước kia vì đã quả-quyết rằng vua Iran lấy Hoàng-hậu Soraya sẽ nhất-định không có con.

★ Một nữ phi-công chưa học lái bao giờ.

Vợ chồng ông SPENCER BLACK, giám-đốc một công-ty dầu hỏa ở Fort North, Texas, (Mỹ) có sắm một chiếc phi-cơ riêng, nhưng bà không biết lái.

Tháng trước đây, hai vợ chồng đi du ngoạn trên chiếc phi-cơ ấy. Dĩ nhiên là ông lái. Bất ngờ, máy bay đang bay thì ông Black bị chứng đau tim đột ngột, chết ngay trên ghế phi-công. Bà vợ hoảng hốt chụp lấy tay lái nhưng không biết làm sao, bà liền gọi radio kêu cứu xuống các phi-trường lân cận. Tại nơi đây, người ta trả lời liền cho bà cũng bằng Radio. Người ta chỉ vẽ cấp tốc cho bà cách lái thế nào để cho phi-cơ có thể bay tới và đậu xuống một phi-trường gần nhất. BÀ SPENCER BLACK tuy là hoảng hốt và điếng người vì chồng chết đột ngột, nhưng vẫn

CHUYỆN CÀ KÊ

tĩnh trí làm đúng theo các lời chỉ vẽ bằng Radio để cho phi-cơ ráng bay được một khoảng rồi đâm đầu xuống một sân bay gần đấy, vọt lên ba bốn bận rồi quây nhào, chống hai bánh lên trời. Người ta chạy đến cấp cứu thì thấy bà Spencer Black bị thương nặng, nhưng còn sống, bên cạnh xác chết của chồng.

★ Con Chó bị Tòa xử tù chung thân

Vụ án hi-hữu này xảy ra tại thành phố New Canaan, Connecticut (Huê-kỳ). Con chó thủ phạm tên là DUKE, một con chó béc-dê Đức 5 tuổi, 40 kí. chủ nó là cô Weisenfeld. Một hôm trong tuần vừa qua, bà GRANT đến nhà cô Weisenfeld, bấm chuông gọi cửa. Bỗng nhiên con chó Duke đi chơi rong ngoài đường nghe tiếng chuông, lật dật chạy về, thấy bà khách lạ, nó sủa um sùm và nhảy vồ lên đầu bà, cắn bà khắp cả mặt mày và thân mình. May có cô chủ nhà chạy ra mở cửa kịp, nếu không thì nó đã vật ngã bà Weisenfeld và cắn bà chết rồi. Bà này đưa đơn ra tòa kiện con chó. Tòa xét hồ sơ trong 45 phút, nhìn nhận con chó có tội và kết án tử hình. Nhưng

trạng sư bào chữa, rốt cuộc nó bị « tù chung thân trong một nhà giam chó » !

★ Chưa 2 tuổi đã cưới vợ.

Tục-lệ cưới vợ còn nhỏ tuổi, hiện còn đang thực hành tại vài miền thượng-du Ấn-độ. Vừa rồi, tại làng RAMOLA, gần Ahmedabad, dân-chúng sắp sửa làm lễ thành-hôn cho 50 cặp vợ-chồng chưa được 2 tuổi, nhưng Cảnh-sát vừa đến can-thiệp, cấm các cuộc hôn-nhân quá sớm ấy.

★ Chữ tài, chữ mệnh...

Đây là một chuyện hết sức thương - tâm. Tài tử HENRI GARAT, trước đây 30 năm, đã lừng danh trên màn ảnh nước Pháp và quốc tế, giàu có, sang-trọng, xài tiền như nước, mèo-chuột khét tiếng, còn hơn các tài-tử xi-nê danh tiếng nhất thời nay nữa. Thế mà mấy năm sau đây chàng ta hết thời, thất nghiệp, trở nên nghèo khổ, đói-rách, thua một kẻ ăn mày ở Paris.

Vừa rồi, quan-tài của chàng gửi trong Nghĩa - địa Hyeres không ai nhìn nhận. Người vợ « cứng » thuờ nào, cũng biến đầu mắt. Bận bè trong giới xi-nê

cũng như trong giới ca-kịch, không ai đến chôn giùm cho chàng. Quan tài gởi nơi nhà phước đã 3 tháng rồi. Quá hạn ấy, nếu không có ai đến chôn, thì linh-cửu của nhà "Tài-tử lừng danh" một thuở, sẽ bị vùi lấp trong hố công-cộng!

Nào ai là những cô gái "mê" HENRI GARAT đạo nọ, sao không ra tay tế-độ cho linh-hồn của chàng đỡ ngậm-ngùi nơi chín suối?

✱ Ông Linh - mục viết tiểu thuyết.

Ông Linh-mục ở nhà thờ Tusson, tỉnh Charente (Pháp) muốn mở một trường-học cho trẻ em trong vùng, nhưng ông không có tiền. ông viết thư xin tiền các cơ-quan hành-chánh và tư-nhân, nhưng không ai cho.

Buồn lòng, ông viết tiểu-thuyết. Quyền tiểu-thuyết của ông,

vừa xuất-bản xong, tiền bản-quyền đủ cho ông xây cất nhà trường theo ý muốn. Xây cất xong nhà trường, chắc là phải sắm bàn ghế chứ! Không biết Linh mục sẽ viết quyền tiểu thuyết nào nữa không?

✱ Lá cờ của Công chúa, dùng làm dẻ lau chén.

Sir JOHN HOJE, Tổng-trưởng Lao-động của nước Anh định đem bán các lá cờ thêu hai chữ M, và A, treo trên các đường phố London trong dịp lễ cưới của Công chúa Margaret với chàng chụp hình Armstrong Jones.

Chính phủ Anh trù tính rằng đem bán những lá cờ đã trở thành vô-dụng đó, để người ta dùng làm dẻ lau chén, thì thu lại được 4 triệu rưỡi quan trong số mấy triệu đã chi-phí trong đám cưới vừa rồi. Nếu Ba-Tèo viết báo ở nước Anh, thì Ba-Tèo sẽ đề-nghị bán lại cho Bà Công chúa để bà làm tá cho con! Thế là nhất cử lưỡng tiện!

✱ Cảnh - Sát của một nước Dân chủ thật sự.

Ông SHEPHERD KEMEDY, là Cảnh-Sát Trưởng Thủ-đô New-York của Huê Kỳ, vừa rồi vô ý đậu xe hơi tại một nơi đường-phố cấm đậu xe.

Một anh lính cảnh sát trông thấy, biên giấy phạt 15 mỹ kim. Đố các bạn biết anh lính này có bị ông Cảnh sát trưởng phạt

mấy ngày tù không?

— Không! Anh được thưởng chiếc mẽ day danh dự.

Đó, các thầy cảnh sát Việt-nam thấy chưa? Cảnh sát của xứ người ta là như vậy đó!

✱ « Lời thú tội vô danh »

Đó là tên một quyển sách làm xôn xao các giới văn nghệ và cả dư luận công chúng ở nước Bỉ và nước Pháp trong tháng vừa qua. Vì quyển sách rất hay, rất hấp dẫn, nhưng không có tên tác-giả. Cốt truyện tả cuộc tình duyên sôi nổi và có thật giữa một cô

nhạc sĩ Thụy-Điền với một nhà ngoại giao Ý. Sách bán chạy như tôm tươi, nhưng người ta hỏi với nhau: « Tác giả là ai? » Sau cùng, có tiếng xầm xì trong giới văn nghệ: « Tác giả là Bà SU-ZANNE LILAR, chính là vợ của ông Phó Thủ - Tướng nước Bỉ ». Đúng hay không? Các báo văn-nghệ đăng tên bà, bà không đính chánh, cũng không thú nhận. Và hiện giờ bà Suzanne Lilar đi du lịch bên Hy-Lạp. Người ta chỉ phỏng đoán thôi, dư-luận văn xôn xao, sách bán vẫn chạy rong-róc!..



✱ Thi văn đáp

Ông Bố hỏi cậu con trai đi thi về:

— Sao con, con thi văn đáp được không?

— Dạ thưa Ba, được ạ, con chắc đậu, Ba ơi. Con hên quá, gặp ông giám khảo từ-bi từ-tạ lắm.

— Sao con biết?

— Dạ thưa Ba, cứ mỗi lần ông hỏi con câu gì, con trả lời xong thì ông ngó lên trần nhà, ông kêu: « Trời Phật ơi! »

M.

Sách báo mới

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các tác-giả và các nhà xuất bản.

★ MẦM NON HỌC HỎI, của NGUYỄN - CHÍ - HIỀN.

Một tập thơ riêng cho học-sinh, mục-dịch hướng dẫn và huấn-luyện thiếu-nhi về đức, trí, thể dục—có thể dùng làm các bài học thuộc lòng trong các lớp tiểu học. Tác giả xuất bản, 18 Thành-Thái, An-giang (Long-xuyên).

★ HAI CÁNH HOA TÍM, Thơ của SONG - HỒ.

Mở đầu bằng 2 câu :

Thế kỷ hai mươi đau khổ quá nhiều

Tình yêu ! tình yêu ! Vô cùng cần thiết

Tập thơ này gồm trên vài chục bài đại khái như sau đây :

Ngày mai anh đón em ở Phú-nhận hay Chi-lăng

Chúng mình sẽ đi trên con đường Gia-định

Những con đường đầy bóng cây xanh

Hay những con đường Saigon đầy màu áo

Anh đưa em về anh không quên hôn em

v. v...

Nhà xuất bản Huyền-Trân, (không có địa chỉ) Saigon.

★ THẦN LIÊN THI TẬP (I) của THẦN LIÊN LÊ-VĂN-TẮT.

SÁCH BÁO MỚI

Thi đàn Sơn Hải Nguyệt Phong Vân, 145/3 Phan-văn-Vàng, Châu Đốc.

Tập thơ nhỏ, 10 bài, loại bát cú, tứ tuyệt, 10 trang, giá 10\$.
Nhà xuất bản Nguyễn-Đình-Vượng Saigon

★ BULLETINS MENSUELS N° 11 et 12, Avril et Mai 1960.

Của Hội Amitié France Việt-Nam. Paris.

Trong số 11, có bài thuyết trình của Ô. Phạm-ngọc-Toàn, giảng-viên Trường Đại-Học sinh ngữ, Paris, về đề tài : *Les étudiants Viet-namiens de jadis et leurs épouses, à travers les chansons populaires.*

Trong số 12, có bài *Historique du Carmel de Saigon* — Một bài của Ông Mai-Dung phê bình quyền « *Imagerie populaire du Vietnam* » của trường Bác Cổ Viễn-Đông.

★ GIẢNG VĂN lớp Đệ Ngũ của giáo-sư XUÂN - TUỐC và THẨM - THỆ - HÀ

Trích giảng những đoạn văn của Thẩm-Thệ-Hà, Hoàng-Đạo v.v
Nhà xuất bản SỐNG MỚI, Phạm ngũ Lão Saigon.

★ CÔNG LUẬN.

Đặc san ngày Sơn Thất 7-7-1960, chủ-trương biên tập : Thanh Sơn. Giá bán 50\$.

★ KHẢO LUẬN CUNG OÁN NGÂM KHÚC của NGUYỄN KHOA, Giáo sư.

nhà xuất bản Sống Mới.

Nghiên cứu thân thể Ôn như Hầu — khảo-luận toàn thề, v.v...

★ THẾ KỶ HAI MƯƠI

Tập san khảo luận văn nghệ. Có những bài của Thanh Lãng, Nguyễn văn Trung, Đình Hùng, Thái Tuấn, Tô thủy Yên, v.v...

Giám đốc : NGUYỄN CAO HÁCH. Chủ trương Biên Tập : NGUYỄN KHẮC HOẠCH.

★ TOÁN PHÁP

1) Lớp nhì 2) Lớp nhất, do LÊ THUẬN, VŨ-MẠNH-ĐƠN NGUYỄN DOÃN KHANH biên soạn.

Phương pháp sư phạm mới. giản dị và rõ ràng..

Nhà xuất bản THÁI DƯƠNG, 125/39 Ngô tùng Châu Saigon.

Ơ N T
H Ê Ô
T L R

Cũng thể thôi !

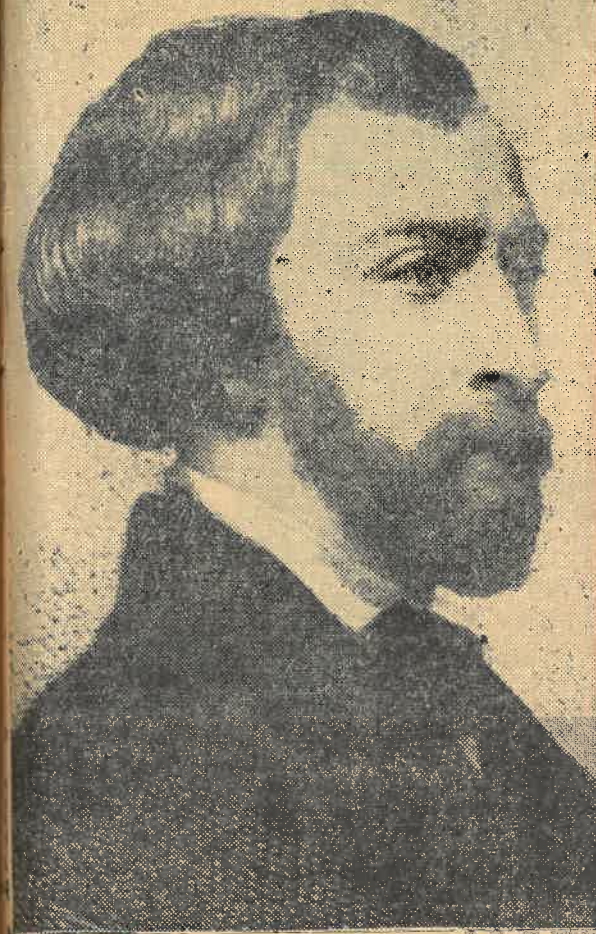
Lắm lúc tôi buồn tôi bảo tôi :
Nói làm chi nhỉ ? Phí lời thôi.
Kệ thầy thời-thể, thời là thể.
Trống ngược kèn xuôi, cũng thể thôi !

Tả-hữu xun-xoe, dở lắm rồi.
Cũng người xuống chó, kẻ lên voi !
Cũng phờng lòi-tói năm ba trụ
Múa mép rùm-beng, cũng thể thôi !

Bán lợi buồn danh, chật chờ trời,
Rộn ràng hôm sớm bóng ma-trời.
Say-sưa ngắt-ngheo ngày tan chợ
Phủ áo ra về, cũng thể thôi !

Cứ điếc, cứ câm, cứ mặc đời,
Mặc thời, mặc thể, để buông trôi.
Mặc người khôn dại, còn hay mất,
Ai mất còn ai còn, cũng thể thôi !

DIỆU HUYỀN



* TÂN PHONG

CUỘC
TÌNH
DUYÊN
SÔI
NỔI

của

Thi sĩ MUSSET

và Nữ-sĩ

GEORGE SAND



VENISE,
một trời thơ mộng,
hay một biển lệ ?

(Tiếp theo P. T. số 37)

TH Ế thì đi Venise !
George Sand nhảy nhót
vui mừng, ôm lấy người yêu
vào lòng. Mặc dầu nàng đã mệt
quá rồi, vì chuyến đi đường bộ
trên đất Ý thật là khó-nhọc,
khiến nàng đã uể-oải, muốn nóng
lạnh, nhưng được đi Venise với
Musset, nàng sung-sướng, nó
đùa như con nít. Musset lo đi
thuê một chiếc thuyền, và đem
hành lý xuống thuyền, sắp đặt
chỗ cho người yêu nằm nghỉ.
Thuyền trôi đến Venise, như
đang trở về nơi Thần-tiên mơ-
mộng. Đêm đã khuya, bỗng
George Sand đặt bàn tay dịu-
dàng lên bắp đùi của Musset,
và ngước mặt lên trời, âu-yếm
bảo chàng :

— Anh ơi, mặt trăng của
chúng ta kia kia !

Musset reo mừng :

— A há ! Mặt trăng của
Venise ra đến tận đây để đón
chào đôi ta !..

Xúc cảnh sinh tình, nhà Thơ
ôm riết người yêu vào lòng,
đề môi chàng lên môi nàng, gần
một nụ hôn dính chặt, một nụ
hôn say - mê, mênh - mộng, vô
cùng tận, như trời, mây, non,
nước...

George Sand dựa đầu vào
ngực chàng, đưa ngón tay chỉ
nơi xa xa :

— Kia Minh ! Dưới ánh
trăng vàng, lâu đài Saint Marc
đã hiện ra, rực-rỡ màu kim-
tuyến, với kiến-trúc mơ-huyền,
như một động Tiên, biển ảo
trong rừng mây !

Cặp tình-nhân Thi-sĩ Nữ-sĩ
có cảm-tưởng đang ngồi trong
chiếc thuyền mơ trôi về Đào-
nguyên, mà Trăng kia phải
chăng là vùng Trăng-mặt của
cuộc tình-duyên đang say-sưa
nảy-nở ?

Không bao lâu, thuyền cặp
bến Esclavons, ngay trước
khách sạn Albergo Reale Danicli,

Một khách sạn ? Không, một lâu đài mỹ-lệ như để dành riêng cho những cặp uyên-ương thơ mộng.

Hai người lên bờ, xách hành lý đi thẳng vào sân lâu. Bồi phòng đưa hai người lên từng lầu thứ nhất, nơi đây họ thuê hai căn phòng rộng, nối liền nhau, có hai cửa sổ hình bầu dục ngó ngay xuống sông. Mặc dầu thời-tiết đêm nay hơi lạnh, Musset và George Sand cùng mở toang bốn cánh cửa sổ để hít mùi thơm dịu-dàng và xanh biếc của Venise... Ở Paris, chàng chỉ tưởng - tượng mùi hương này trong Văn thơ của chàng mà thôi, đêm nay đây chàng với nàng tha-hồ hít lấy gió mờ đầy ngực, đầy tim, ngập tràn thi-tứ.

Hai người nằm lăn ra giường, ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau, tiếng thuyền chèo trên sông khiến Musset tỉnh dậy thật sớm. Nhà Thơ ra đứng cửa sổ, reo lên :

— Ô, Đẹp như giấc mộng đẹp nhất ! Này đây nước Ý, ta tìm kiếm mi từ thành phố Gênes mà vẫn chưa nắm lấy được mi ! Mi đẹp làm sao !

Chàng quay lại giường của George, gọi nàng :

— Em ơi, em ! Ra đây xem !

Nhưng George không trả lời. Nàng nóng lạnh, nằm trùm mền, run cầm cập. Musset đến gần, sờ tay lên trán nàng, trên ngực nàng, khẽ nói :

— Sao em nóng hực thế này ?

Thế là "giấc mộng đẹp nhất" bắt đầu biến thành cuộc chạy đi ra phố kiếm một bác-sĩ. Ở nơi đất khách quê người, chàng Thi-sĩ tài-hoa son trẻ, đã lừng danh ở nước Pháp, nhưng mới có 23 tuổi đầu, tự cảm thấy lo ngại vì bơ-vơ trơ trọi với người yêu đang ốm nặng ! Nàng, một Nữ-sĩ cũng tài-hoa nhưng đâu còn son-trẻ nữa, Nàng đã 30 tuổi, đã thạo đời hơn chàng, thạo cả về tình-yêu, như một người chị mà chàng có thể tin cậy được hoàn-toàn nơi xa lạ. Dè dặt, xui-xẻo, nàng ốm nằm liệt giường, chàng biết làm sao đây ? Chạy đi kiếm một bác-sĩ, nhưng biết ai mà kiếm ?

Musset đi ngo-ngác một hồi lâu, thấy một tấm bảng đề trước cổng một nhà Thầy thuốc : «Y SĨ PAGELLO». Chàng vào. Một lúc sau, chàng đưa Pagello

đến khách-sạn để xem mạch cho nàng...

Từ hôm đó, George Sand nằm luôn trong phòng, không đi chơi đâu được. Nàng đau nặng, Y-sĩ Pagello cứ phải đến ngày hai buổi để săn sóc thuốc men cho nàng.

Musset buồn, chán, quen tính lang - bang, ngồi mãi trong khách sạn chịu không được. Chàng cứ nói dối với người yêu :

— Anh đi đây một chút nhé.

George làm nũng :

— Anh không chờ em khỏi bệnh rồi đi chơi với em ư ?

Sự thật thì Musset cũng muốn như thế lắm, nhưng chàng bức-rức, ngồi không mãi bên cạnh một bệnh nhân cứ không-nhéo suốt ngày chàng chịu không được. Chàng muốn làm thơ, chàng có ý-định đi Venise để làm thơ, và chàng cảm thấy trong tâm hồn rào-rạc những ý thơ... Chàng lăm-bắm trả lời người yêu :

— Anh đi một vài tua cho biết thành-phố, rồi chừng em khỏi bệnh anh sẽ đưa em đi xem những nơi nào đẹp nhất...

Nói xong, chàng khoát áo ra

đi. Nhưng chàng nói dối với người yêu đấy, chứ chàng có đi đâu xa. Chàng chỉ loanh-quanh Công - trường Saint Marc, gần khách-sạn nhất, vào tiệm rượu quen, ngồi nhậu cho say rồi làm thơ một mình, như lúc ở Paris. Có khi chàng đi cả buổi, Dần dần chàng làm quen với mấy cô vũ-nữ dễ-dãi, chàng biết chút ít tiếng Ý đủ nói vài ba câu chuyện tâm tình vụn-vặt, mấy cô nàng cũng biết chút ít tiếng Pháp đủ trao lại món quà làm duyên với khách mả-thượng hào-hoa của Paris nghìn năm Văn - vật. Chàng lại tiếp - tục sống cuộc đời phiêu - lưu lang - mạn ở đất khách như ở quê nhà và cũng tưởng rằng George sẽ chóng lành bệnh rồi sẽ cùng chàng lang thang đây đó.

Chàng ngày thơ thực-thà quá lễ, có ngờ đâu nàng giận dữ, nàng ghen, nàng khóc-lóc, than-thở cùng chàng :

— Anh đi theo mấy con vũ-nữ ở Venise, anh bỏ em nằm chèo-queo ở khách sạn, như thế mà anh bảo anh yêu em ?

Chàng hối hận, ôm hai tay nàng, hôn say-mê rồi thề-thốt :

— Anh yêu em, George ! Anh yêu em..., em đừng ghen nhé ! Anh xin thề với em rằng hôm nay anh ở nhà với em..., anh nằm với em... George ! ... George ! ... George yêu quý ! ...

Nàng lại hết giận. Hai người lại yêu nhau nhiều, thật nhiều. Chàng đọc mấy bài thơ chàng mới làm cho nàng nghe. Nàng sung-sướng lắm, nắm chặt lấy bàn tay Musset, âu yếm nhìn chàng : « Thi sĩ của em ! » Nhưng được vài ngày « Thi sĩ của em » lại bỏ đi lang-thang. George Sand tức giận, nhất định lần này đoạn tuyệt.

Nói thế, chứ khi Musset về khách-sạn, trông thấy mặt chàng là nàng dịu lại ngay, chỉ giận-dỗi một lúc rồi chàng xin lỗi, chàng hối hận, nàng lại yêu chàng, và yêu nhiều hơn nữa. Và lại George Sand đã hết bệnh rồi, Nàng và chàng dắt nhau đi viếng cảnh Venise thơ-mộng...

Đi chơi bằng xe, bằng ngựa, bằng thuyền, đi khắp đó đây, thăm viếng cả các hòn cù lao xinh-xắn như những viên ngọc-bích biến đổi muôn màu. Chiều nào đôi tình-nhân cũng ghé vào tiệm café Florian, ngồi đây hàng giờ uống rượu và trò

chuyện thân-mật với nhau về những cuộc du-ngoạn mỗi ngày. Musset ghi chép trong quyển sổ con của chàng đầy rẫy những nhận xét mới lạ và những ý thơ nảy ra trong lúc đi chơi với nàng. Cuộc tình duyên cứ kéo dài mãi được như thế này thì êm đẹp biết bao !

Nhưng rồi, nàng và chàng cũng không tránh khỏi cái lộn nhau. Tại vì chàng không biết cách cưng người yêu hay không-nhẽo, tại vì nàng là một nữ-sĩ lãng-mạn, rất đa-cảm, đa sầu, chỉ muốn chàng săn-sóc mình như đứa con nít ốm-ấp. con pu-pê đêm ngày không ngớt. Chàng thì tuy nhỏ hơn nàng 7 tuổi, nhưng tính-tình vẫn bẻ bỏi, đa cảm đa sầu nhưng không quen chịu-chuộng người đàn-bà có trái tim mỏng-mảnh...

George giận-dỗi, bỏ đi chơi một mình. Lại tới phiên Musset nóng lạnh, trùu mền nằm trên giường, khô cổ, đắng miệng, cặp mắt lừ-ừ, không còn gì thơ-mộng nữa. George hoảng-sợ vội-vàng chạy đi mời Pagello, người y-sĩ đã chữa cho nàng hết bệnh.

★ Chàng thấy gì trong mặt kiến tử đó ?

Pagello là một y-sĩ lớn tuổi hơn Musset, nhưng cũng còn nhỏ tuổi hơn George Sand. Y chẳng biết làm thơ như chàng, chẳng biết viết văn như nàng, nhưng được cái tài nói phét, tán hươu tán vượn không ai bằng. Kể ra, y đã đến chữa bệnh cho Nữ-sĩ khá lâu, đã quen nhau lắm rồi, nhưng vẫn không thân nhau mấy. George vẫn yêu Musset mặc dầu chàng chưa biết yêu hoàn toàn cho nàng được đầy đủ hạnh-phúc. Nàng vẫn coi Pagello như một người lạ, không đáng cho nàng để ý đến.

Nhưng lần này, Pagello lần mò bước vào trong tim nàng ngay giữa lúc Musset và nàng đang cắn-cắn, gần như đoạn tuyệt. Tuy nhiên, Pagello cố hết sức quyến rũ nàng, nhưng nàng và Pagello vẫn cùng nhau săn-sóc Musset rất chu-đáo, và một đêm buồn về cuộc tình duyên dang-dở của nàng và Musset, nàng có viết về cho Buloz, chủ-nhiệm tạp chí « La Revue des deux Mondes » ở Paris một bức thư tâm sự, trong đó

có câu :

« Tôi tuyệt vọng rồi, ông bạn à. Tôi mệt đừ người, đau-đớn gớm ghê, và tự tôi chẳng biết tôi đang chờ-đợi tương-lai sẽ đến như thế nào đây ? »

Nàng ngó Pagello : rất tận-tụy săn sóc cho chàng, cũng như cho nàng. Y giàu, và có phong-độ huyền-bí của một kẻ ngoại-quốc, hấp-dẫn hơn một người đồng xứ-sở...

Phòng của Musset ngó ngay ra một phòng khách có cửa thông-thương qua phòng của George. Nơi phòng khách này, có kê một ghế phò-tôi và một ghế đầu. Trong thời-gian Musset ốm, Pagello và George ngồi nơi phòng khách này để nom chừng Musset. Ngày nào, đêm nào, cũng có hai người ngồi túc-trực trên hai chiếc ghế ở phòng khách, vì Musset ốm nặng. Do sự gần gũi liên tiếp ấy, và Pagello tấn công riết, George hình như đã bị xiêu lòng. Trong quyển sổ nhật-ký của George, nữ-sĩ chép rằng lúc đầu nàng cự tuyệt, nhưng dần dần nàng

cảm thấy lòng mềm yếu, rồi sau cùng nàng không có sức chống-cự nữa.

Một buổi chiều, Musset đang ngủ mê bỗng sức tỉnh giấc, nhưng chàng nằm yên, vô tình ngó vào mặt kiến của chiếc tủ treo áo trong phòng chàng. Chàng trông thấy một cảnh tượng không ngờ từ ngoài phòng khách chiếu vào mặt kiến tủ : Pagello ngồi ghế pho-tôi, ôm George Sand vào lòng, và đề môi lên môi nàng. Musset yên tĩnh nhìn trong kiến : một lúc lâu hai người mới buông ra, và âu yếm ngó nhau cười tình. Họ tưởng Musset không trông thấy, vì Musset nằm quay lưng ra cửa phòng khách.

Musset nhắm riết mắt lại, để

đừng nhìn thấy nữa. Nhưng tối hôm ấy, chàng hỏi George-Nàng đành phải thú nhận :

— Vâng, em đã yêu Pagello.

Musset khóc nức-nở, rồi bảo :

— Thôi, ngày mai anh trở về Paris một mình. Em cứ ở lại với Pagello. Có lẽ lỗi tại anh. Anh cầu chúc cho em được đầy đủ hạnh-phúc với người yêu mới.

Hôm sau, Musset xách va-li về Pháp.

(Còn tiếp)

KỲ SAU : Cuộc dứt tình Musset — George Sand làm sôi nổi dư luận các giới văn nghệ Paris.

TÂN . PHONG



Đã phát hành

Văn-Hóa Nguyệt-San số 51

Nội - dung phong - phú

Đầy 176 trang, giá 12\$



Mình Ồi !

HOA HỒNG

trong Văn-chương
và Lịch - sử

MINH Ơi, sao em yêu cái miệng của mình quá ...

Ông Tú mỉm cười:

— Anh cảm ơn em, nhưng anh biết rồi, em nịnh anh chắc là đề hỏi anh về những vấn đề ba lằng nhằng gì đó, phải không?

Bà Tú lắc đầu, cười:

— Không! Hôm nay em không định « phỏng vấn » Minh gì đâu. Hôm nọ bác sĩ đã dặn em: « Anh mệt, chớ đừng có « Minh Ơi » Minh Ơi gì nữa, để anh nghỉ một tháng, nghe chớ? » Bác sĩ đã bảo thế...

— Thế sao hôm nay tự nhiên Minh lại yêu cái miệng anh?

— Tại miệng Minh có duyên lắm, lúc nào em cũng yêu.

— Duyên, hay nợ? Em biết không, hồi anh mới được một tuổi, Thầy Mẹ cũng thôi nói cho anh, Thầy ấm anh đứng trước bàn thờ Bà Mẹ, anh không biết là Thầy khấn vái với Bà Mẹ những gì nhưng rồi anh thấy Thầy cầm một cành hoa hồng trắng mới hái ngoài vườn, thật là thơm, nhúng hoa vào chén nước lạnh trong veo, rồi đưa hoa lên quệt qua quệt lại trên miệng anh hai lần. Xong rồi Thầy đặt anh ngồi xuống chiếc chiếu trước bàn thờ Bà Mẹ, trên chiếu đã để đủ thứ đồ, để coi anh bốc món gì: một

năm xôi, một cây bút, một đồng bạc, một cục đất, một cái cân, một cái búa, và một hoa hồng. Đó em biết anh bốc món gì?

— Cục xôi?

— Không, anh chụp lấy Hoa hồng... và cây bút! Anh ngu quá, giá hồi đó anh vớ lấy đồng bạc thì có phải bây giờ anh giàu không!

Tại hồi đó anh chọn cây bút cho nên bây giờ anh mới khổ vì ngòi bút. Nhưng anh không hiểu anh còn nhặt hoa hồng làm chi thế?

— Đúng lắm đấy, mười-hai Bà Mẹ đã xui mình lựa đồa hoa hồng, cho nên đời mình đã vướng biết bao nhiêu với đời hồng-nhan.

— Duyên có phải là nợ không? Tiếc vì hoa hồng có gai, và thỉnh-thoảng, trước kia, anh cũng đã bị gai hồng quàu rớm máu trên ~~lớp da~~ của đời anh.

— Hồng nào hồng chẳng có gai, hờ Minh!

— Cũng may là gai hồng không có gì nguy-hại. Chứ nếu gai nó như gai xương-rồng thì hoa hồng còn thơm-tho sao được nữa! Dẫu nó có gai, nhưng nó vẫn là hoa hồng.

— Em cho rằng hoa hồng có gai thì hoa hồng mới quý. Minh

MINH ƠI!

xem, một cành hoa mẫu-đơn, hay hoa huệ, hoa lay-đơn, bàn tay nào bẻ cũng được cả và bẻ cách nào cũng được. Chứ hoa Hồng, bởi nó có gai nên muốn rờ đến nó, phải thận trọng, chỉ những ngón tay nào biết tăng tiu nó mới rờ đến nó. Vì thế nên hoa hồng quý hơn tất cả các giống hoa.

— Thi-sĩ Pháp, AGRIPPA D'AUBIGNÉ (1552-1630) có câu thơ về hoa hồng mùa thu:

Une rose d'automne est plus qu'une autre exquise.

(Một hoa hồng mùa thu
Thơm ngát hơn bao nhiêu hoa hồng).

Ông viết câu thơ ấy trong lúc ông đã 70 tuổi, còn yêu và cưới một thiếu-phụ 40 tuổi, rất đẹp và quý-phái, nàng là « hoa hồng mùa thu » của Thi-sĩ. Bà cũng say-mê văn-tài của ông.

Còn Thi-sĩ LAMARTINE (1790-1869) chỉ sợ hoa hồng chóng tàn-tạ, vội-vàng viết, trong tập thơ *Méditations*:

Cueillons, cueillons la rose au matin de la vie.

(Ta nên hái, nên hái hoa hồng
Lúc đời ta còn sáng lạn vui tươi)

Bởi hoa hồng chỉ thơm-tươi một buổi sáng thôi, nên nhà THOMALHERBE (1555 - 1628) khóc cô con-gái của bạn chết đương tuổi hoa-niên:

Et rose, elle a vécu ce que vivent les roses,

L'espace d'un matin.

(Khách má-hồng như hoa-hồng
duyên dáng,

Đời thăm tươi một buổi sáng
hồng thôi!)

Nhân câu thơ bất-hủ này, người ta nói rằng nguyên văn của Thi-sĩ Malherbe không phải là *Rose, elle a vécu...* mà: *Rosette a vécu...*

(Rosette chính là tên cô con gái của bạn) Nhưng anh thợ sắp chữ, sắp lộn chữ *Rosette* thành ra *Rose, elle...* Đến khi Malherbe sửa bài, thấy chữ sắp lộn của anh thợ nhà in lại còn hay hơn, ý - nghĩa thâm-trầm hơn nguyên văn của mình, nên nhà Thơ cứ để y như thợ sắp! Thì ra anh thợ sắp chữ đã vô-tình sửa câu thơ của thi-sĩ, trội hẳn lên!

— Em nghe những câu thơ Minh vừa đọc về hoa Hồng, hay quá, Minh à.

— Nhưng em đừng tưởng ai cũng yêu hoa hồng, ca ngợi hoa hồng.

— Chứ ai mà ghét hoa hồng !

— Có chứ. Nhà Triết-học trứ danh của nước Anh, là FRANÇOIS BACON (1561-1626) không bao giờ chịu được mùi thơm của hoa hồng. Ông ấy đổ kị với hoa hồng đến nỗi một hôm ông đi dự tiệc nhà một người bạn, vô tình người ấy sắp chỗ cho ông ngồi ngay trước một bình hoa hồng, ông té xỉu xuống đất, mặt mũi xanh dờn ! Người ta phải bung lọ hoa hồng cất đi nơi khác.

— Cái ông Triết-học ấy thật là lạ !... À, Minh nè, sao thơ Tàu và thơ Việt ít có nói đến hoa hồng nhỉ ?

— Anh cũng không hiểu sao. Có lẽ tại vì người Tàu thích các loại hoa khác như Mầu - đơn, Quỳnh - hoa, Sen, Lan, Cúc, Huệ... Một lẽ nữa là bên Tàu không có hoa hồng nhiều, chỉ có hoa tường vi mọc nơi bụi bờ, không thơm và không đẹp.

— Hoa hồng ở đâu có nhiều ?

— Ở Ấn-độ. Cứ xem như một dãy núi Hy-ma-lay-da, phía

sườn núi bên Tàu thì không có hồng, mà phía sườn bên Ấn-độ, hồng mọc cả trên cao 4.500 thước. Ở Tây-Tạng, núi cao 5.200 thước vẫn có hoa hồng mọc, rất thơm và đẹp vô cùng. Chính hoa hồng Ấn-độ, và Cachemir, được bứng về trồng trước tiên ở Ba-Tư và A-ra-bi. Tại Babylone, hồng Ấn độ chịu khí-hậu, nên nảy nở tốt đẹp phi-thường. Sau đó, người Tuyếc-ki, Hy-Lạp, Ai-Cập, sang buôn bán bên A-ra-bi mới xin giống đem về xứ. Nhà Văn-sĩ La-Mã CAÏUS PLIN (23-79 sau J.C.) đi du-lịch sang Hy-lạp, trông thấy mấy vườn hoa hồng đẹp quá, ông xem mê, rồi mua mấy cây đem về La-Mã trồng. Từ đó, hoa hồng được truyền sang Pháp, Đức, Anh, Espagne. Ai cũng biết CHARLEMAGNE, Hoàng - Đế Tây - Âu (742-814), mê hoa hồng đến nỗi ông bắt buộc các thành phố, các công sở phải trồng nó. Hiện nay có một cây hoa hồng lạ nhất, lúc mới trồng nơi khe tường nhà thờ HILDESHEIM, ở tỉnh Hanovre, nước Đức, hồi thời Charlemagne, mãi đến nay vẫn còn sống. Nó cao 11 thước và cái tàn che rộng ra 10 thước. Rể

của nó ăn chẳng chịt cả một khu vườn từ hơn 1000 năm nay ! Hoa hồng được người Âu-châu yêu quý, nâng niu, và lần đầu tiên trong văn học Pháp, năm 1235, hai tập thơ tình cảm ra đời tựa là "Le Roman de la Rose" (Tiểu thuyết Hoa Hồng) quyền thứ nhất do nhà Thơ GUILLAU-ME DE LORRIS gồm 4058 câu thơ, có nhiều câu thật hay. Tác giả tự cho mình là một chàng đa tình gặp một người yêu tượng trưng là Hoa Hồng, Tập thơ kể lại cuộc tình duyên rất sôi nổi. Quyền thứ nhì do nhà Thơ JEAN DE MEUNG viết, — 18.722 câu thơ — khác hẳn với quyền nhất, vì chứa đựng triết lý xã hội nhiều hơn, viết năm 1265, xuất bản năm 1270, nhưng cũng rất hấp dẫn như quyền trên. Bộ sách vĩ đại này đến năm 1527, nghĩa là gần 300 năm sau, còn in lại lần thứ nhì, năm 1735 in lại lần thứ ba, năm 1924 in lại lần thứ tư, thành 5 quyền trọn bộ xuất bản tại Paris.

Nhóm Tao-dân PLÉIADE hồi thời Renaissance, Thế-kỷ XVI, cũng theo phong-trào ca-ngợi hoa Hồng, và Thi-bá của nhóm ấy là RONSARD (1524-1585) đã viết trong tập thơ tuyệt

bút của ông những câu này mà ngày nay chúng ta cũng còn thích ngâm-ngả mãi :

*Mignonne, allons voir si la rose
Qui, ce matin, avait déclose
Sa robe de pourpre au soleil . . .*

*(Em ơi, đôi ta ra vườn
Sáng nay xem thử hoa hường
nở chưa,*

*Hoa hường đã cỗi, say-sưa,
Chiếc áo màu đỏ thắm tươi mặt
trời.)*

Hoa-Hồng truyền sang nước Anh, lại vô tình gây ra một trận chiến tranh kéo dài 30 năm ! Vì yêu hoa hồng nên hai chi phái của Anh-Hoàng là YORK và LANCASTRE lấy biểu hiệu là "Hoa-Hồng Trắng" và "Hoa-Hồng Đỏ". Nhưng họ lại tranh dành ngôi vua, cũng như Chúa Trịnh Chúa Nguyễn, và giải-quyết hơn thua bằng một trận giặc tên là « GIẶC HAI HOA HỒNG » (Guerre des Deux Roses) từ 1455 đến 1485.

Sau cùng, phe Hoa-Hồng Đỏ thắng thế. Hôm nào rồi, anh sẽ kể hết cho em nghe giai - đoạn lịch - sử này của nước Anh có nhiều tình-tiết, thú-vị lắm, Vua nước Anh GEORGE III thế-kỷ XVIII, cũng yêu hoa

hồng lắm, do nhà Bác - học KERR sang Ấn - độ xin về 126 cây, năm 1789. Nhưng lúc bấy giờ tàu-bè đi chậm, từ Ấn-độ về Anh-quốc phải mất 6 tháng, cho nên dọc đường chết hết 119 cây, chỉ còn đem về cho Vua được 7 cây. Vua George III mừng quýnh, tự tay ngày đêm trồng trong vườn thượng-uyên ở Buckingham Palace. Sợ ai bứng trộm, Ngài phải truyền lệnh đề một anh lính Ngự-lâm-quân nai-nịt súng ống ngày đêm canh gát riêng 7 cây hoa - hồng. 12 năm sau, vườn hoa-hồng của nhà Vua được 100 cây, là những cây hoa hồng đẹp nhất và quý nhất của Anh-quốc. Trong tập nhật-ký của Vua George III, nhà vua có chép : « Mỗi khi ta lo-lấn về quốc-sự, ta rảo bước trong vườn hoa hồng, tự nhiên mùi hoa thơm ngát làm tiêu tan những nỗi lo-âu , ... » Sẵn nói đến vườn hoa hồng của George III, anh kể em nghe câu chuyện này cũng không kém phần lý thú. Nhà vua đề ý thấy có một thời - gian nhiều hoa hồng của Ngài mất hẳn màu hồng và trở nên tím nhạt, hoặc chỉ hồng ở quanh bờ hoa còn ở giữa cánh hoa thì phai trắng. Nhà vua hỏi các nhà thực

vật học nguyên do vì sao. Nhà bác học Kerr là người đã sang Ấn-độ xin hoa hồng về, suy nghĩ một lúc rồi đáp : « Tàu Hoàng-thượng, tôi thấy bên Ấn-độ có thờ một vị Chúa tên là Bu-Đa (Phật). Những hoa hồng trồng đề thờ Bu-Đa thì buổi sáng màu hoa trắng, buổi chiều màu trắng đổi ra màu hồng. Có lẽ hoa hồng đem về xứ ta, vẫn còn chịu ảnh hưởng thiêng liêng của Bu-Đa nên nó mới đổi màu như thế đấy. Theo thiên ý của hạ thần, thì nếu muốn vườn hoa hồng này còn sống, và còn tươi tốt mãi, có lẽ nên sang Ấn - độ rước một tượng Phật Bu-Đa về đặt trong vườn... Nếu không, tôi sợ hoa hồng sẽ dần dần đổi màu, và không còn thơm ngát nữa ».

Vua George III cười xòa, không tin. Nhưng sau đó, chính một người lính gát của vườn Hoa hồng tâu cho Vua biết rằng anh ta đề ý thấy có mấy con ong hút mật trên các hoa khác rồi sang đậu trên những hoa hồng : sự thay đổi nhụy hoa có lẽ là nguyên do của sự đổi màu sắc hoa hồng. Vua tin như thế. Hiện tượng khoa học ấy, ngày nay các nhà

bác học gọi là *Hybridation naturelle* (gây giống tự nhiên).

Hoàng hậu JOSÉPHINE, vợ Vua Napoléon Ier, cũng yêu hoa hồng lắm. Từ ngày bị Hoàng đế ly dị, bà chỉ lo săn sóc vườn hoa hồng rất quý của bà tại Malmaison. Vừa rồi bên Mỹ đã dùng khoa học gây được một loại hồng mới rất đẹp và rất thơm. Họ đặt tên loại này là « hoa hồng Marie Curie » để tỏ lòng chiêm ngưỡng nhà Nữ Bác học Pháp. Loại hồng này màu đỏ tươi như màu hoa phượng vĩ ở nước ta.

Nói về Lịch sử liên quan đến hoa hồng, chúng ta không nên quên sự tích giường trải hoa hồng của bọn triệu phú Sybarites. Sybarites là một giống người Hy-Lạp thời thượng cổ sang lập riêng một thành phố buôn bán ở phía Nam nước Ý, gọi là Sybaris, 720 năm trước J.C. Bọn này nhờ thương mãi mà trở nên giàu có và chủ trương ăn rồi ngủ, không làm việc gì khác. Muốn ngủ ngon giấc, họ mua hoa hồng của Ấn-độ về gỡ từng cánh hoa trải trên

giường nằm cho êm và cho thơm.

Vị Chúa tể của họ một đêm không ngủ được, sáng dậy bảo với bạn bè rằng tại vì có một cánh hoa hồng bị gấp đôi, nên cộm dưới lưng, y nằm ngủ không yên. Sự tích này ngày nay các nhà trí thức còn nhắc đến, cùng một ý nghĩa mỉa mai như câu tục ngữ của ta « nhà giàu đứt tay ». Lại còn chuyện của GUATIMOZIN (1497-1522) Vua của nước Mexique, bị quân Êt-pa-nhôn của Đại-tướng Cortez đánh bại và bị bắt. Cortez biết Vua này có một kho vàng giấu kín một nơi nào đó, bèn hỏi, nhưng Vua không khai. Cortez bắt Vua và vị cận thần nằm trên một lớp than nóng để tra khảo. Vua nhất định không nói. Nhưng kẻ cận thần chịu đau không nổi, mới van lơn nhà Vua : « Tôi nằm trên giường than lửa nóng quá chịu không được, ngài cho phép tôi khai đi thôi ! » Vua Guatimozin tức giận trả lời :

— Còn ta, ta được nằm trên giường hoa hồng sao ?

Câu nói ý vị này được chép lại trong lịch-sử, và ngày nay người ta cũng hay nhắc đến và dùng trong những trường-hợp tương-dương. Trong cơn nguy-biến, loạn-lạc, chiến-tranh, ai mà nằm trên nệm hoa hồng được chứ ! Và trong khi mọi tầng lớp xã-hội đều phải lo làm lụng để sống, để xây dựng, để tiến-bộ, vẫn có những kẻ thanh-niên sống cuộc đời biếng nhác, chỉ nằm dài trên nệm hoa hồng !

— Trong Văn-học Quốc-tế, còn nhà thơ nào nói về hoa hồng nữa không, hả Minh ?

— Nhà Thơ HOMÈRE, Thi hào xưa nhất và lừng danh nhất của Hy Lạp và của Thế-giới, 900 năm trước J.C. đã tả cảnh bình minh bằng một chữ "Rhododactulos"

— Nghĩa là ?...

— Là Những ngón tay hoa hồng ... Và ở Việt-Nam, trong Chiến-khu Việt-Bắc, ngày 16-3-1951, nhà Thơ PHAN-KHÔI làm bài thơ "Hồng-Gai" như sau đây :

Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng dật
không hoa.

Là hồng thì phải có hoa,
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi ?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi !
Có gai mà cũng có mùi hương
thơm !

Theo tác giả thì Bài thơ ngụ ý so sánh kháng-chiến như hoa Hồng, mà Việt-minh như gai vậy.

— Còn Văn-thơ gì về Hoa Hồng nữa không, Minh ?

— Còn chứ, nhưng bấy nhiêu bài cũng đủ để em càng yêu Hoa-Hồng hơn.

— Không, em chỉ yêu cái miệng của Minh. Cái miệng của Minh còn đẹp hơn Hoa-Hồng nhiều.

— Cảm ơn em, nhưng em nịnh anh vừa, vừa chứ !

Diệu Huyền

Tặng Hồng - Tuyển NỮ NHẠC - SĨ DƯƠNG - CẨM

(Kỷ niệm buổi trình diễn tại nhà hát Lê Lợi - HUẾ)

Dáng hình ai tha thướt
Trong chiếc áo màu xanh.
Tiếng đàn ai là lướt,
Dịu dặt lúc đêm thanh...
Nghe như chớm mộng hồn trinh nữ,
Một sớm đầu thu gió gọi tình.



Đôi bàn tay thon nhỏ
Lướt trên dây phím ngà.
Dưới ánh đèn sáng tỏ,
Nghe gợn gợn âm ba

Tâm tư lắng gởi trong hồn nhạc,
Mộng tưởng theo về tận nẻo xa...



Tiếng tơ reo róc rách,
Như mạch suối ngàn tuôn.
Lúc âm thầm rả rích,
Như những giọt mưa buồn !
Du dương khúc nhạc khi trầm bổng,
Âm hưởng lan xa mấy dặm đường...

HUẾ ngày 23-6-1960
TÔN NỮ HỖ - KHƯƠNG



cụ PHAN-KHÔI

Sáng thứ bảy 9-7-1960, lễ truy niệm cụ Phan-Khôi đã được cử hành rất trọng thể tại phòng Khánh tiết tòa Đô-sảnh Saigon, hồi 9 giờ. Với sự hiện-diện của các ông Bộ trưởng Bộ Thông-tin, Bộ Giáo dục, Bộ Tư-pháp... Ông Phó Chủ tịch Quốc-hội, ông Viện-trưởng Viện Đại-học Saigon, ông Đô-trưởng cùng số đông quan khách, sinh viên Đại học và công chúng chật ních cả phòng.

Sau nghi thức thường lệ, Ông Nguyễn Trác, Chủ-tịch Ủy ban Trung ương chống chính sách nô-dịch Văn-hóa và đàn áp Văn-ngệ sĩ, Trí-thức, Sinh viên tại miền Bắc, đọc diễn văn tuyên-bố lý-do.

Tiếp theo, ba diễn-giả là ông Nguyễn-Vỹ, nhà thơ, Phú-Đức, nhà văn, Trần đình Băng, giáo sư, trình bày về :

— Thân-thể và sự-nghiệp của cụ Phan-Khôi.

— Đời ký-giả của cụ Phan-Khôi tại miền Nam.

— Những ngày cuối cùng của cụ Phan-Khôi.

Điều khiến chúng ta chú ý là diễn giả đã nêu lên cho chúng ta rõ vấn-đề Tự-do Tư tưởng là một vấn-đề trọng yếu đối với cuộc đời và sự-nghiệp của Phan Khôi, dù dưới một chính-sách hà khắc, của đảng trị độc tài vẫn không làm sao kềm hãm, bóp chẹt tư tưởng của Con Người — nói chung, Phan Khôi

cùng nhóm Văn nghệ sĩ, trí thức, sinh viên trong vụ án Nhân Văn giai phẩm tại miền Bắc — nói riêng.

Và cũng vì không chịu được chế độ độc tài của Việt Cộng tại miền Bắc nên Phan Khôi đã viết :

«Mới đây, trước ngày 20-7, nhà báo Tổ Quốc viết thư cậy tôi viết một bài «Viết một bài về chuyện miền Nam» như thế là đã ra đề cho tôi «làm bài» đó. Trong thư, ông Đại chủ bút còn «dàn bài» sẵn cho tôi nữa, như là «yêu cầu» thế này «mục đích» thế nọ... Tôi lấy làm đau xót quá... bèn kiếm cách từ chối, Cụ Đồ Chiểu ơi ! Cụ Đồ Chiểu ! Ở thời cụ, cụ đã kêu :

• Ở đây nào phải trường thi,
Ra đề, hạn vận, một khi bước rành !»

«Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, hạn chữ cho tôi nữa đó, cụ ơi !... Cụ ơi ! Tôi còn là tôi đâu nữa, cụ ơi !»...

Sau cùng là phút tưởng niệm đến người quá cố, và bà Phan thị Lục, Chi của ông Phan Khôi lên ngỏ lời cảm ơn quý vị quan khách và Ủy ban tổ chức lễ truy niệm này.

Buổi lễ chấm dứt trong một bầu không khí cảm động và thương xót của mọi người đối với nhà văn Phan Khôi.

NGUYỄN-MINH



Truyện dài của cô VÂN NGÀ
(Tiếp theo P.T. số 36)

— Tôi không ngờ Thanh lại hèn yếu như vậy. Anh ấy có nhẫn gi tôi chăng ?

Tùng gật đầu, đáp :

— Khi tôi từ già. Thanh có tiễn đưa một khúc đường và gói lời về nhẫn cùng chị là... đừng nên nhớ đến cái hận năm xưa nữa !

— Sao ? Anh ấy nói thật vậy à ?

— Phải, anh bảo chị nên lo nghĩ đến tương lai của chị đi, đừng trông đợi anh nữa mà làm gì vô ích.

— Trời !.. Thanh tệ vậy

được sao ?

Tôi nhìn sững vào Tùng, nước mắt tuông ra đầm mặt mà không biết. Tất cả dường như đang đổ sụp chung quanh tôi. Tâm hồn và thể xác tôi bị dật dờ bấy lâu, nhút là trong những ngày đau khổ vừa rồi, bỗng chết hẳn đi theo cái tin sét đánh nọ. Tôi không còn biết tôi ngồi lặng thình như vậy đến bao lâu ; nhưng khi xuống xuống trở về chợ Thác lác, tôi nằm phục trong bụi, ôm mặt khóc nức nở không thôi.

Bảy năm chờ đợi !.. Thời gian ấy dài đằng đẵng làm sao, để rồi mang lấy sự tuyệt vọng vô bờ bến !.. Tôi nhớ lại bao nhiêu thương nhớ mặn nồng, bao nhiêu trông chờ chán nản, bao nhiêu cô quạnh hững hờ mà tôi đã cam lòng chịu đựng bấy lâu thật là vô ích, và những kỷ niệm cũ tôi đã ấp ôm trong mơ tưởng, giờ đây, chỉ là trong giấc mộng phù du ! Thà là Thanh mệnh hệ gì, sự đau khổ của tôi có lẽ còn có phần an ủi. Đằng này chàng phụ bạc, khinh rẻ tôi ! Trời ơi ! Chàng đã có năm bảy con với người bạn chung tình nào đó mà chẳng nhẫn bảo cho tôi một điều.. Để đến ngày nay tôi mới được biết, do

một người bạn thương tình kể lại cho nghe, chứ chàng cũng không một hàng chữ nào để cất nghĩa sự lỗi nguyên của chàng.

Tôi bị phụ tình !... Tôi bị lừa gạt một cách uất hận do người mà tôi không ghét yêu với tất cả tâm hồn. Thanh nữ nào tàn nhẫn với tôi như vậy ?

Xuống đưa chúng tôi đến chợ Thác-lác vào lúc trời xế dài. Quan bảo tôi lên ở tạm nơi nhà người bà con của chàng, chờ chàng đi chút việc công trong giấy lát, rồi sẽ cùng về. Khi ấy, chợ không còn nhóm đêm nữa vì bị phi cơ Pháp bắn phá gât gao, tôi không thể nào tìm đồ khác để quá giang trở về. Nhà nọ lại quá vắng vẻ, người chồng bận đi dân công, còn vợ thì buồn bán xa.

Trời tối mãi, Quan chưa thấy về. Đưa em thứ bảy, tôi dẫn đi theo, đã ngủ mòn trên bộ ván nơi gian nhà rộng mênh mông trong ánh đèn dầu leo lét. Tôi đi tìm người trạo phu của Quan, song thấy xuống buộc nơi bến, vắng tanh.

Tôi chờ đợi mãi mỗi mòn, cảnh nhà vắng, để kêu rĩ rả trong cánh trường lại càng

làm cho tôi tủi lòng, nghĩ ngợi viễn vông. Ý tưởng quỳen sanh đến với tôi mấy lần, và tôi gât bỏ đi ngay khi nghĩ rằng chết như vậy là đại. Tôi phải làm sao cho Thanh sẽ ân hận khi nghe đến cái chết của tôi. Nhiều bạn gái của tôi, cũng ở những trường hợp đau khổ ấy, đã làm nên những thành tích mà đồng bào hậu phương còn đang nức lời nhắc nhở đến. Nghĩ vậy, tôi lại ôm mặt khóc nức lên. Đời tôi nếu đi vào con đường liễu lĩnh ấy, không còn kể gì đến thân nữa rồi !... Lắm lúc, tôi lại bảo rằng mình đại, nghĩ quẩn đi thôi. Giữa Thanh và tôi chỉ dính liểu nhau bởi lời nguyên ước cũ, nay chàng quên tình, bội nghĩa, tôi còn thương tưởng, đau buồn chỉ nữa, cho thiệt đến mình.

Càng suy nghĩ lại càng giọt ngấn giọt dài, trời đã khuya rồi mà tôi còn thao thức mơ màng chưa ngủ. Bỗng tôi nghe nơi cửa có tiếng động, Quan đã trở về và có mua những thức ăn cho tôi :

— Ủa, sao chị chưa ngủ đi ?

— Tôi chờ anh để về.

— Về bây giờ chưa được.

vì người chèo đò bị cảm.

— Chết chưa. Vậy phải làm sao ? Má tôi có lẽ trông chờ đủ lắm.

— Có biết bị rủi ro như vậy đâu. Đành phải chịu ở đây đến sáng vậy. À, thằng em chắc đói, gọi nó dậy ăn nhé.

Tôi nhìn lại em tôi, thấy nó nằm ngủ chèo queo, liền bảo :

— Nó có ăn hủ tiếu hồi hôm ngoài tiệm, bây giờ không đói đâu.

Quan ép tôi lại dùng thức ăn nọ với chàng, nhưng tôi từ chối. Tôi nhin ăn từ sáng đến giờ, bụng vẫn no hơi, không thể nuốt trôi thức gì vào cổ được cả. Tôi trở về nằm chung với em tôi nơi bộ ván ở chái bên mặt, Quan ăn xong, vịn nhỏ đèn xuống và ngã lưng nơi bộ ván bên trái.

Một lúc lâu, tôi còn nghe Quan lăn trở, trằn trọc, thỉnh thoảng lại thở dài. Tôi không tài nào nhắm mắt được, tay gât trên trán, nước mắt tràn ra ướt đầm gối. Ánh đèn chong tù mù, hiu hắt mãi rồi tắt đi vì đã khô dầu. Bỗng tối mênh mông và lạnh lùng bao trùm lấy gian nhà lạ,

gieo vào lòng tôi một bơ vơ lạc lõng...

Có tiếng động bên chỗ nằm tôi, và Quan gọi nho nhỏ :

— Vân !... Ngủ hay thức ?..

Tôi không trả lời. Một bàn tay nắm lấy tay tôi, tôi khẽ hất tay ra và ngồi dậy. Quan đứng bên bộ ván, nói bằng một giọng tha thiết cảm động :

— Vân ơi ! Hôm nay tôi mới nói rõ cho Vân biết mối tình của tôi đối với Vân. Tôi yêu Vân đã hơn năm nay, Vân có biết hay không ? Nhưng tôi đành ôm lòng đau khổ vì tôi nghĩ là Vân đã có chồng. Vân chung tình với Thanh, và tôi kính trọng lòng chung thủy ấy lắm. Tôi giữ trọn mối tình cảm của tôi cho đến hôm nay là cái ngày mà Vân đã biết được sự thật đau lòng...

— Anh Quan ! Xin anh đừng nói nữa... Anh trở về chỗ ngủ đi !... Chúng ta nên giữ tình bạn trong sạch mà thôi...

Quan quỳ xuống ôm lấy chân tôi :

— Vân ơi ! Hôm nay, không còn cái gì có thể ngăn cấm tôi tỏ tình với Vân nữa. Tôi có xúi bảo Vân làm bất cứ cái gì đâu ? Tôi chỉ xin Vân nghĩ đến hạnh phúc và tương lai của Vân. Vân

không có thể giết chết cuộc đời mình cho một người đã không còn thương nhớ gì đến Vân. Và bây giờ, Vân cũng không có quyền hờ hững với tôi là một người đau đớn đến gần như tuyệt vọng vì Vân. Tôi không còn đùa dai với ái tình được nữa, tôi phải thú thật với Vân rằng tôi yêu Vân trên hết bất kỳ người đàn ông nào đã vêu...

Đã từ lâu, tôi đoán biết tâm sự của Quan và đã có ít nhiều cảm tình với chàng bởi chàng không hành động như những kẻ khác. Tôi không dự phòng đến một sự tỏ tình bất ngờ như vậy, lòng hãy còn hoang mang chưa kịp nhận xét... Tôi vội đẩy Quan ra và nói :

— Tôi khổ lắm rồi... Xin anh đừng nói nữa.

Quan vẫn ôm chặt lấy chân tôi, giọng sù sùi :

— Vân ơi, Vân có biết số phận của tôi sẽ định đoạt do nơi Vân không? Tâm hồn và thể xác của tôi hoàn toàn ở trong một lời nói của Vân mà thôi. Được Vân yêu, tôi mới còn thấy ý nghĩa đời sống của

tôi; bằng không, tôi sẽ đi biệt tích và tìm hân lấy một cái chết vẻ vang hơn là phải giở sống giở chết bên một mối tình tuyệt vọng...

Là một người đàn bà đã đau khổ, lại vừa qua một cơn tuyệt vọng nào nề, tôi không đành lòng nghe những lời trách móc ai oán, thiết tha như vậy nên cũng sù sùi theo. Quan cầm lấy tay tôi, dụi mặt đầy nước mắt vào.

— Em Vân, em nói một lời đi ! Em hãy cứu vớt dùm anh. Vết thương trầm trọng nơi lòng anh chỉ có tình yêu của em mới hàn gắn lại được thôi. Em còn chần chờ gì nữa mà chẳng yêu anh? Nói đi em ! Hãy nói yêu anh cho lòng anh hết khổ, cho đời anh thấy lại ánh sáng ngày mai, và tình của đôi ta sẽ tươi đẹp hơn bao giờ hết. Anh yêu em lắm, em ơi ! Anh sẽ làm hết sức anh cho em được hoàn toàn hạnh phúc, và nhất là để sua xuôi cái màn tang tóc, sầu thảm đã che kín lòng em bấy lâu...

Quan hôn tôi tấp vào tay tôi, lần lên đến vai, đến cổ... Tôi thương hại và cảm động vì mối tình thầm kín của chàng. Tôi

khẽ né đầu qua một bên, nửa chừng muốn cự tuyệt, nửa chừng dùng dằng không nỡ. Những chiếc hôn nóng bỏng của chàng rơi tôi tấp trên mặt mũi tôi, gây ra những cảm giác kỳ lạ xao động nơi tôi, và tay chàng ôm lấy ngang lưng tôi khiến tôi rung rẩy cả người qua sự tưởng nhớ những kỷ niệm thân ái với người xưa đã dứt đoạn tình...

Tôi giữ tay Quan lại và chống trả một cách yếu ớt :

— Đứng... anh !

Ồi, khi ấy tôi không còn hiểu tôi ra sao nữa. Tôi không phải là một người đàn bà tốt lành, hiền đức của ngàn xưa, song tôi đã chiến đấu với ngoại cảnh và nội tâm bấy lâu nay, và đến những giây phút cuối cùng trên vực thẳm, tôi cảm thấy đã thua cuộc, hoàn toàn mất hẳn sự tự chủ...

Quan ghì chặt lấy tôi, và hơi nóng quyến rũ nơi chàng làm tôi ngây ngất hoang mang như trong một đêm nào, về bấy năm

về trước.

— Yêu anh đi em ! Chóng ngoan !

Tôi mơ màng, kêu lấy người yêu trong mộng tưởng :

— Thanh !... Thanh !...

— Vân ạ ! Tình yêu của Quan sẽ không kém Thanh đâu... Quên một hình bóng đi để chung vui với tình yêu thiết thực...

Tôi không còn sức cưỡng cự nữa, buông mình trong sự cảm dỗ đang lấn áp cả tôi... Tôi như người chết hụt, đã xẩy chân giữa giòng, không còn biết bến đục bến trong nào nữa...

Thời may, tiếng giạt mình khóc thét của em tôi trong cơn mơ ngủ đã lôi tôi ra hẳn giấc mê. Tôi vùng dậy, ôm lấy em vào lòng như cảm ơn sự can thiệp tình cờ của nó đã cứu vớt tôi khỏi một sự ân hận và hổ nhục mà suốt đời không thể quên được. Đứa bé bị ôm mạnh, vấy ra và tỉnh ngủ hẳn. Nó sò soạng vào mặt tôi, hỏi :

— Mình về nhà chưa chị ?

— Chưa em ạ. Nhưng trời gần sáng rồi, chờ chút nữa thì về.

— Anh Quan đâu ? Lần sau em không đi với anh nữa, thấy ghét quá, khi không bỏ người ta đi mất...

Quan đã trở về chỗ nằm. Chàng nghe hai chị em nói chuyện, lên tiếng hỏi :

— Ủa, định thức tới sáng sao chứ ?

Tôi không đáp, ôm lấy em tôi hôn trơ trắt :

— Em hết buồn ngủ rồi chứ ? Thức cùng chị nhé.

Sáng lại, trong khi đưa tôi trở về, Quan hăm hực hỏi :

— Sao Vân thay đổi ý kiến mau lẹ dữ vậy ?

Tôi lặng thinh không đáp, lẩn tránh mắt chàng. Sau đêm xáo trộn tâm tư, tôi trở lại bình thần để nhận xét sự việc. Tôi hiểu rằng tôi mới chỉ thương hai Quan, chứ còn yêu chàng thì chưa. Có thể ái tình sẽ đến, nếu tôi tìm hiểu chàng thêm nữa. Nhưng đến cái việc chàng sắp đặt để lừa tôi vào đường tội lỗi thì tôi chưa quên được ngay trong lúc ấy. Tôi chợt rung mình khi nhớ lại câu « khôn ba năm, dại một giờ », và không ngớt ân hận lấy giây phút yếu lòng của người đàn bà mà chính mình còn không hiểu lấy mình khi ấy được !

(Còn nữa)

BẠN NHỚ ĐÓN

PHỔ-THÔNG

SỐ 40

ra ngày 15-8-1960

SẼ CÓ THÊM 16 TRANG:

Mục-lục tổng quát

(I)

các bài đã đăng trong
PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ
từ số 1 đến số 40

để tiện việc tra-cứu của các bạn.

Từ số 41 đến số 80 sẽ có
MỤC-LỤC tổng-quát (II) v.v...



Mục-lục này sẽ tặng không
quý bạn. Tuy tặng thêm 16
trang, giá bán Phổ-Thông
số 40 vẫn 10 đồng như
thường-lệ.



BA TÈO

(Xem P.T. từ bộ mới số 1)

- 2885.— Tiếng đồn anh thuộc Hương chi nàng anh dõ không xiêu.
được luật giầy tơ hồng, 2889.— Đôi chim se sẽ ăn rẽ
Cớ sao con gái lộn chồng trở ra, đường cày,
— Hỡi nàng mặt đỏ hồng hồng, Đôi đưa ta thương vội ít ngày
Cổ cao rộng miệng lộn chồng theo rồi thôi.
traí. 2890.— Bạn ơi, ô bạn, hai hôn
2886.— Xấu dao xắt chẳng đan đay nè
mỏng giong, Bạn cắt đầu bạn cắt anh đi về
Đó thương dẫu dẫu, đây mừng chỗ khuya.
sơ sơ. — Cắt đầu còn sợ mèo ăn,
2887.— Nhà bà có buổi lành Bằng anh đặc kẻ rặng đem về.
rành, — Anh đặc kẻ rặng đi đường
Có con gái út để dành cho tôi, sợ rớt,
2888.— Cá dưới sông anh còn Bằng em đặc trên khám mai sau
mong bắt bộ, chạ mẹ em nghèo đem ra mà dùng

2891. — Ngó vô trong đó hai toi, So le hai cùm tà vàng,
Em thấy anh còn nhỏ khó coi quá
Tình cô với cháu vô trong nhà
chừng. sần nghĩ ngợi.
- Em đừng chê anh nhỏ mà làm. 2895. — Hồ xi xang bấp rưng
Hòn đá đập nằm dưới, hòn đá
trộn đường,
cầm nằm trên. Bỏ thêm nhăm ló điện tình thương
với nàng.
2892. — Ngựa ô cột trước ao hồ
Năm lừa mười lợc, biết ở đời
Đôi thời chịn đôi cô khó không
đặng không,
thêm.
- Ngựa ô chạy lạc đám tranh,
Trách ông tơ xe lạng mỗi hồng,
Chồng em không có cậy anh bắt
Tuổi xuân xanh không gặp để có
dùm. chồng rồi thương.
- Lên yên giục mã giờ đào,
Vùng mình như mã không cương,
Cuỡi cho thấy chết cái nời kén ăn.
Thấy duyên muốn kết sớ người
thương ở nhà.
2893. — Giăng tay mà đón câu
2896. — Anh gặp em đây nói
hò, chẳng ra điều,
Lại đây anh hỏi con bò mấy lông.
Thấy mã muốn cuỡi thẳng kiêu
không nên.
- Anh về tát cạn biển đông,
Sáo reo hạt mưa đến thành,
Lại đây em nói con bò mấy lông.
Thấy chim muốn bắn, đặt mũi tên
không nhăm.
2894. — Chiều chiều khách kêu
trước cửa, chó sủa sau hè,
Tai nghe thằng cháu bán chè đầu
đây.
- Đàng xa xôi cách trở,
Giốc lòng tìm kiếm mã hay,
Không mấy lâu thuở cháu gặp cô
đây.
- Tỷ như công chúa về dinh,
Để cho trai gái đua bày thế nào.
Chè phong bài yến đãi cho cô một
Chim phụng hoàng đỗ trên lầu cao
Anh dương cung mà bắn sớ rớt
xuống ao thái bình.
- Chim Nguyên căn trái bìa gành,
Chờ cho trăng lặn sẽ đánh lấp tên.

2898. — Vai anh mang cái ná, Trồng cây tưới nước buổi đầu về
Tay anh bả đôi giày. ai.
Đốc lòng đi bắn chim bay, Về chưng cha mẹ luận tài,
May đầu chim chết, đẹp rày cung
Ham giàu phụ khó điều với mai
tên. khiễn lìa.
2899. — Anh thấy em cảm cảnh
Còn gì chờ đợi sớm khuya,
anh thương, Kê ở Tổng quốc người về đồng
Muốn xe chỉ thăm sớ duyên tơ
hàng. Đặt mình xuống chiếu chứa chan
mạnh, má đào.
- Kể từ ngày cái lúc bình sanh
Buồn lâu thấy cũng hư hao.
Lớn lên cha mẹ định thành đầu
Liều mình tự vẫn ra nhào biển
chưa. đông,
- Thiếp với chàng tình đẹp duyên ra
Sống làm chi vợ không gặp chồng
Muốn trao gót ngược sớ không vừa
Kê ăn lê lựu người mong đợi chờ
lòng son.
2900. — Anh có nín đi thì cũng
2901. — Khoai lang đất đỏ, đầu
ngặt, phụng hòn hằm,
Nói ra ruột thác gan đau. Em ăn em uống đãi đêm sáng đêm.
Ngồi ôm lê lựu mà sầu (còn tiếp)

— Những Phật-tử muốn học tập đúng lời Phật dạy, muốn góp phần chấn hưng nền văn-hóa Phật-giáo nước nhà
— Những nhà nghiên-cứu muốn tìm hiểu chân-lý cao thâm của Đạo-Phật.
— Những văn-nghệ-sĩ muốn bảo tồn quốc-hồn, quốc-túy trong công-trình sáng tạo của mình
— Những ai đang khao khát tìm một chỗ nương tựa tinh thần, một lý tưởng cho cuộc đời
— Những ai muốn biết tin tức Phật-giáo nước nhà và thế giới.

Hãy xem : LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN

— Có phát hành tại chùa Xá - Lợi, Ấn - Quang Saigon và các chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn trong nước.

Thư từ liên lạc xin gửi :

Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Tổng Thư-Ký Liên-Hoa Nguyệt-San
66 đường Chi-Lăng — Hộp thư 24 HUẾ



✱ Một con trâu đã 10 năm.

(của Ông Phan-T-Van, giáo viên An-Phú — An-Giang)

Tôi có người bà con có nuôi một con Trâu đã trên 10 năm, cân nặng trên 80 kí, nhưng bây giờ người ấy muốn đem nó lên bán cho sở Thú Sài Gòn để giúp Chính phủ có một con Trâu to lớn và lạ nhất, để nghiên cứu về động vật học, nhưng họ là dân quê không biết điều lệ và cách thức thế nào. Xin ông làm ơn chỉ giúp.

— Ông nên viết thư trực tiếp đề nghị với ông Giám Đốc sở Thú Sài Gòn (Thảo cầm viên).

✱ Nhờ Bộ Quốc gia Giáo dục giảng giải.

(của một nhóm Học sinh Đề Nhị Huế và Đà-Nẵng).

Theo sự ấn định chương-trình của Bộ Quốc gia Giáo dục thì trong các kỳ thi Bán phần cũng như toàn phần Tú-tài, giữa hai ban ; Văn-chương Sinh-ngữ (C) và ban Văn-chương Cồ-ngữ (D) cùng làm những bài thi như nhau, duy về Sinh-ngữ I (Anh hoặc Pháp) ban C phải làm bài Dissertation, còn ban D thì làm bài Hán-tự hoặc Latin. Môn sinh ngữ 2, hai ban vẫn làm chung một đề.

Nếu đúng như thế thì sao trong kỳ thi Bán phần Tú-Tài vừa rồi môn sinh ngữ 2 của ban C chỉ làm hai bài dịch (Anh hoặc Pháp) trong khi ấy, ban D phải làm bài Dissertation, lại là đề sinh-ngữ I của ban C ?

Theo lời ông Chánh-chủ khảo Hội-dồng Huế : “ các thí sinh-ban Văn chương về sinh ngữ phải làm Dissertation... ”

Thưa ông, nếu quả trong chương trình của Bộ Quốc-gia Giáo-dục có ghi rõ như lời vị Chánh-chủ khảo đã nói thì sao trong suốt hai năm Đề Tam và Đề-nhị chúng tôi không được Giáo-sư các trường dạy bài Dissertation nào cả ? Hơn nữa về môn sinh ngữ 2, tại hai lớp trên chương trình hoàn toàn giống chương trình lớp Đề-thất và

Đệ-lục bậc Trung-học Đệ nhất cấp. Như vậy làm sao chúng tôi có đủ khả năng để làm những bài Dissertations trong các kỳ thi ?

Cũng có một vài vị Giáo sư lại trả lời cho chúng tôi rằng « Sinh-ngữ I của ban C làm Dissertation và sinh ngữ 2 làm bài dịch, còn Sinh ngữ I của ban D làm bài dịch thì Sinh ngữ 2 phải làm Dissertation. »

Những câu trả lời trên thật là mâu thuẫn với chương-trình của Bộ, theo chỗ chúng tôi được biết.

Vậy chúng tôi tha thiết kính nhờ ông can thiệp giúp với Bộ Quốc-gia Giáo-dục về vấn đề này để cho những thí sinh ban D chúng tôi khỏi bị thiệt thòi và không có sự chênh lệch quá đáng giữa các ban trong những kỳ thi sắp đến.

— Chúng tôi mong Bộ Q.G.G.D. giảng giải những thắc mắc trên đây cho các thí-sinh.

✱ Về một tài-liệu Văn-học.

(của Ô. Hoa-Tĩnh-Linh, Giáo-viên trường Bồ-Đề, Phan-Rí)

Bài «Nền-tảng Quốc-Văn Đời Tây-Son» của tôi đã đăng trong Phở-Thông số 30, không phải viết theo tài-liệu trong quyển «Quang-Trung của Hoa-Băng» mà phần lớn là theo tài-liệu của ông Sơn-Tùng Hoàng thúc Trâm trong quyển «Quốc-Văn đời Tây-Son» và một vài sử-liệu Văn-học khác.

✱ Không phải vụ Ma-cà-rông.

(của cô Tám ở Pleiku).

... Nhân đọc Tạp-chí Phở-Thông số 36, trong mục Đáp Bạ bốn phương, được thấy Ông trả lời về chuyện MA CÀ RÔNG ; tôi xin nói đích xác rằng viên Công Sứ St Pouloff không hề tố-cáo sự bí mật của vợ y là Lù-thị-Cam (chứ không phải Lưu thị Cẩm) là có bùa ngãi hay Ma-cà-rông. Sở dĩ cựu Công-sứ này bị chết là do Lù-thị-Cam đã tư-tình với Cẩm văn Dung đầu độc y. Đó chỉ là 1 án-mạng vì tình mà thôi.

Nói có sách, mách có chứng, hiện giờ tại Saigon, Luật-sư Bùi-Tường-Chiều tại Văn-phòng Luật-Sư Tridon lúc ấy đã bào-chữa cho bị can là Lù-thị Cam tức bà Chánh (?) tại Tòa Đại-Hình Hà-Nội vào năm 1932.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU HUYỀN
và BẠCH YẾN

✧ Bà Bùi Liêu, 24 Quang Trung, NhàTrang.

Con bà đã đỗ 4 bằng cử nhân khoa học ở Bordeaux, tháng 6 này trình luận án Tiến sĩ khoa học tại Toulouse, thì theo thiên kiến của chúng tôi, Bà nên đề anh ấy tiếp tục việc học vào Centre National de Recherches scientifiques, để sau này có thể trở thành một nhà Bác học có lợi ích cho Tộc quốc và Nhân loại theo như ý nguyện của anh ấy.

Về nước, không thể nào học thêm được vì thiếu nhiều điều kiện. Về vấn đề chuyển ngân, xin bà hỏi ngay nơi các cơ quan có thẩm quyền.

✧ Cô Phan thị Minh Hiền, Saigon.

● Không có sự tự do di dân vào một xứ nào khác nếu không có sự ưng thuận của Chính phủ xứ ấy.

● Linh mục, muốn có các cấp bằng Đại-học, cũng phải học như các sinh viên khác tại các trường Đại-học.

● Khó so sánh tổng quát các văn sĩ phương Đông với văn sĩ phương Tây, nhất là ở các Thế kỷ trước, vì văn hóa, sinh hoạt, quan niệm nghệ thuật và dân sinh, v.v... đều khác hẳn. Sự so sánh ấy không lấy gì làm tiêu-chuẩn.

● Trước tên các vị Linh mục, các vị « Cha » « Cổ » của Gia-tô-giáo, thường có đề 2 chữ R. P. tức là *Révérend Père*.

● Tên các vị Tăng già Phật giáo thường có chữ « THÍCH » ở trước, vì theo một thông lệ của Tăng già lấy theo tên Đức Phật

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

THÍCH Ca Mâu Ni (Tiếng Phạn là Çakya Mouni).

✧ Cô Ngọc Ánh Loan, Giáo viên PhanRí.

● Có nhiều nhà phê bình Văn học cho rằng quyển truyện *Kiều* của Cù Nguyên-Du là một thi phẩm tuyệt tác, nhưng cũng có nhiều nhà phê bình khác không đồng ý như thế.

● « Anh nói với tôi anh chơi với ai, tôi sẽ nói cho anh biết anh thuộc vào hạng người nào » câu chữ Pháp là : « Dis - moi qui tu hantes, je te dirai qui tu es ».

● Sự chia tuần lễ ra 7 ngày đã có từ đời thượng cổ, ở các giống người Ai cập, Do-Thái, và Chaldéens. *Thánh kinh* của gia-tô giáo cho rằng sự chia tuần lễ ra 7 ngày là hợp với 6 ngày tạo thiên lập địa của Chúa, và để ngày thứ bảy thờ Chúa (Chúa nhật). Nhưng cũng thời ấy, người Hy-Lạp chia mỗi tháng ra 3 tuần, mỗi tuần là 10 ngày, mà họ gọi là *Dékas*. Thời kỳ Cách mạng Pháp, năm 1792, chính phủ cách mạng cũng bỏ tuần lễ 7 ngày mà theo tuần lễ 10 ngày của Hy-Lạp, và gọi là *Décade*. Người La-Mã thời Thượng cổ chia ngày tháng hơi lộn xộn (ides, calendes, nones...) nhưng từ đời vua Auguste thì theo tuần-lễ 7 ngày. Tuy nhiên, họ không theo 7 ngày của Thánh-kinh Gia-Tô giáo, mà lại đặt theo Thần-thoại, như sau đây :

Ngày thứ Nhất là ngày của Mặt Trời.

Ngày thứ Hai của Mặt-Trăng (Lune — Lundi)

Ngày thứ Ba của Thần Hỏa Tinh (Mars — Mardi)

Ngày thứ Tư của Thần Thủy-Tinh (Mercure — Mercredi)

Ngày thứ Năm của Thần Mộc-Tinh (Jupiter — Jeudi)

Ngày thứ Sáu của Thần Kim-Tinh (Vénus — Vendredi)

Ngày thứ Bảy của Thần Thờ-Tinh (Saturne — Samedi)

Tiếng Pháp, tiếng Espagnol và Portugais cũng lấy theo góc la-tinh, nên đặt tên 7 ngày trong tuần theo Thần-thoại La-Mã. Nhưng để kỷ-niệm ngày Jésus Christ phục-sinh, họ chọn ngày Chúa-nhật không phải là ngày thứ Bảy của tuần-lễ, (Sabbat), mà là ngày đầu,

Dimanche — Jour du Seigneur). Đạo Cơ-dốc Phục-lâm của Mỹ (Adventistes) thì chọn ngày thứ Bảy trong tuần (Sabbat) làm ngày của Chúa, và nghỉ ngày ấy.

Người Đức và người Anh thì vẫn gọi ngày "Chúa Nhật" là ngày của Mặt Trời (Sunday) chứ không gọi là ngày của Chúa.

✱ Ô. Trần-viết-Kỳ, Tùng sự tại K.T.P.Q. Đà-nẵng, K.B.C. 4281

● Ngoài việc dùng làm các món đồ trang sức, VÀNG còn có một vài công dụng khác về y-khoa, với hình thức colloïdase d'or, électrolyte, để sát-trùng trong các bệnh nặng như bệnh thương hàn (thuốc chích thịt, hay chích gân), chlorure, cyanure, hyposulfite, để chữa bệnh lao phổi.v.v...

● VÀNG rất quý và có giá-trị tuyệt mức trên thị-trường quốc-tế vì hai lẽ : một, nó là một loại kim-khí đẹp nhất, vì màu vàng rực-rỡ của nó

(Nhà Văn J. Joubert đã nói : Vàng là Mặt Trời của các loài kim-khí : *L'or et le soleil des métaux*) ; hai, nó là một loại kim-khí hiếm nhất. Trên Thế-giới, chỉ có mấy nước sau đây có những mỏ vàng lớn : NAM-PHI (Witwatersrand), RHODÉSIE, NGA (Oural, Kolyma, Djezkazgan) CANADA (Québec, Ontario) MỸ (California, Sierra Nevada, Colorado, Alaska), ÚC (Tây-Sa-Mạc) MEXIQUE (Sonora), BRÉSIL, ẤN-ĐỘ.

● VÀNG được quy dụng từ thời Hy-Lạp, La-Mã, bắt đầu lấy vàng ở Ấn-độ và Arabie, Thrace, về nạm trên các món đồ bằng gỗ, đồng và bạc. Suốt thời Trung-cổ, các người quý tộc Âu châu và Á-châu đã dùng chén vàng, bát vàng và nữ trang bằng vàng, Từ thế-kỷ XVI, vàng được thông dụng khắp nơi. Vua Louis XVI nước Pháp, (Thế-kỷ XVII) dùng đồ toàn bằng vàng nguyên.

● Trong các giai-thoại về VÀNG trong Văn-học cổ kim theo chút ít hiểu biết của chúng tôi, có chuyện *Pho tượng đầu vàng* sau đây là lý-thú hơn hết :

Vua xứ Babylone là NABUCHODONOSOR (612 năm trước J.C.) nằm mê thấy mình hóa ra một pho tượng mà cái đầu bằng vàng, ngực và hai tay bằng bạc, bụng bằng đồng, hai ống chân

bằng sắt, nhưng hai bàn chân thì bằng đất sét. Pho tượng cứ tưởng rằng mình vững chắc lắm, không dè một hòn đá ở trên núi rớt xuống đụng hai bàn chân bề nát (Vì chân bằng đất sét!), và cả pho tượng bị đổ ngã, rơi ra từng mảnh vụn. Chuyện chỉ có thể và ngụ ý rằng : một thể lực, hay một uy quyền nào đó tưởng là vững chắc cả đời mình, nhưng thường thường là có hai bàn chân đất sét, một biển cố nhỏ nhất bất ngờ cũng có thể làm sụp đổ tan hoang !

✱ Ô. Hà Thân Thiện, Trung tâm G.D.C.B. Long An.

Đây, tên 13 vị liệt sĩ V.N.Q.D.Đ. bị chết trên máy chém ở Yên Bái sáng sớm ngày thứ Ba 17-6-1930 :

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1) Nguyễn-Thái-Học, | 8) Nguyễn-văn-Du |
| 2) Phó-đức-Chính | 9) Nguyễn-văn-Thịnh |
| 3) Bùi-tự-Toàn | 10) Nguyễn-văn-Tiêm |
| 4) Bùi-văn-Chuẩn | 11) Đỗ-văn-Tu |
| 5) Nguyễn-An | 12) Nguyễn-văn-Cửu |
| 6) Hà-văn-Lào | 13) Nguyễn-như-Liên |
| 7) Đào-văn-Nhất | |

✱ Trung-sĩ Trần q Sang KBC 4430.

Kim-Tự-Tháp Ai-Cập: Tháp giống hình chữ "kim" của Hán-Tự (金) có đến gần 180 cái, chứ không phải một cái. Nhưng cái lớn nhất, và được coi như là một kỳ quan vũ trụ là kim-tự Tháp của CHÉOPS, xây từ Triều Pharaon thứ IV, (2980-2475 trước J.C), bề cao 137 mét, bề dài mỗi bên 227 mét, 30 bề khối 2521.000 thước khối đá. Theo sách của nhà Sử học Hy-Lạp là Hérodote (484-425 trước J.C.) thì có 100.000 người phu cắt phiên nhau ba tháng một lần, xây dựng suốt 30 năm mới hoàn thành kim tự tháp ấy. Đó là ngôi mộ của một vị vua Ai-cập (vua Chéops). Còn đền "Đế thiên Đế thích" của Cambodge (Angkor-wat và Angkor Thom) thì xây dựng từ Thế kỷ thứ IX đến thứ XII sau J.C. nghĩa là 12 Thế kỷ sau Kim-tự-Tháp

trên 4 ngàn năm.

★ **Ô. Vũ mạnh Thường, 29 IB Gialong, Quinhon**

Bài « Vài đêm nghe giảng » của ông chứa nhiều luận diện rất xác đáng, nhận xét khách quan, phê phán trung trực, chúng tôi hoàn toàn đồng ý- nhưng đừng đăng trên báo thì chắc chắn là có lợi hơn. Ông nghĩ kỹ lại xem. Xin gởi ông những cảm tình chân thật của Phồ-Thông Tạp-chí.

★ **Ô. Giáo sư vô danh**

● Đương sự ở nơi hẻo lánh hoặc nhiều trộm cướp, không muốn cho ai biết mình trúng số lớn, thì trước nhất chính mình đừng nói cho ai biết, và khi đi lĩnh tiền yêu cầu nhà Ngân khố giữ bí mật hoàn toàn tên họ và địa chỉ. Nên lên Sài Gòn lĩnh tiền hơn. Muốn nhờ Trạng-sư hay không là tùy mình.

★ **Em Vân Cù — Bờ đề — Huế.**

● « Tân Phong » viết bài trong báo « Cách-Mạng Quốc-gia » không phải là Tân Phong của tạp chí Phồ Thông.

★ **Ô. Nguyễn Chung Ái — Bảo lộc.**

Trong Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh nói cây trinh nữ là cây « Hồ người » cây, « mắc cở », tiếng Pháp gọi là *Sensitive*

★ **Bạn Tân An, Phú Thủy.**

● Chữ Phát-Xít là do chữ *fascismo* của Ý, là chế-độ chính trị của nhà Độc-tài Ý, BENITO MUSSOLINI, thời Tiền-chiến.

● Chế-độ QUÂN PHIỆT là chế-độ do các tướng lĩnh quân-đội cầm-dầu, như Nhật-bồn hồi tiền-chiến.

● Nhạc-sĩ Phạm-Duy hiện ở Sài Gòn.

★ **Quý ông Ngăn, Đệ, Bốn, Nha Thương-cảng Đà-Nẵng.**

Lãnh-sự = Đại-diện của một nước ở một nước khác (consul)

Đại-sứ = Chức lớn hơn và địa-vị quan-trọng hơn lãnh-sự (ambassadeur)

Đại-sứ = Một sứ thần có một nhiệm-vụ công-tác đặc-biệt (Ambassadeur extraordinaire)

★ **Bà Mộng - Hòa — Huế.**

● SÉT là khi hai luồng mây giông có điện âm (—) và điện dương (+) chạm vào nhau rất mạnh gây ra tiếng nổ (sấm). Khi một trong hai luồng mây đó, thí-dụ như mây có điện âm, bay thấp, gặp một phần tử nào ở mặt đất mà gần nó nhất, gây ra điện dương, hai điện chạm mạnh nhau thành sét mà ta gọi là sét đánh.

● Muốn sang thì bắt cầu KIỀU

Muốn con hay chữ phải yêu mến thầy.

Chữ *Kiều* trong câu ca-dao này chỉ là tiếng điệp của chữ *cầu* chứ không có nghĩa là «nhị-Kiều», theo điển-tích «Đồng-trước Xuân-thâm tòa nhị Kiều» của Đỗ-Mục.

Xin thành-thật cảm ơn thư Bà.

★ **Một Bạn đọc ở Huế (do Bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương trả lời)**

1) Màng trinh (l'Hymen des jeunes filles) bị vỡ không có nghĩa là đã phá trinh, những trường hợp sau này chứng minh cho sự nhận xét trên :

— Em bé lúc thiếu thời, té ngã trên một miếng gỗ (té như kiêu cời ngựa) bị rách màng trinh.

— Ở duyên hải, có bệnh ghê cóc, một số em bé gái bị ghê ấy nơi màng trinh, khi chữa trị lành, màng trinh ấy bị rách.

— Trường hợp bị bệnh ngứa nơi cửa mình do ký sinh trùng. Gãi chà làm cho bề màng trinh.

— Trường hợp bị giải phẫu nơi màng trinh để cho kinh nguyệt có đường ra.

2) Màng trinh còn nguyên vẹn không có nghĩa tuyệt đối là trinh tiết.

— Có trường hợp thiếu phụ đã sanh đẻ một hai con mà màng trinh vẫn còn nguyên vẹn. Bởi vì màng trinh mềm dẻo như cao su.

nông mà không bẽ.

3) Trinh tiết là một đức tính luân thường chứ không phải là một biểu hình giải phẫu (La virginité est un acte moral, elle n'est pas un fait anatomique) Rút ở sách Traité d'anatomie của Testut.

4) Muốn có một ý thức tổng quát về màng trinh, nên đọc "Giải phẫu giáo khoa thư" lớp Ôn Bà tức là Bà Mụ. "Cours d'anatomie à l'usage des sages-femmes".

Bác sĩ: Hoàng-mộng-Lương

★ Ô Trương Mai — Huế.

Sách thuốc Tàu thời xưa chép: "Phong, Lao, Cồ, Lại tứ chứng nan y"; PHONG là bệnh điên, LAO là ho lao, CỒ là mê loạn, LẠI là bệnh hủi. Các cụ Lãn ông thời xưa không chữa được, nhưng ngày nay y-học đã tiến bộ lắm, đã làm dịu bớt phần nào các chứng bệnh ấy.

Bệnh lao, lúc mới phát, có thể chữa ngay được.

★ Ô Lê văn Minh — Đà-Nẵng.

Không thể nào kể cho hết các đời kế tiếp trong gia phả của Jésus Christ.

Chỉ có thể tóm tắt đại-khái như sau đây, theo *Le Livre des Chroniques (Cựu-Uớc)*:

- Từ ADAM và EVE đến NOÉ = 10 đời.
- Từ SEM (một trong ba người con của Noé) đến ABRAHAM: 10 đời

Theo Tân Ước (Evangile Selon Matthieu):

- Từ ABRAHAM tới David = 14 đời.
- Từ DAVID tới Jéchonias = 14 đời.
- Từ JÉCHONIAS tới Joseph = 14 đời.

"Joseph, chồng bà Maria, từ nơi Maria sinh ra Jésus. tên là Christ".

Một «Đời», theo trong Thánh-kinh không phải chỉ hạn chế vào khoảng 100 tuổi, vì chúng ta thấy thí-dụ như:

ADAM sống đến được 130 tuổi, còn sinh một trai là SETH.

Từ sau khi sinh Seth, Adam còn sống 800 năm nữa và còn sinh nhiều trai và gái khác nữa, Tổng cộng ADAM thọ đến 930 tuổi. NOÉ thọ đến 950 tuổi, nhưng chỉ có ba người con: Sem, Cham, Japhet.

ABRAHAM sống được 175 năm.

★ Ô. Lê công Cẩn, Vientiane.

Bài hát Từ biệt của Hướng Đạo nguyên thủy là một điệu hát xưa: "Auld Lang Syne" của người Ecossais, Linh mục SEVIN soạn lại thành bài *Chant des Adieux* (Tiễn biệt ca) ngày nay đã thông dụng khắp thế giới, nguyên văn sau đây:

CHANT DES ADIEUX

Paroles du R.P. SEVIN

- 1.— Faut-il nous quitter sans espoir,
Sans espoir de retour?
Faut-il nous quitter sans espoir
De nous revoir un jour?

Refrain

Ce n'est qu'un au-revoir, mes frères,
Ce n'est qu'un au-revoir,
Oui, nous nous reverrons, mes frères,
Ce n'est qu'un au-revoir.

- 2.— Formons de nos mains qui s'enlacent
Au déclin de ce jour,
Formons de nos mains qui s'enlacent
Une chaîne d'amour.

- 3.— Unis par cette douce chaîne
Tous, en ce même lieu,
Unis par cette douce chaîne
Ne faisons point d'adieu.

NGÀY SONG - THẮT

Ngày Song Thắt !

Ngày đánh dấu một giai đoạn lịch-sử vẻ vang của dân-tộc Việt-Nam, ngày phát động cuộc Cách mạng cứu quốc và kiến-quốc do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo.

Nhân dân Việt-Nam đón chào ngày Song Thắt một cách long trọng và phấn khởi !

Năm nay, không những là một dịp để cho toàn dân kiểm điểm các kết quả đã đạt được trong công cuộc phục hưng Quốc-Gia, mà còn là để toàn dân biểu lộ lòng tin-tưởng tuyệt đối vào chính thể Cộng-Hòa Nhân-Vị, vào đường lối chính sách của chính-phủ dưới quyền lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng-Thống.

Trong 6 năm qua, từ năm 1954 đến nay, mặc dầu nước nhà gặp bao trở ngại khó khăn, nhưng với một lòng tin tưởng mạnh mẽ, Chính phủ đã thực hiện được trên mọi lãnh vực, giải phóng dân tộc, giải phóng con người Việt Nam về vật chất cũng như tinh thần.

Trên phương diện chính trị, chính phủ đã thấu hồi chủ quyền toàn vẹn, dẹp tan phiến loạn, thống nhất quân đội thành lập nền Cộng hòa, bầu cử Quốc hội, ban hành Hiến pháp, thực hiện dân chủ.

Về kinh tế và xã hội, Chính phủ đã chuyển nền kinh tế kiệt quệ thời chiến sang thời bình, nâng cao mức sinh hoạt của các tầng lớp dân chúng. Với chủ trương «thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội».

Về phương diện ngoại giao : Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã thu lượm được những thắng lợi vẻ vang 64 quốc gia đã công nhận hay có liên lạc với Việt Nam Cộng Hòa, 27 quốc gia đặt tòa đại diện ngoại giao tại Việt Nam và ngược lại Việt Nam cũng đã thiết lập 26 tòa đại diện ngoại giao tại ngoại quốc.

Việt Nam đã được bầu làm hội viên của 35 tổ chức quốc tế, trong số đó có 10 tổ chức chuyên môn của Liên Hiệp Quốc, đã tham dự gần 500 hội nghị quốc tế và đã đạt được nhiều kết quả vẻ vang.

Riêng thủ đô Saigon đã được chọn làm địa điểm hội họp cho nhiều cuộc hội nghị quốc tế quan trọng, như hội nghị kế hoạch Colombo đã có 21 quốc gia tham dự đã được hân hạnh đón tiếp nhiều vị Quốc trưởng, chính khách và phái đoàn thiện chí của các quốc gia bạn trên khắp 5 châu.

Những cuộc tiếp đón nồng hậu đặc biệt khi TỔNG THỐNG công du qua Mỹ quốc, Đại Hàn, Thái Lan, Ấn độ, Úc đại Lợi, Phi Luật Tân, Đài Loan, Mã Lai, là những bằng chứng cụ thể cho những thành công thắng lợi về mặt ngoại giao. Từ địa vị một nước thua kém trên trường chính trị quốc tế, Việt Nam đã lần lần tiến tới địa vị khả quan của một quốc gia độc lập, xứng đáng với trách nhiệm quốc tế mỗi ngày mỗi quan trọng.

Trước những thành công, thắng lợi đó, mỗi năm đến ngày 7-7 nhân dân Việt Nam thành kính giữ lại những trang quốc sử để khắc ghi trong tâm khảm lòng biết ơn sâu xa đối với Ngô Tổng Thống vị cứu tinh của dân tộc.

CHUYÊN TRI

Bệnh Phổi máu, Ho lao, Suyễn, Ho ra máu, đau bao tử, đau tim, suy thận lâu năm nên đến

ÔNG ĐÔNG Y SĨ LÊ VĂN THÀNH

33 Bến Nguyễn Duy Chơlớn

(nhờ Bà Tám chỉ Hộ, Phường Cây Sung)

Nay kính,

Nguyễn-văn-Xiễn Quản Lý

ở xa gửi thơ hỏi bệnh sẽ được sẵn-sàng phúc đáp

BỨC THƠ CẢM TẠ

Chợ-Lớn ngày 26 tháng 6 Năm 1960

Kính gửi Đông y sĩ Lê-văn-Thành

Thưa ông,

Tôi, Tạ-Thị-Nguyệt

Xin có vài giòng dưới đây đề cảm tạ ơn ông đã chữa cho tôi được lành mạnh.

Nguyên tôi mắc bệnh thiếu máu, yếu tim năm năm đến ngày 29 tháng 4-1960, giữa lúc tôi lâm vào một tình-trạng gần như thất vọng thì tôi đã may mắn được biết ông và nhờ ông điều-trị. Trong vòng bảy ngày tôi đã nhận thấy bệnh thuyên giảm rất nhiều.

Nên tôi tiếp-tục nhờ ông cho thuốc, đến ngày 16 tháng 6 năm 1960 tôi thấy khỏi hẳn. Thưa, nhờ phương-pháp trị bệnh cực-kỳ công hiệu và giản-dị của ông. Tôi đã thoát khỏi cơn bệnh một cách dễ-dàng, mau chóng mà không tốn nhiều tiền. Trước công ơn này tôi chưa biết lấy chi đền đáp.

Xin ông vui lòng nhận nơi đây những lời thành thật của tôi, xin kính chúc ông cùng quý quyến được muôn điều hạnh-phúc.

Nay kính

Địa chỉ số 51Đ/15 bến Nguyễn Duy

Tạ-thị-Nguyệt

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến.Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trên trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc-Đắc trúng.	1.000.000\$
5	lô trúng.	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55	lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ.Số KIẾN-THIỆT

K. D. số 322/HĐKD — Saigon, ngày 13-7-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

Bạn nhớ đón

PHỔ-THÔNG

RA NGÀY 15-8-60

số tới

Mục-Lục Tổng-Quát

★ ★ ★ I ★ ★ ★

Các bài đã đăng trong PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

từ số 1 đến số 40

Sắp theo các Đề-mục : Văn-học V. N., Văn-học quốc-tế, Lịch-sử V. N., Lịch-sử Thế-giới, Khoa-học, Y-học, v.v..., để các bạn dễ tra cứu.



Một kho Văn-hóa

Đông-tây kim-cổ